

hiện đại

tháng sáu - 1960

NHỮNG KHUÔN MẶT ĐÀN BÀ TRONG VĂN CHƯƠNG

MẶC ĐỔ

LOLITA

TRỊNH VIỆT THÀNH

EMMA BOVARY

LÝ QUỐC SĨNH

THÔI OANH OANH

NGUYỄN DUY DIỄN

MAI

SĨ MỘC

ANNA KARÉNINE

HOÀNG HẢI THỦY

CONSTANCE CHATTERLEY

LƯU TRUNG KHẢO

CÚC HOA

NGUYỄN SA

JOSÉE

và những sáng tác của :

Thanh Nam : BẾN ĐÒ * Tạ Tỵ : VẾT THƯƠNG * Tô Kiều
Ngân : SẮC MÀU * Hoàng Anh Tuấn : CÁI TÁT * Mặc Thu :
CÁI GIƯỜNG * Doãn Quốc Sỹ : CON CHUỘT CHỦ * Song
Linh : THỨC GIẤC NỬA KHUYA * Thái Thủy : CHUYỆN
ĐAU THÂM * Đinh Hùng : GẶP NHAU LẦN CUỐI * Trần
Thy Nhã Ca : DỌC ĐƯỜNG * Sao Trên Rừng : DỊU VỢI *
Nguyễn : ỦP MẶT * Mai Sứ Giương : Ý NGHĨ * Tường
Phong : KÝ THÁC * Hoa Cúc Huyền : ĐÊM SAO

3

Chủ trương biên tập :

NGUYỄN SA

Tòa soạn : 36, Nguyễn-an-Ninh - Saigon

Tạp chí
Hiện Đại
số 3

tháng sáu - 1960



Paris * 09.2025

Phục dựng : *Ban Tuyển đọc TVTL*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

Hiện Đại số 3

NHỮNG KHUÔN MẶT ĐÀN BÀ TRONG VĂN CHƯƠNG

HIỆN ĐẠI số 3
Saigon * tháng 6-1960

NỘI DUNG SỐ NÀY
Những khuôn mặt đàn bà
trong văn chương:

- | | |
|--|-----------|
| 1. Mặc Đỗ | 13 |
| Lolita, Iscult thời bác sĩ Kinsey | |
| 2. Lý Quốc Sinh | 33 |
| Nhan sắc Oanh Oanh | |
| 3. Nguyễn Duy Diễn | 63 |
| Mai, một nhân vật khả ái của Khải Hưng | |
| 4. Sĩ Mộc | 83 |
| Anna Karenine, kẻ tình nhân cô độc | |
| 5. Lưu Trung Khảo | 97 |
| Cúc Hoa | |

6. Hoàng Hải Thủy	110
3 nàng Constance Chatterley	
7. Trịnh Viết Thành	121
Emma Bovary, một người đàn bà	
8. Nguyễn Sa	152
Josée buồn	
9. Năm cánh tay:	167
Nguyện – Úp mặt; Sao Trên Rừng – Dịu vội; Tường Phong – Ký thác; Mai Sủ Giương – Ý nghĩ; Hoa Cúc Huyền- Đêm sao.	
10. Mặc Thu	180
Cái giường	
11. Tô Kiều Ngân	193
Sắc màu	
12. Đinh Hùng	207
Gặp nhau lần cuối	

13. Hoàng Anh Tuấn M.	211
14. Thái Thủy Chuyện đau thảm	216
15. Nguyễn Duy Diễm Lưu luyến	218
16. Trần Thy Nhã Ca Dọc đường	220
17. Hoàng Anh Tuấn Cái tát	222
18. Song Linh Thức giấc nửa khuya	248
19. Doãn Quốc Sỹ Con chuột chù	282
20. Tạ Tỵ Vết thương	310

21. Thanh Nam **338**

Bến đò

22. Nhìn bảy chân trời **366**

Lý Tứ – Sĩ Mộc – Huyền Phụng – Hoài
Ngọc

HIỆN ĐẠI SỐ 4

PHÁT HÀNH 10-7-1960

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ ĐÊM SAIGON

với THANH NAM, ĐÌNH HÙNG,
MAI THẢO, MẶC ĐỖ, TẠ TỴ,
HOÀNG ANH TUẤN, THÁI THỦY,
DOÃN QUỐC SỸ, HUY QUANG,
HOÀNG HẢI THỦY, LAN ĐÌNH,
MẶC THU, LÊ THƯƠNG, TRỊNH
VIẾT THÀNH, SONG LINH

Những khuôn mặt đàn bà trong văn chương

MẶC ĐỒ – LÝ QUỐC SINH -

NGUYỄN DUY DIỄN

SĨ MỘC – LƯU TRUNG KHẢO –

HOÀNG HẢI THỦY

TRỊNH VIỆT THÀNH – NGUYỄN SA

Đàn bà là mặt trời của thế giới văn chương. Nhận định này tất nhiên không đúng tuyệt đối như một công lý toán học nhưng nhất định biểu lộ được một phần sự thật. Một số đáng kể những tác phẩm đàn bà được hướng về đối tượng vĩnh cửu ấy. Những khuôn mặt đàn bà soi chiếu

lên tác phẩm văn nghệ những vùng ánh sáng quá thật độc đáo. Có khi lòa chói, sôi nóng, cuồng nhiệt, giông bão. Có lúc thoải mái, tha thuốt, dịu nhẹ, hiền hòa.

Mặc Đỗ, Lý Quốc Sinh, Hoàng Hải Thủy, Trịnh Viết Thành. Sĩ Mộc ghi nhận những khuôn mặt cuồng nhiệt, giông bão của những Lollin, Thôi Oanh Oanh. Chatterley, Bovary, Karénine. Lưu Trung Khảo nhắc nhở đến Cúc Hoa hiền thực, đoan trang. Nguyễn Duy Diễm nhớ mở tóc buồn của Mai và Nguyên Sa đôi mắt chán chường của José lúc nàng hai mươi năm tuổi.

Hiện Đại

LOLITA, ISEULT THỜI BÁC SĨ KINSEY

Mặc Đỗ

Trong tập tình sử nghìn đời của nhân loại, đối tượng của những tấm tình si (tạm dịch danh từ amour-passion) thiết tưởng chỉ đổi thay ngoài hình thức, qua thời gian và không gian: Tình nhân trong con mắt và tâm tư của một kẻ si mê, vĩnh viễn chỉ là một. Phút giây thăng hoa của những mối yêu để-mà-yêu đều phát động do trở lực duy nhất: đã tâm muốn “cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh”. Nếu không có

ông Vua Marc quyết định chia rẽ, câu chuyện giữa Tristan và Yseult e rằng không còn làm nao lòng được những tín đồ thời nay của thần Eros. Và cũng cần biết thời nay những Vua Marc tác động ra sao nữa.

Nhưng có người sẽ vội cãi: làm gì còn những tấm tình si sau khi Marx và Freud đã định những tương quan của cuộc đời này trong những phương trình có thể chứng minh bằng a và b như những phương trình toán học! Quả vậy, nhiều vụ yêu thương ở đời này, trong tác phẩm cũng như trên dòng sinh tồn thường nhật, đã nằm gọn giữa ranh giới của những định luật tâm lý và xã hội. Ngay ở những tập thể mà ở phần nội tâm của con người còn giữ một vai trò ưu thế, người ta đã bắt đầu muốn tìm hiểu qua nhãn quan của hai khối óc rất

tiêu biểu kia. Tuy nhiên, cũng cần đặt lại câu hỏi: tiếng nói của những tấm tình si đã hoàn toàn chìm đắm dưới ngọn trào cơ khí chưa? Có thể có những phản ứng thê thiết của tấm lòng khao khát yêu đương trong cuộc hòa tấu nhộn nhịp, khắc khoải của xã hội đương thời hay không?

Ở đây, một thái độ hết sức khách quan rất cần thiết. Bảo rằng kẻ tình nhân ở nửa thế kỷ hai mươi không còn tìm thấy lửa, hay nhất quyết rằng nguồn yêu thương sôi bỏng chưa hề cạn vì bụi phóng xạ, ta sẽ lâm vào một cuộc tranh luận không bao giờ hết. Tốt hơn hết, ta thử đi im một kẻ tình nhân ở giữa cuộc đời hiện tại. Tìm không phải để rồi xoa tay mà hân hoan theo chiều này hay chiều khác. Thật tình, những vấn đề của con người và của cuộc đời cần được xếp

riêng ra, vì sau cuộc lo toan cơm áo, ai mà chẳng còn những lúc ngồi đây kia để ngắm mây trời.

*

Kẻ còn giữ được mối tình ở nửa thế kỷ hai mươi có thể tìm thấy ở Humbert – Humbert, nhân vật chính trong tiểu thuyết *Lolita*¹, của Vladimir Nabokov. Mối tình của Humbert đối với Lolita mang một điểm đặc sắc là phản chiếu trọn vẹn xã hội ngày nay, hơn nữa, một xã hội mà ai cũng công nhận có chứa chất đầy đủ những thành kiến, nguyên tắc, mâu thuẫn của nền văn minh cơ khí: xã hội Mỹ.

Bởi cuốn truyện dẫn ở đây còn xa lạ

1 Nguyên tác Anh văn: G.P. Putnam's Son, New York 1958. Bản dịch Pháp văn (khá thành công): Gallimard, Paris, 1959.

với đa số độc giả, vì chưa được dịch ra Việt văn và những bản ngoại ngữ Anh hay Pháp cũng không mấy phổ cập, chúng tôi cần ra ngoài đầu đề một chút để giới thiệu tác giả và tác phẩm và đồng thời đặt trường hợp Lolita vào giữa hoàn cảnh của nó. Ra ngoài đầu đề nhưng cũng sẽ giúp thêm nhiều vào sự đi tìm một kẻ tình nhân của thời đại.

Vladimir Nabokov, 61 tuổi, dòng dõi một gia đình tư sản có quyền thế thời Nga hoàng. Cuộc đời tuổi nhỏ của Nabokov có thể ví với cuộc đời của những nhân vật trong tác phẩm của Proust. Người ta đồn rằng khoảng 1910 toàn thể đế quốc Nga hoàng có chừng một ngàn cỗ xe hơi, riêng gia đình Nabokov có hai cái thuộc loại lịch sự nhất. Năm 1917, thành lập Liên-bang Xô-viết, ông thân của Vladimir có chân trong Chính phủ lâm thời.

Bị nhóm bên-sê-vích bắt giam, ông chạy xuống Crimea và lập một chính phủ tự do. Hai năm sau ông trốn sang Anh. Vladimir khi đó hai mươi tuổi, tiếp tục sự học tại Đại học đường Cambridge. Tốt nghiệp. ông theo cha sang Bá Linh lập nghiệp và sống ở đó từ 1922 đến 1940. Phải tị nạn lần thứ hai, ông chạy qua Pháp ít lâu rồi qua Mỹ ở hẳn. Từ 1926 đến 1955, ông liên tiếp cho xuất bản ngót một chục cuốn tiểu thuyết bằng Nga văn rồi bằng Anh văn, và một tập hồi ký.

Bản nguyên tác Anh văn của Lolita ấn hành năm 1955 tại Pháp. Bị cấm ở Pháp và Anh, tại Mỹ và Đức cuốn tiểu thuyết tai tiếng của Nabokov liên tiếp mấy năm liền đứng vào hàng những tác phẩm bán chạy nhất. Đó là một điểm ngạc nhiên cho tác giả, vì chính ông đã ngại không cho xuất bản lần đầu tại Mỹ.

Độc giả Mỹ, mãi gần đây mới tự do đọc cuốn Người tình của Lady Chatterley, đã sớm coi tác phẩm của Nabokov là một áng văn chương có thể xếp trong tủ sách gia đình. Đã đành rằng đó chỉ là “một chuyện thần tiên dành cho người lớn” như có nhà phê bình đã viết.

Quả tình, nội dung cuốn Lolita có thể làm sững sốt những nhà đạo đức như ông bộ trưởng nội vụ Pháp hồi nào. Lolita, mười hai năm bảy tháng, là một cô gái đồng trinh có cái duyên đáng sợ, ngây thơ mà chẳng ngây thơ, và đôi lúc có những cử chỉ khá tục. Đó là thứ người đẹp mà tác giả phải bày riêng ra một danh loại đặc thù: nymphet. Thứ lửa đó rước đi ở ngoài đường phố, giữa những đô thị văn minh, có hiệu lực làm nổi những đám cháy lớn trong lòng những người đàn ông đã có một vài triệu chứng

lão suy, hay những cậu con trai mặt còn đầy những mụn trứng cá. Chỉ riêng có bà mẹ cô ta là còn coi cô ta như một đứa trẻ mất dạy nhưng vô hại. Khi tình cờ gặp Lolita, Humbert đã mất hai mươi bốn năm đuổi theo hình bóng người tình hồi mười ba tuổi, một cô gái cùng lứa, nước da màu mật ong. Gặp Lolita, Humbert tưởng như Anabel của ngày tuổi nhỏ vừa sống lại vậy. Trong cơn khao khát theo đuổi Lolita, Humbert đành nhận góa phụ Haze, mẹ của Lolita, làm vợ tạm. Một tai nạn xe hơi ngẫu nhiên đã gỡ giúp Humbert cái chướng ngại đó. Nhân một cuộc đi chơi xa, đi trước cả những tâm cơ của Humbert, chính Lolita, trong căn phòng trọ, lúc nửa đêm về sáng, đã dạy anh chàng bốn mươi cái trò chơi lạ mà nàng mới học được do một thằng nhãi trạc tuổi. Rồi suốt một năm trường, trong một cuộc phiêu du qua

khắp nước Mỹ, và qua những cái hôn, những vuốt ve, những rã rời, những tha thiết, những chán chường, Humbert nhận thấy rằng yêu là cả một công trình gian khổ và cô gái mười ba, lạc lõng, mù mẫm, vừa đáng mê vừa khó chịu, lại nhận thấy cần đánh đổi những trò chơi lạ để lấy kẹo bánh, lấy những cốc kem lạnh đầy ụ và những món chưng diện phí tiền. Tuy nhiên, Humbert vẫn thấy mê nàng nymphet óc rộng hơn là những phụ nữ mà tình cảm chứa đầy trong... bụng. Nhưng rồi chàng cũng thấy Lolita già đi! Một bữa Lolita bỏ đi, theo một kẻ lão suy khác. Humbert lại đi tìm trong mấy năm, để rồi nhận được một bức thư cầu cứu của nàng. Gặp lại, Lolita không còn là thử nymphet của ngày nào: bụng chứa, da mặt mét xanh và mang nợ, nhưng Humbert vẫn yêu. Lolita nhất định không chịu đi theo Humbert nữa và

nhận sự trợ giúp để ở lại sống với chồng, một thanh niên cũng lứa. Humbert xách một cây súng, lại lên chiếc xe cũ, quyết tâm đi tìm gã lão suy đã cướp mất Lolita hồi trước. Humbert tìm gặp được gã kia, giết được gã, rồi vào tù. Mấy bữa trước khi tòa xử vụ án mạng, Humbert chết trong khám vì bệnh tim. Thiên truyện là tập di bút của Humbert viết ở trong ngục,

✱

Qua ba trăm trang truyện, người đọc có một cảm tưởng trời nhất: Lolita luôn luôn có mặt nhưng luôn luôn chỉ là đối tượng. Vì có Humbert nên mới cần có Lolita, hoàn toàn không có sự trao đổi. Gửi trọn mối tình của mình vào một cô gái mười ba, anh chàng bốn mươi Hum-

bert đã giữ được đúng truyền thống yêu thương: yêu chỉ để mà yêu. Chính Humbert cũng thú nhận như vậy: “Tôi biết rằng mãi mãi tôi vẫn yêu Lolita, tôi cũng biết rằng Lolita sẽ không mãi mãi là Lolita nữa.” Thời gian trong Lolita chính là sự vội vàng cố níu cái màu mật ong trên nước da người yêu vậy.

Suốt một năm trời nuôi nấng yêu thương, từ phòng trọ này đến nơi tạm trú ngụ khác, trên cuộc phiêu du dài qua khắp nước Mỹ, không một khoảnh khắc nào Humbert hết đuổi theo người yêu – đối tượng. Cuộc săn đuổi mang một hình thái hết sức day dứt vì được đặt trên một địa bàn mệnh mang, vô tận là những dặm dài trên con đường Mỹ. Tới đâu Humbert cũng thấy không có lý do gì để ở lại. Kẻ tình nhân đi tìm những vương trời, những góc phong cảnh,

những nơi ẩn nấu đồng lõa, để gửi lại ít nhiều mảnh vụn kỷ niệm. Nhưng trên con đường thẳng tắp vĩnh viễn những sự vật như nhau, những con người vĩnh viễn cùng một vẻ, những quán trọ hoàn toàn không có cá tính. Cuộc săn đuổi to rộng đến rợn người!

Kẻ tình nhân bèn thử chụp bắt lấy người yêu bằng cách đem cái tôi ra làm vòng lưới. Có nhà phê bình đã trách Nabokov muốn mượn Lolita để đả kích xã hội Mỹ, lối sống Mỹ. Thật tình, những bức dọc, bút rút, cái nổi phiền của Humbert, được phát hiện qua lời nói, cử chỉ, chẳng qua chỉ vì Lolita. Cô gái mười ba cứ mãi mê hòa mình vào đám đông vô danh – cá tính của Lolita chính là cái không-cá-tính của đám đông – trong khi kẻ tình nhân chỉ muốn nàng là trung tâm điểm của cái vũ trụ

yêu thương riêng biệt. Cuộc “giáo hóa” người yêu mà Humbert đã làm có thể làm động lòng những người nhiều tự ái. Đã đành rằng kem lạnh ở Mỹ bất kỳ tại địa phương nào cũng ngon, ngon mắt và ngon miệng, như nhau, ở đâu mỗi cái sừng kem lạnh cũng hậu hĩ, xứng đáng với số tiền bỏ ra, nhưng khi người ta yêu như Humbert, tưởng cũng nên cho bỏ cái quyền không muốn người yêu thú vị kem lạnh hơn là say hương yêu mà kẻ tình nhân chỉ cho không, nhất định không bán cho ai khác, với bất kỳ giá nào. Chẳng cần phải ghi chú rằng trong *Lolita* tất nhiên kẻ tình nhân đã thất bại trong cuộc giáo hóa.

Lolita bỏ đi, Humbert vẫn không hết yêu, không kém yêu. Có gặp gỡ người đàn bà nào cũng chỉ là để tưởng nhớ đến ai. Một đức tính cao nhất của kẻ tình nhân

là không bao giờ biết nản, không bao giờ hờn dỗi. Được tin Lolita, Humbert vội vàng tìm tới ngay. Đến để mà nhận thấy rõ ràng mộng thật đã tan tành: “Đơn sơ quá! Hết, cái chết mà tôi e ngại mãi từ ba năm nay – rõ rệt như một cành củi khô vậy. Nàng nặng nề ngẫu nhiên mang bụng chứa.” Nhưng Humbert vẫn không hết yêu. Đến khi hoàn toàn nhận định được rằng đám đông vô danh đã cướp mất trọn vẹn người yêu, Humbert còn năn nỉ: “Ta sẽ tạo nên một vị Thượng Đế mới nguyên, ta sẽ cất cao giọng ca những bản ngợi ca nếu em cho ta một niềm hi vọng bằng hạt bụi.” Trong khi đó, Lolita bận theo đuổi cái mộng thật của nàng: “Cứ cái đà này, chẳng bao lâu vợ chồng em sẽ thành triệu phú.”

Hoàn toàn thất vọng, nhưng Humbert vẫn không quên. Chàng phải báo

thù gã thầy tuồng đã cướp mất người yêu. Giết được kẻ thù rồi Humbert trở nên khoan khoái lạ thường. Chàng viết: “Một khi tôi đã vi phạm hầu hết những luật lệ xã hội, tôi chẳng thiệt thòi gì hơn nếu vi phạm cả những luật lệ giao thông. Tôi lái xe chạy sang phía đường bên tay trái, và thử nghe những phản ứng ở trong tôi: thật khoan khoái lạ... Không chạy quá ba mươi, ba mươi lăm cây số một giờ, tôi thả cho xe chạy nhẹ nhàng, lững lờ, tưởng như bên trái này, trong tấm kính, phản chiếu lại con đường phải.”

Vi phạm luật lệ giao thông tất nhiên sẽ dẫn tới một đồn cảnh sát, để rồi người ta sẽ tìm ra cả những vi phạm luật lệ xã hội. Nằm trong ngục, trên tập di bút, Humbert còn viết một hàng cuối cùng: “Ta chỉ . còn một hy vọng bất tử để chia với em mà thôi, ôi! Em Lolita!” Bất tử

trong một tác phẩm văn nghệ, chẳng hạn như tập di bút này.

✱

Để biện minh cho kẻ tình nhân của nửa thế kỷ hai mươi, cần đề cập thêm tới một vài vấn đề nữa.

Người ta trách tính cách đồi tệ của Lolita và không muốn xếp tác phẩm này vào loại những chuyện tình muôn thủa. Trước hết cần nhấn mạnh rằng phạm vi bài tiểu luận này không gồm ý định phê bình một tác phẩm văn nghệ, tuy rằng ta có thể công bằng mà nói: Nabokov không có dụng ý bêu cái xấu xa. Về phương diện khiêu dâm, Lolita còn thua xa những tác phẩm khác đã bị liệt vào loại này. Hơn nữa, một nhà văn chỉ có

quyền là một nhân chứng và không thể là một nhà đạo đức đội đá và trời. Viết *Lolita*, Nabokov đã muốn nói một câu chuyện đúng đắn.

Người ta lại bản khoản về đối tượng của mối tình trong *Lolita*. Một người bốn mươi lăm tuổi đi yêu một cô gái mười ba có phải là xấu không? Chính Nabokov đã phải cho nhân vật của mình nhìn nhận: “Số phận của tôi là trưởng thành giữa một nền văn minh cho phép một người đàn ông hai mươi lăm tuổi tán tỉnh một cô gái mười sáu, nhưng không được dụ dỗ một cô gái mười ba.” Những công thức hiện hữu cho rằng cứu cánh của xã hội này là hôn nhân, yêu có vừa trang lứa mới sẽ thành hôn nhân và không phản lại xã hội. Nhưng cuộc sống ở chung quanh, kết tinh của nền văn minh lấy hôn nhân làm cứu cánh,

lại bày ra rất nhiều cảnh kỳ quặc. Tập báo cáo của bác sĩ Kinsey, chẳng hạn, là một chứng liệu mà số đông đã nín lặng công nhận. Nabokov chỉ là một nhà văn nhân chứng và Lolita không phải là một cuốn sách giáo khoa (tuy rằng có nhiều nhà văn chỉ thích làm sách giáo khoa khi sáng tác văn chương). Đi ngược lại thời gian, trong văn chương cổ kim không thiếu những trường hợp đũa lệch: Dante và Béatrice chín tuổi, Pétrarque và Laure mười hai... Và ta cũng đừng quên rằng trong Lolita không hề có sự trao đổi.

Kẻ tình nhân của nửa thế kỷ hai mươi đẹp hơn lên cũng vì tình trạng thiếu trao đổi đó. Câu chuyện cũng chỉ có nghĩa nếu không kết thúc bằng một cuộc hôn nhân: Trong Lolita, Nabokov đã muốn cho kẻ tình nhân muôn thưở thoát xác và tái sinh giữa nhịp cơ khí đồn

dập. Cái xã hội của bác sĩ Kinsey đã tạo đủ điều kiện kim thời cho một mối tình si: Những vụ ngoại tình đã thành cơm bữa và không đủ động lực để thúc đẩy cái đà chết-vì-yêu như Freud nói nữa. Những ma chiết của nhịp sống cơ khí ngắt ngọn hết bao nhiêu cá tính của con người, nhào nặn người-ta-yêu trong cái lò đồng loạt. Những phương tiện chuyển vận ngày một mau lẹ thu hẹp không gian tới ngay ngưỡng cửa, kẻ tình nhân biết gửi vào đâu, giữa cái vô tận mà gần gũi, những gì chỉ-của-hai-người... Bao trùm trên tất cả, trùng điệp những công thức, tạo nên bởi cái tự do tuyệt đối, lại soi mói từng giờ phút vào mỗi cuộc đời. Câu chuyện yêu mê của Humbert thành ra chỉ là một cuộc trốn chạy, ngược lại dòng xã hội ùn ùn, lớp lớp.

Trong một hoàn cảnh cam go như thế, những phút thăng hoa của kẻ tình nhân chỉ bùng lên trong những khoảnh khắc trở trêu: Khi chụp hoài chụp hủy người yêu vào cái lưới si mê mà không xong, khi gặp lại người yêu bụng chữa, khi hết vi phạm luật lệ xã hội lại vi phạm luật lệ giao thông và khi hứa hẹn muôn đời bất tử.

Còn Lolita, nàng xứng đáng là người yêu – đối tượng vì, tuy chỉ là một đơn vị vô danh trong đám đông, đối với Humbert đã trọn vẹn là một thứ công chúa xa xôi.

MẶC ĐỒ

NHAN SẮC OANH.OANH

Lý Quốc Sinh

Ở một thời cây cỏ còn hiền hòa, chim muông còn chưa biết kinh tên đạn, diêm cung còn giao thiệp với trần thế, mây còn tinh trắng đưa bước ưu du theo nhịp thở yêu đương của gió trên bầu trời tinh khiết ngút ngàn xanh và thi nhân còn biết có người đẹp, còn có chữ để xưng tụng những nhan sắc tuyệt trần, có một thiếu nữ mười sáu tuổi, ái nữ cổ Tướng Quốc họ Thôi. Là người có học thức, thiếu nữ ấy, đang đêm, đã

tự ý lên đến chỗ người yêu, thậm chí trao cuộc đời con gái của mình. Một đại tội. Con nhà thế gia vọng tộc sao dám làm điều vô luân đến thế? Nơi phạm tội là Mái Tây chùa Phổ Cứu. Hai đại tội. Ai đời đem chuyện trên bực trong dâu diễn ra trước nơi thanh tịnh thuần túy là cửa Phật đài! Nàng tiêu hủy sự trinh trắng trong khi cư tang cha. Ba đại tội. Còn đâu là thái độ không dám ăn ngon, mặc đẹp để tỏ lòng tưởng vọng công ơn dưỡng dục bằng ba năm tang chế, nghĩa là lễ giáo nữa?

Trương Quân Thụy thường nổi tiếng dửng dưng với nữ sắc. Chàng tự bào chữa không phải bản chất lạnh lùng mà vì dưới mắt chưa thấy ai đáng gọi là giai nhân cả.

Rồi Trương Quân Thụy gặp Thôi Oanh Oanh. Và sự gặp gỡ cũ kỹ như trái đất này đã trở thành nguồn cảm hứng cho hơn ba mươi bài thơ của danh sĩ đương thời, cho Hội Chân Ký của Nguyên Chấn và, nhất là Tây Sương Ký của Vương Thực Phủ mà đệ nhất phê bình gia Trung Quốc cổ điển, Thánh Thán, đã xưng tụng là “đệ nhất tài tử”, trên cả Nam-hoa-kinh của Trang Tử, Sử-ký của Tư Mã Thiên, Ly-tao của Khuất Nguyên, Thủy hử của Thi Nại Am và thơ của Đỗ Phủ. Và hơn bốn trăm triệu dân Trung Quốc cho đến trước thế kỷ XX cũng theo Thánh Thán mà say mê tác phẩm ấy trong khi vẫn tôn thờ Khổng Tử.

Một trong những lý do khiến người ta say mê tác phẩm ấy là tính cách truyền cảm và nhân loại của bản văn. Hãy lắng nghe:

*Có công lặn lội thăm tìm,
Đêm khuya sao chẳng mặc thêm áo dầy.
Hài thù sương ướt bùn lầy,
Bàn chân đi vội chắc sây da non.*

(Tây Sương Ký – Nhượng Tống dịch)

Đây lời nói của Trương Quân Thụy trên bước đường tiến Kinh, mộng thấy Thôi Oanh Oanh đuổi theo tìm chàng tại quán Thảo Kiều vì không chịu đựng nổi đòn đau của ly biệt. Mà đó nào phải chỉ là lời nói của riêng Trương Quân Thụy. Người đàn ông nào, lúc tình yêu đang còn nung nấu tâm hồn, mà ý nghĩ và niềm lo âu về người tình không tế nhị, phiền toái và tử mị, kỹ lưỡng như thế!

Vậy thì tại sao khi Trương Quân Thụy – trượt hay đỗ? – trở lại yêu cầu

diện kiến Oanh Oanh, nàng lại thoái
thác, mượn tờ hoa tiên từ tạ người cũ:

Rẻ rúng thôi đành phận,

Van lơn nhớ buổi đầu,

Xin đem lòng thuở trước,

Thương lấy kẻ về sau.

(Hội Chân Ký - Nhượng Tống dịch)

Lòng nào “lòng thuở trước”? Ai đâu
“kẻ về sau”? Tại sao lời thơ thì ai oán,
lâm ly như một lời tuyệt mệnh?

Tứ khởi cuộc yêu đương đến cơ hội
tái kiến những ý nghĩ nào đã dày vò tâm
hồn xuân nữ khiến nàng sầu tủ như
trên, thái độ mà phải chăng Cao Bá Quát
đã mừng tượng hồi niệm khi, trong bài
“Hoài nhân” của ông, nhắc nhở lại câu
thơ của Đường Cự Nguyên:

Trường đoạn Tiên nương nhất chỉ Thư?

Mỗi tình đẹp nhường ấy, tại sao lại kết cấu bi thảm như Hội Chân Ký của Nguyên Chấn đã ghi khiến mai sau, đọc bản kịch của Vương Thực Phủ, Thánh Thán đã võ đoán rằng họ Vương đã dùng bút ở cuối chương “Tình mộng” và những hồi sau chỉ là sản phẩm của một ngòi bút vụng dại nào đó không biết tự lượng đã biến tạo bản văn bằng cách vẽ rắn thêm chân?

Và tại sao, mặc dầu cốt truyện nghịch luân lý Trung Hoa cổ, mặc sự tan vỡ thê thảm của kết cục, Trương Quân Thụy và, nhất là, Thôi Oanh Oanh vẫn được coi là người tình của muôn thuở khả dĩ làm mê say những mái đầu xanh cảm củi bên những đốm lửa đèn hấp hối? Nói một cách khác, ma lực quyền

rũ của Thôi Oanh Oanh nhờ đâu mà có?

Khởi thủy là cuộc binh biến Tôn Phi Hồ. Ở cả Hội Chân Ký lẫn Tây Sương Ký, cho đến lúc này, vai trò của Oanh Oanh cũng vẫn còn lu mờ hết sức. Như trăm ngàn thiếu nữ gặp buổi nhiều nhưn, nàng chỉ biết thụ động mà chịu đựng biến cố. Khác hẳn Thúy Kiều, nàng không hề tự ý có hành động nào, ngay theo Tây Sương Ký để phản động lại hoàn cảnh. Như vậy, năng lực truyền cảm của nhân vật chưa thể hiện được.

Nhưng từ đoạn này trở đi, con nhộng mới bắt đầu lột dần hóa bướm. Theo Hội Chân Ký, nhờ che chở gia đình họ Thôi qua cơn nguy hiểm, Trương Quân Thụy được Thôi-phu-nhân nhận họ, cho tương kiến Oanh Oanh. Thấy Oanh Oanh, Quân Thụy đem lòng say mê mới nhờ tay mai mối của đứa hầu gái gửi thư

cho nàng. Nàng đáp lại bằng những lời cực kỳ tao nhã và đầy hứa hẹn:

Cách tường hoa ảnh động,

Nghi thị ngọc nhân lai.

(Cảnh hoa phía tường lay động, /
Hắn là người ngọc đã tới.)

Đúng hẹn, Oanh Oanh cùng con hầu tới. Quân Thụy mừng thầm hẳn thỏa lòng mong ước. Nào ngờ, Oanh Oanh trách chàng lợi dụng lòng tin của mẹ nàng và sự thơ ngây của nàng để toan tính chuyện ngược đạo lý khiến người ta có thể ngờ chàng đã ra tay nghĩa hiệp với một ý định xấu xa. Rồi Oanh Oanh bỏ về. Quân Thụy tưởng chừng giấc mộng của chàng thế là hoàn toàn tan vỡ. Cho đến một hôm, đang ngủ, chàng bỗng thấy đứa hầu gái của Oanh Oanh lay dậy

bảo: “Đến đó! Đến đó!” Vừa nói nó vừa bỏ chăn gối xuống rồi ra đỡ một Oanh Oanh e lệ bước vào. Sự thể bất ngờ đến đổi, sáng hôm sau, nhìn lệ còn đọng trên gối, rồi mùi hương còn thoang thoảng bên màn, Trương Quân Thụy vẫn ngỡ mình chưa tỉnh cơn huyền mộng.

Đến đây, chúng ta thấy biểu hiện tâm lý phức tạp của nàng Thôi. Với những lời lẽ đầy hứa hẹn, nàng nhận đến. Khi đến, nàng lại nhân danh đạo lý thống trách Trương Quân Thụy rồi bỏ ra về. Chúng ta đang yên trí câu chuyện đến đây là bế tắc thì, đột nhiên, Oanh Oanh trở lại với Trương Quân Thụy để thỏa mãn ước vọng mà chàng cũng không tin là thành tựu được nữa.

Sự biến chuyển tâm lý này, mới xét, dường có mang lại một bất ngờ kỳ thú vẫn khiến chúng ta băn khoăn tự hỏi động

cơ nào đã gây nên sự đổi ý đột ngột ấy.
Có thể giải thích sơ lược rằng:

Souvent femme varie,

Bien fol qui s'y fie².

Cũng có thể giải thích rằng ở đây đạo đức đã thất trận trước con tim. Đạo đức chẳng qua là lớp sơn phủ ngoài mà con người chịu đựng một cách rất khó khăn vì tù hãm bản chất nhân loại. Lý luận như vậy, người ta thấy đạo đức là giả dối, chỉ đam mê, tình tứ mới là chân thực mà thôi! Và theo đó, người ta thấy rằng Thôi Oanh Oanh, dù vì thể diện mà thống trách Trương Quân Thụy, rồi cũng đành gạt bỏ thể diện để hàng phục tình yêu, lên tới Mái Tây.

Nhưng dấu giải thích thế nào đi nữa,

2 Cổ thi Pháp: Đàn bà thường hay thay đổi, thật là điên rồ kẻ nào tin chắc vào họ.

ta cũng vẫn thấy sự biến chuyển tâm lý mà Hội Chân Ký ghi lại có vẻ bất ổn. Trong Tây Sương Ký, sự tráo trở tâm lý này dễ hiểu hơn nhiều.

Theo Tây Sương Ký, trong tiệc tạ ơn giải cứu, Thôi-phu-nhân bắt con mời rượu Quân Thụy và dạy phải gọi chàng bằng anh. Trương Quân Thụy chất vấn Thôi-phu-nhân về lối xưng hô kỳ quái ấy mới biết chàng đã bị bội ước. Đó chủ đề của chương « Lật hện » mà tính chất bi kịch gay cấn đến độ lạ thường vì sự xô xát giữa trạng thái tâm lý tương phản của các nhân vật. Để giảm bớt tội bất tín, Thôi-phu-nhân mời Quân Thụy dọn sang thủ trai, nơi Mái Tây của biệt thự họ Thôi.

Quân Thụy cay đắng trong lòng phát ốm. Nhân con hầu tuân lệnh Oanh Oanh sang thăm, Trương-sinh năn nỉ nó cầm

một bức thư về cho cô chủ. Đọc xong, Oanh Oanh làm mặt giận dữ, quát mắng con Hồng rồi sai nó cầm phúc thư cho Trương Quân Thụy, phúc thư mà con hầu tin tưởng gồm toàn lời thống trách. Nào ngờ đọc thư xong, Quân Thụy mừng rỡ cuống cuống. Đó là bức thư trong có hai câu cực kỳ nổi tiếng:

Cách tường hoa ảnh động,

Nghi thị ngọc nhân lai.

Quân Thụy giảng cho con Hồng nghe nội dung bức thư khiến nó uất tức tự cho là bị dối gạt. Tối hôm đó, Quân Thụy y bện lên vào vườn hoa, noi Oanh Oanh, đêm đêm, ra khấn vái thì Oanh Oanh, trước mặt con Hồng, tận tụy thống trách Trương Quân Thụy, lúc đó, đang bị ngạc nhiên và cảm hờn chẹn cổ. Bẽ bàng và uất ức, Quân Thụy càng muốn chối

thì Oanh Oanh lại sai con Hồng cầm sang một bức thư thứ nhì khiến Quân Thụy khỏi bệnh. Và đêm đó, nàng lên đến Mái Tây tự tình với người yêu.

Để giải thích biến chuyển tâm lý này Thánh Thán lý luận như sau: «Trong thâm tâm, Oanh Oanh cũng yêu thương Trương Quân Thụy nhưng vẻ hỉ bôn của con Hồng lúc mang thư chàng về khiến Oanh Oanh nghi rằng con Hồng hay biết nội dung bức thư của Quân Thụy. Nên vì, thể diện thiên kim tiểu thư nàng đã mắng át nó. Và cũng vì Quân Thụy vụng dại nói cho con Hồng hay nội dung phúc thư của Oanh Oanh. Oanh Oanh đêm đó đã lớn tiếng trách móc Quân Thụy. Vậy thì, theo Thánh Thán, Oanh Oanh, vì giận Quân Thụy không kín đáo giấu diếm mối tình của nhau trước mắt người ngoại cuộc, đã trở mặt với người

yêu. Đó cũng là trạng thái tâm lý của Dũng trong « Đôi bạn ». Thấy Chúc có vẻ hay biết mối tình của chàng đối với Loan, Dũng khó chịu vì muốn rằng tình yêu Loan như một ngôi sao kín đáo ở một mầu trời xa chỉ một mình chàng thấy.

Mãi đến hôm sau, nghe người yêu vì bị trách móc mà đau nặng, Oanh Oanh mới đành lòng vứt bỏ thể diện, viết thêm bức thư thứ hai, rồi dẫn thân đến với Trương Quân Thụy.

Vậy, theo Thánh Thán, biến chuyển tâm lý đột ngột ấy thành tựu là do tự ái làm động cơ. Tự ái, Oanh Oanh tất phải có, được hai lần vụng dại của Quân Thụy khơi lên. Nhận thấy vẻ hí hờn của con Hồng, Oanh Oanh ý thức được sự vụng dại của người tình. Thêm vào đó có chút ít bực tức đối với kẻ thiếu kính

cần với tình yêu. Thế là đủ cho Oanh Oanh tác sát mang con Hồng mà vẫn sai nó mang bức thư hứa hẹn. Lần vụng dại thứ hai của Trương Quân Thụy càng khiến Oanh Oanh thừa giận dữ để thống trách Quân Thụy đêm đó. Chỉ đến khi tự ái đã bị hối hận làm tình yêu thêm nồng thắm chiến thắng, nàng mới buông thả làm theo theo tiếng gọi của con tim.

Cũng có thể mượn phân tâm học của Jung mà giải thích biến chuyển nói trên. Khuynh năng ưu uất (*disposition hystérique*) cốt ở chỗ các mâu thuẫn bản nguyên của tâm lý nhân loại, nhất là các mâu thuẫn ở tình tình, lộ liễu hơn ở các người được coi là bình thường. Nếu được gia tăng, những ly trạng cực độ (*répulsions polaires*) chúng phân cách một đức tính với một đức tính trái ngược, sẽ gây ra những trạng thái căng thẳng, nguyên

nhân của những sự tập hợp tiềm năng (potentiations) lớn hơn mức thường...

... Trong tinh túy của nó, chứng ưu uất (hysterie) cốt ở cái người ta gọi là một sự phát tán (dissociation) hoàn toàn, ở một sự buông lỏng của những đôi đức tính trái ngược, chúng bình thường, ngấm ngấm kìm giữ lẫn nhau. Đôi khi sự buông lỏng ấy có thể đi đến tới mức phân ly (scission) bản ngã, nghĩa là tới một trạng thái trong đó bàn tay phải không biết gì về hành động của bàn tay kia cả... [La disposition hystérique consiste en ce que les contradictions inhérentes à toute psyché, en particulier les contradictions caractérologiques, se trouvent plus accusées que chez les sujets réputés normaux. Les répulsions polaires qui séparent une qualité de sa qualité contraire, créent, lorsqu'elles sont augmentées, des distentions, origines des potentialités plus grandes que dans la norme...]

L'hystérie dans son essence consiste en ce qu'on appelle une dissociation systématique, en un

relachement de couples de qualités contraires, qui, dans le normal, se contrebalancent intimement. Ce relâchement peut parfois aller jusqu'à la scission de la personnalité, c'est à dire jusqu'à un état où la main droite ne sait plus ce que l'autre entreprend...

(Chương Après la catastrophe – Quynh Aspects du drame contemporain của C.G Jung. Bản dịch Pháp văn của R. Cahen Salabelle – Nhà xuất bản Librairie de l'Université et Cio S.A. Genève in form 1948 – trang 166-167)]

Căn cứ vào nhận xét trên đây của Jung, có thể hiểu được biến chuyển tâm lý của Thôi Oanh Oanh nó chỉ có vẻ bất ngờ, đột ngột vì chúng ta coi đó như một tâm lý lành mạnh, bình. thường. Thực ra cô thể rằng ở Thôi Oanh Oanh, dưới ảnh hưởng mãnh liệt của tình yêu và sự thống trị khắc nghiệt của lễ giáo đã có sự phát tán tâm hồn, phân ly bản ngã. Vì thế, trong khi một phần nàng mắng mỏ con Hồng thì vẫn còn một phần tâm hồn

thôi thúc nàng trả lời Trương Quân Thụy bằng những lời thơ đầy âu yếm và hứa hẹn. Và cũng vì thế, sau khi thống trách Trương Quân Thụy đã lẻn vào vườn hoa theo lời dặn ám thị của thư nàng, đêm sau, lại chính nàng tự dẫn thân đến với Trương Quân Thụy.

Sự phát tán tâm hồn, phân ly bản ngã sở dĩ thành tựu là vì nàng không ý thức giải quyết được mâu thuẫn giữa hai tiếng gọi cùng cấp thiết như nhau đều nổi lên trong tâm hồn. Nàng cố tình quên tình yêu mà nàng nhận thấy là tội lỗi nhưng sự cố tình quên lãng ấy không giải quyết gì hết mà chỉ khiến nó trở nên độc lập đối với ý thức của nàng: Sự khước từ nhận biết bóng mình, cái mặt trái của huy chương ấy, nó có cái đặc quyền kinh khủng là tập trung tất cả những ti tiện của ta, sự khước từ ấy phát

sinh ra một sự bất ổn nội tâm mãnh liệt: ta không biết thực ra ta là ai, ta tự thấy chứa đựng một sự ti tiểu không xác định nổi...” [La méconnaissance de son ombre, de ce revers de la médaille, qui privilège de centraliser toutes nos noirceurs, cette méconnaissance engendre une grande incertitude intérieure: on se sait plus au junte intériorité mal localisée.... (Cùng tác phẩm trên - Trang 168).]

Bóng của Thôi Oanh Oanh, do sự phân ly của bản ngã mà thể hiện, ở đây là con Hồng nó xúi dục, quyến rũ nàng vào con đường tội lỗi. Nó đùa với nàng như mèo vờn chuột. Nàng thống trách nó, nó làm bộ sợ sệt, bất động nhưng vẫn xét nét nàng với một thái độ khinh thị. Và khi nó bất động, lại chính nàng ngoan ngoãn dục nó đi đến chỗ Trương sinh.

Giải thích như thế không phải không

ồn thỏa nhưng vẫn không tránh được ít nhiều nhân tạo và quá mê tín khoa học, Một bản văn, có mấy khi chúng ta yêu thích nó vì chúng ta tìm thấy ở đó sự chứng nghiệm của một số giáo điều thuộc về một học thuyết khoa học nào đó đâu?

Nhưng ít nhất thì lối giải thích kia cũng nhắc nhở chúng ta một điều mà chúng ta dễ quên là tâm hồn Thôi Oanh Oanh từ đầu chí cuối luôn luôn là chiến trường cho các khuynh hướng trái ngược của tâm hồn, cùng cấp thiết như nhau, gặp nhau và xung đột với nhau.

Thực vậy, Quân Thụy vừa giải được nguy cơ Tôn Phi Hồ, Oanh Oanh đã có những lời lẽ cực kỳ đặc ý để xưng tụng công đức của chàng. Lòng người thiếu nữ mở ra với tình yêu nàng tin là hợp đạo lý vì đã có lời ước của mẹ già. Tình

yêu hợp tình hợp lý mà phát hiện chưa xúc phạm đến tính chất thuần nhất của tâm hồn thì xảy ra việc bội ước. Thái độ lật lều của Thôi-phu-nhân khiến tình yêu đó vụt trở thành tội lỗi vì nghịch ý bà. Và để phản ứng với mặc cảm phạm tội đột xuất, nàng đã trở nên bất bình với mẹ. Nỗi bất bình ấy biểu lộ rõ ràng trong ý thức về sự bẽ bàng của nàng, của Trương-sinh thành tiếng khóc cha giữa tiệc vui. Khóc người cha đã chết, ấy là nàng gián tiếp trách móc người sống là mẹ nàng. Tình yêu sẵn có nương theo sự bất bình mà nảy nở càng thúc đẩy về hướng người yêu khiến nàng nghe tiếng đàn đêm của Trương Quân Thụy mà ngao ngán cho thân thế.

Nhưng, một mặt khác, trong tâm hồn nàng còn có sự ngăn cấm của thể diện danh gia, của lễ giáo. Giữa hai yếu

tổ tâm lý ấy, – một bên là tình yêu được sự bất bình phụ họa, một bên là lễ giáo cộng với mặc cảm phạm tội về tình yêu –, một cuộc chiến đấu nổi lên, quyết liệt mà nàng không thể dàn hòa khiến nàng hành động từng lúc theo hai chiều trái ngược tùy theo tiếng gọi. Chính vì thế, nàng đã tác sác mắng con Hồng lại giao nó bức thư đầy hứa hẹn để đưa Trương Quân Thụy. Sự mắng mỏ con Hồng ở đây chỉ có ý nghĩa như một phương tiện để nàng phủ nhận với chính nàng ý thức về tội lỗi của hành động nàng, một phương thức để nàng làm lành với mặc cảm phạm tội mà chuộc lại sự yên tĩnh của tâm hồn đã mất. Sự có mặt của con Hồng lại cũng nhắc nhở cho nàng ý nghĩ về thể diện, danh giá. Cũng vì tình yêu còn phải ngụy trang trước mặc cảm phạm tội như vậy nên, tối hôm đó, Trương Quân Thụy đang hí hờn như kẻ

được vàng, bỗng từ trên trời sa xuống đất.

Cho đến lúc Trương Quân Thụy quá ức, ốm thêm, lòng yêu thương của Oanh Oanh được niềm hối hận phụ giúp mới nổi dậy át được uy thế của danh giá, của thể diện. Nhưng mặc cảm phạm tội chỉ mới thua mà vẫn không hàng phục. Nên thái độ nàng trong cuộc yêu đương rất thụ động và, giữa hoan lạc không cùng, lệ nàng đầm đìa trên gối, lưu vết tích cho đến mãi sáng hôm sau khiến Quân Thụy tỉnh mà vẫn ngỡ mình chưa tỉnh mộng. Cũng vì thế, lời nói đầu tiên của nàng sau cuộc trao xương gửi thịt là lời e ngại sự khinh thị của người yêu.

Lại cũng chỉ mặc cảm phạm tội đó mới giải thích nổi tại sao sau này nàng khước từ tái kiến chàng Trương. Trương sinh lên Kinh thi, tình yêu không có sự

hiện diện của người yêu nâng đỡ đã yếu dần trước sự tấn công liên tiếp của đạo đức. Mặc cảm phạm tội lại xâm chiếm và chế ngự tâm hồn nàng. Chính nó khiến nàng càng nghĩ càng dần ti tưởng rằng, sau khi thỏa mãn, trong lòng Trương-sinh chỉ còn có khinh bỉ nghĩa là rẻ rúng.

Cho nên chúng ta mới đọc thấy hai cái mới xem tưởng chừng như tối nghĩa;

Xin đem lòng thuở trước

Thương lấy kẻ về sau

Lòng thuở trước là lòng yêu đương say mê và kính cẩn của Trương Quân Thụy lúc chưa chiếm hữu được nàng và kẻ về sau là bất cứ ai đó mai sau sẽ ngự trị tâm hồn Trương-sinh mà hiện nay vẫn còn trinh trắng.

Nhưng Trương Quân Thụy nào đã

có hành động gì tỏ ra khinh thị Oanh Oanh đâu? Sự khấn thiết yêu cầu tái kiến còn có thể coi là một bằng chứng ngược lại ý tưởng đó. Thực ra sự rẻ rúng đó có thật, nhưng chỉ ở trong ý nghĩ của Thôi Oanh Oanh đau đớn vì tình yêu bị mặc cảm phạm tội đánh bại và đè nén.

Khảo như vậy, chúng ta thấy ngay tất cả vẻ đáng yêu của Thôi Oanh Oanh, một tâm hồn liên tiếp chịu sự xâu xé giữa đôi tiếng gọi tình yêu và đạo đức, tình cảm và lý trí càng mãnh liệt và cấp thiết. Oanh Oanh luôn ý thức ý nghĩa những hành động của nàng. Đó chính là nguyên nhân khiến bị kịch tâm hồn nàng mỗi lúc một trầm trọng, Và cũng nhờ ý thức đó, nàng luôn cảm thấy ám ảnh của tội lỗi, cố chiến đấu với nó nhưng đã thất bại. Qua sự thất bại của nàng, chúng ta cảm thông được với bi kịch muôn đời

của tâm hồn nhân loại đã và đang bị xâu xé giữa nhiều tiếng gọi trái ngược. Bi kịch của tâm hồn Thôi Oanh Oanh cũng chính là bi kịch của cuộc sống chúng ta đó.

Không những thế, Thôi Oanh Oanh còn được điểm phần tô son nhờ thần bút của Nguyên Chấn, Vương Thực Phủ và nhất là Thánh Thán. Giải quyết câu chuyện dứt khoát như Hội Chân Ký dầu đầy bi thương vì sự tàn nhẫn của Trương Quân Thụy đi nữa thì câu chuyện cũng vẫn là hoàn tất. Cái nút của câu chuyện đã được cởi mở xong xuôi. Đọc xong Hội Chân Ký người ta có thể bất bình hộ Thôi Oanh Oanh, sỉ mạ Trương Quân Thụy. Nhưng sự thể dầu sao cũng là ngã ngũ yên một bề. Và sau một cơn thương vay giận mượn, cảm xúc và hình ảnh mà bản văn gợi lên sẽ chìm dần dưới lớp bụi

của thời gian của đời sống thông thường.

Ngược lại, lời võ đoán của Thánh Thán quả quyết Tây Sương Ký ngưng ở chương “Tĩnh Mộng” chứng tỏ ông là người đọc sách có nòi đã thâm hiểu kỹ thuật sáng tác văn chương.

Thực vậy, chủ trương kết thúc bản tường ở đó, Thánh Thán bắt chúng ta gấp sách rồi mà tâm hồn vẫn băng khuâng mong mỏi, có thể nói là khẩn cầu, một cuộc tái ngộ mà chúng ta cũng ngờ sẽ không bao giờ có. Nhưng chính tình trạng nghi ngờ ấy dầu sao cũng vẫn còn chứa một lối cho ước mong của chúng ta dâng lên. Chính sự mâu thuẫn giữa ước mong và ý thức về thực tế của chúng ta khiến ngay chính trong lòng ta cũng nổi lên một cuộc chiến đấu không cùng giữa hai khuynh hướng nói trên nó chính là dư vị của bản văn. Một mẫu trời mang

mang hé mở trước mắt chúng ta nhưng đó là cửa ngõ tới địa ngục hay thiên đường?

Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh cũng đã sử dụng một kỹ thuật tương tự khi viết chương “Tái hợp”. Cho Thúy Kiều trở về, lại thành vợ thực của Kim Trọng như bất cứ người đàn bà nào khác thì bản văn không còn chút dư vị gì. Cho nàng chết ở sông Tiền Đường thì thân phận nàng dầu sao cũng đã là thanh toán hoàn toàn. Cho nàng tái ngộ Kim Trọng, kết duyên với chàng mà vẫn không thành vợ thực của Kim Trọng là bắt người đọc mãi mãi phải băng khuân thao thức vì qui chế đẩy trái ngược và có vẻ bất ổn của Thúy Kiều. Người đọc sẽ không thể dừng tự hỏi: Kim, Kiều “đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ” như vậy được mãi mãi, hay chỉ trong một

khoảng thời gian rồi người thiếu nữ họ Vương sẽ lại sa ngã trở vào vòng luân hồi của yêu thương giận ghét?

Cho nên nếu chúng ta say mê Thôi Oanh Oanh, đó không phải chúng ta say mê một cô gái ngàn vàng, dầu là gái ngàn vàng đời Đường, thời đại của thi nhân, của tình yêu, của hoa bướm. Chúng ta say mê là say mê Thôi Oanh Oanh đã được Nguyên Chấn tô son điểm phấn được Vương Thực Phủ đem vàng lụa điểm trang, và nhất là được Thánh Thán thổi vào đó một linh hồn nồng cháy. Hơn nữa, chúng ta say mê Thôi Oanh Oanh vì chúng ta tìm thấy ở nàng một sắc thái của chính tâm hồn chúng ta nữa. Chúng ta say mê nàng vì thân phận nàng là thân phận chúng ta, là thân phận chung của nhân loại còn bị xâu xé bởi thất tình, còn lăn lóc trong thế giới sa bã

ở đó nước mắt chúng ta tràn đầy mấy đại dương. Những tác phẩm Hội Chân Ký, Tây Sương Ký, đối với ta, có công dụng là những dòng suối dịu hiền để chúng ta, chàng Narcisse muôn thuở, soi thấy bóng mình mà say mê, say mê!

LÝ QUỐC SINH

Mai, một nhân vật khả ái của Khái Hưng

Nguyễn Duy Diễn

Khái Hưng đã để lại cho chúng ta một số khá nhiều tiểu thuyết có giá trị mà trong đó phụ nữ đóng một vai trò quan trọng, ví dụ: Lan trong “Hồn bướm mơ tiên”, Hiền trong “Trống mái”, Hồng trong “Thoát ly” v.v... Nhưng khả ái hơn cả có lẽ là nhân vật Mai trong “Nửa chừng xuân”. Thực vậy, Lan tuy đẹp, nhưng cái đẹp của nàng là cái đẹp mơ hồ, huyền ảo chập chờn như

hình ảnh xa xôi trong giấc mộng mộng đẹp; Hiền tuy đẹp, nhưng cái đẹp của nàng là cái đẹp của một thiếu nữ tinh nghịch, lãng mạn, mang nhiều sắc thái Tây phương nên đi trước thời đại và đã làm cho chúng ta đôi khi phải ngỡ ngàng. Hồng tuy đẹp, nhưng cái đẹp của nàng là cái đẹp của một thiếu nữ sống nghẹn ngào, u uất trong cảnh dì ghẻ con chồng. Do đó, nàng tiêu biểu cho cái đẹp nào nùng, đau khổ. Nàng có thể làm cho ta rung động, xót thương, nhưng làm cho ta cảm phục hoặc yêu mến một cách chân thành thì rất ít.

Riêng có Mai, nhân vật chính trong “Nửa chừng xuân”, ngoài những vẻ đẹp thuần nhã về dung nhan, cử chỉ, ngôn ngữ, còn được nhà văn Khái Hưng tô đậm – và đây mới thực là điểm quan trọng – những vẻ đẹp thuần nhã về tư

tưởng, tình cảm và đức tính. Nhưng trước khi đem phân tích những vẻ đẹp thuần nhũ trong phạm vi tinh thần này, chúng ta thấy cần phải lược tóm những nét chính của tác phẩm “Nửa chừng xuân” trước đã.

✱

Cụ tú Lãm là một nhà nho thanh bạch nhưng lại rất tự hào và cuộc sống thanh bạch của mình. Cụ sinh hạ được hai người con: Mai và Huy. Huy hiện đương học năm thứ ba ban thành chung tại trường Bưởi. Trước khi nhắm mắt, cụ có trối lại là Mai sẽ thay cụ mà cố gắng nuôi Huy ăn học để trở nên một con người hữu dụng.

Sau khi cụ Tú mất, vì cảnh cùng

quần, Mai lên Hà Nội để báo với Huy về việc bán ngôi nhà thờ tổ. Trong chuyến xe trở về quê, nàng không ngờ được gặp lại một người mà nàng đã từng quen biết hồi trước, người đó tên là Lộc, con cụ Ân, và hiện đang làm tham biện. Sau khi hiểu rõ hoàn cảnh của Mai, chàng thành thực ngỏ ý muốn giúp đỡ, nhưng Mai khéo léo từ chối vì sợ phải mang ơn.

Qua một thời gian đi lại, hai người chân thành yêu nhau và cùng nhau kết hôn. Lén lút, Lộc thuê một căn nhà xinh xắn, trên đường Yên Phụ gần hồ Trúc Bạch, để sống cuộc đời êm đềm, hạnh phúc cạnh Mai và Huy. Sau một thời gian chung sống với Lộc, Mai có mang.

Thấy Lộc luôn luôn vắng nhà, bà Ân, mẹ Lộc, sinh nghi, cho dò xét thì mới biết là Lộc đã tự ý kết hôn mà không hề hỏi ý kiến bà.

Bằng một mưu mô xảo quyệt, bà đã làm cho Lộc nghi ngờ tấm lòng chung thủy của Mai và cuối cùng chàng đã đang tay cắt đứt cuộc tình duyên êm đẹp đó.

Thấy Lộc đã mắc mưu mình, bà Ân liền đến trực xuất chị em Mai ra khỏi nhà bằng những cử chỉ hống hách và giọng nói mỉa mai. Dù bụng mang dạ chửa, Mai đã cùng em kiêu hãnh bước chân ra khỏi căn nhà đó và trước khi ra đi, nàng không quên cho bà Ân một bài học thấm thía.

Mai và Huy trở lại cuộc sống nghèo nàn; tuy đau đớn về thối đời đen bạc, nhưng Mai không hề tuyệt vọng, vẫn phấn đấu để vui sống, Với hai bàn tay trắng, nàng đành làm nghề bán hàng rong để nuôi Huy tiếp tục ăn học. Gần tới ngày thi, Huy bị đau nặng, tuy không có tiền, nàng cũng liều nhờ bác

sĩ Minh tới săn sóc bệnh tình cho em. Lợi dụng hoàn cảnh đó, bác sĩ Minh liền ngỏ tình yêu với nàng nhưng nàng cự tuyệt, khiến bác sĩ Minh không dám coi thường và phải thành thực xin lỗi. Dù bác sĩ Minh không hề nhắc tới món tiền y phi, nhưng Mai nóng lòng trang trải cho xong vì không muốn phải mang ơn. Cuối cùng không lưỡng lự, nàng nhận làm người kiểu mẫu cho họa sĩ Bạch Hải (một người bạn của Lộc). Thấy Mai đẹp một cách khả ái, Bạch Hải tha thiết ngỏ ý muốn được kết hôn với nàng, nhưng nàng vẫn từ chối để có thể giữ trọn tấm lòng chung thủy với Lộc.

Còn Lộc, sau khi đã đang tay ruộng bỏ Mai, liền vâng lệnh bà Án, lấy con gái cụ Tuần làm vợ. Trong cuộc hôn nhân gượng gượng đó, Lộc luôn luôn chán nản, buồn khổ - Nhưng buồn khổ hơn cả là bà

Ăn, nguyên do chỉ vì vợ Lộc không sinh được con trai để nối dõi tông đường.

Sau khi đậu bằng thành chung, Huy được bổ đi làm giáo học tại Phú Thọ. Mai và Ái (con trai của Mai và Lộc) cùng ở với Huy. Cảnh gia đình thật vui tươi, đầm ấm.

Do Bạch Hải thuật lại cảnh nghèo túng và tấm lòng chung thủy của Mai, Lộc tìm biết sự thật. Và sau khi đã hiểu rõ, chàng hối hận và đau khổ vô cùng, liền dò hỏi và tìm tới nhà Mai tại Phú Thọ để giải bày nông nỗi, cầu khẩn xin nàng tha thứ và mong được nối lại tình xưa. Mai sẵn lòng tha thứ, và tuy vẫn thiết tha yêu Lộc, nhưng nàng không thể chấp nhận cuộc sum họp vì Mai còn có bốn phận đối với Ái và với Huy. Mai khuyên Lộc cũng nên vì bốn phận đối với vợ, với con, với bà cụ Ăn mà hy sinh

sự tái hợp vì nó chỉ làm cho sự đau khổ đã trầm trọng càng trở nên trầm trọng hơn mà thôi.

Và câu chuyện kết thúc ở chỗ: cả Mai lẫn Lộc đều vui vẻ chấp nhận hy sinh ái tình cho nhiệm vụ và lấy công việc xây dựng hạnh phúc cho những người khác làm lẽ sống cao đẹp của đời mình.

*

Trước hết, có một điều cần phải nhấn mạnh là Mai không phải là một thiếu nữ lãng mạn, chuyện đọc tiểu thuyết tình như *Tổ Tâm*, hoặc một thiếu nữ thắm nhuần cái học mới, cùng với những tư tưởng tự do cá nhân của Tây phương như *Loan* trong *Đoạn Tuyệt*. Nàng chỉ là một thiếu nữ con nhà Nho, sống trong khung cảnh lễ giáo, nên luôn luôn tôn trọng cương thường đạo đức. Nếu nàng có ít

nhiều tư tưởng tự do, phóng khoáng, thì cái tự do phóng khoáng đó, một phần lớn là do huyết thống của cụ Tú chứ không hẳn do cuộc sống Âu hóa hay những tư tưởng thâm nhập trong sách vở một cách thiển cận, máy móc.

Để có thể nêu lên những nét khả ái của Mai, chúng ta sẽ lần lượt xét tới ba điểm chính: tư tưởng, tình cảm và đức tính.

Tư tưởng: Trong phạm vi tư tưởng, chúng ta thấy Mai đã thừa hưởng được của cha nàng cái tinh thần lạc quan của Nho giáo. Nhờ cái tinh thần lạc quan đó mà nàng luôn luôn vui sống dù ngay trong cảnh đen tối nhất, và cố gắng phấn đấu để vượt qua mọi thử thách gây ra do cảnh nghèo túng và do sự đen bạc của người đời.

Dù bụng mang dạ chửa, em thì ốm nặng, tiền không có một đồng mà nàng vẫn cương quyết ra đi khỏi căn nhà của Lộc để giữ tròn được danh dự – Đó không phải là một hành động liều lĩnh mà chính là tiêu biểu cho một tinh thần “tự tin”, tin ở mình, tin ở thiện tâm, tin ở trời.

“Những câu chuyện Tàu, những câu chuyện thần tiên mà nàng được nghe ngày còn nhỏ càng thắt chặt lòng yêu đời và tin trời của nàng. Trong những chuyện ấy, người thiện bao giờ cũng được hưởng hạnh phúc, người oan bao giờ cũng có dịp gỡ được nỗi oan.”

Cái tư tưởng tin ở mình, tin ở thiện tâm, tin ở trời, xét cho đến cùng, là do thuyết Thiên mệnh và Cải mệnh của Nho giáo mà nàng đã được hấp thụ do nếp sống của gia đình.

Chính dựa vào cái sức mạnh tinh thần đó mà nàng đã luôn luôn phấn đấu gay gắt với hoàn cảnh và đã vượt qua bao nhiêu trường hợp nguy hiểm có thể lôi cuốn nàng xuống hố trụy lạc. Nàng có thể bán xôi cho đám học sinh, cho những người dân lao động, để sinh sống, để nuôi con, nuôi em, nhưng nàng vẫn thẳng thắn từ chối lời cầu hôn của bác sĩ Minh, một người vừa có tiền, lại vừa có danh vọng. Nàng có thể làm người kiểu mẫu cho họa sĩ Bạch Hải để kiếm tiền trả bác sĩ Minh, nhưng vẫn cương quyết từ chối mối tình thiết tha của chàng họa sĩ trẻ tuổi. Lấy Minh hoặc lấy Bạch Hải, Mai không sợ mang tiếng vì đó là cuộc hôn nhân chính đáng, đồng thời, nàng lại gián tiếp trả thù được Lộc và giải quyết được hoàn cảnh cơ cực của mình. Nhưng nàng vẫn bỏ qua mà không một chút luyến tiếc. Yên phận với cảnh nghèo,

phấn đấu với hoàn cảnh để giữ lấy một chút tình cao thượng, Mai không những đã nêu lên được những vẻ đẹp thanh cao của tâm hồn mà còn làm sống lại cả một tinh thần kiên nhẫn, chịu đựng của phụ nữ Á đông cũ. Chính cái tinh thần này đã tạo nên những người mẹ hiền, dâu thảo, khả dĩ làm vinh dự cho dân tộc ta, như nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, bà Phan Thanh Giản, bà Phan Bội Châu, bà Trần Tế Xương v.v...

Tình cảm: Cái khả ái của Mai không phải chỉ nằm ở trong phần tư tưởng mà còn thể hiện ở trong phần tình cảm nữa. Tình cảm của nàng đối với Huy là một nguồn tình cảm chân thành sâu xa, nàng lo lắng, săn sóc cho Huy tận tâm như một người mẹ hiền đối với một đứa con nhỏ vừa đau ốm lại vừa khó tính – Đối với những người chung quanh, cô Diên,

Trọng, bà Cán v.v... bao giờ nàng cũng thành thực cởi mở, coi như là những người ruột thịt cũng đương sống trong cảnh khổ, và do đó, cần phải nương tựa vào nhau để tìm nguồn an ủi.

Nhưng đặc biệt nhất là tình cảm chân thành của nàng đối với Lộc. Nàng yêu Lộc với tất cả tâm hồn và nàng luôn luôn giữ tấm tình yêu đó một cách trân trọng qua mọi thử thách của số mệnh. Tuy nhiên, nàng vẫn sáng suốt không cho tình cảm lôi cuốn mình đến chỗ mù quáng mà quên mất nhân phẩm. Bị Lộc khinh rẻ, bị bà Án trục xuất, Mai cương quyết ra đi để giữ tròn danh dự. Và sau này, dù nàng vẫn thiết tha yêu Lộc, vẫn có thể cùng người yêu tâm sự suốt đêm cạnh lò than ấm áp, nhưng nàng vẫn không để cho tình yêu lôi cuốn vào vòng sa ngã. Nàng đã tiết chế tình cảm thông

thường để xây dựng một tình yêu lý tưởng, gần giống như thái độ của nàng Kiều trong đêm tái ngộ với Kim Trọng:

“– Vậy anh nên vui vẻ mà gánh vác trách nhiệm của anh, anh làm hết bổn phận của anh đối với gia đình và xã hội. Trong khi ấy, ở một nơi xa xăm, một người anh yêu và yêu anh sẽ luôn luôn tưởng nhớ tới anh và ngày đêm mong mỏi cho anh được sung sướng.”

Cuốn truyện chấm dứt, mà cái dư vị của nguồn tình cảm vừa sâu xa, vừa dịu dàng, vừa cao thượng mà lại vừa hồn hậu, còn kéo dài mãi trong tâm hồn người đọc, tưởng như không bao giờ phai mờ đi được.

Đức tính: Cùng với tư tưởng và tình cảm, Mai còn đáng cho ta yêu mến và kính trọng trước đức tính cao đẹp của

nàng nữa. Mà đức tính cao đẹp nhất ở nàng là đức tính hy sinh. Khi chưa gặp Lộc thì nàng sẵn sàng hy sinh hết đối với Huy, người em trai độc nhất của nàng.. Lòng hy sinh đó đã thể hiện trong mỗi cử chỉ, trong mỗi ngôn ngữ của nàng một cách tự nhiên và cảm động:

– Thưa ông, lúc này là lúc phải liều. Thế nào em cũng phải để em Huy học đến nơi, đến chốn. Mà muốn được như thế thì chỉ còn có một cách là bán nhà... Và nếu ông lo ngại cho em thân gái thì ở đâu mà không lo ngại. Ở nhà quê đã chắc đâu tránh khỏi bọn cường hào hà hiếp. Dầu sao, em vẫn nhớ lời nguyện vọng cuối cùng của thầy em: là để em Huy học thành tài và trở nên người hữu dụng.

Lộc mỉm cười:

– Nhưng còn cô?

Mai ngơ ngác:

– Em không hiểu!..

– Tôi hỏi: Còn cô thì cô trở nên gì?
Từ nãy đến giờ, tôi chưa hề thấy cô tưởng
đến cô... (N.C.X. trang 34)

Rồi sau khi yêu Lộc và lấy Lộc, nàng đã vui lòng hy sinh mối tình đẹp đẽ nhất của mình cho gia đình Lộc. Và sau này, khi Lộc tìm tới nàng, một lần nữa, nàng lại hy sinh hạnh phúc nàng cho Huy, cho vợ con Lộc và cho cả kẻ thù cũ của nàng là bà Án:

“- Anh thử nghĩ lại xem, ngày nay mới có hai người chịu đau khổ là anh và em. Nếu ta đi trốn thì ta cũng chẳng

bớt khổ, có lẽ ta còn khổ hơn, vì ta làm cho biết bao nhiêu người khác vì ta mà bị khổ lây: đàn anh thì cụ Ân, vợ anh, con anh, bè bạn anh; đàn em thì em Huy. Vậy sao ta không vì người khác mà hy sinh ái tình cùng hạnh phúc của ta, hy sinh hạnh phúc mà ta mới tưởng sẽ được hưởng thì lại càng hy sinh lắm - (trang 280)

Có người cho rằng sự hy sinh trên đây có vẻ tiểu thuyết nên không thực. Theo thiên ý của tôi thì sự hy sinh này “thích ứng” bởi nó hợp với tình trạng gay go mà trong đó Mai đương sống. Tôi nghĩ rằng Mai khó có thể làm khác được. Từ ít lâu nay, vì phong trào văn minh vật chất bành trướng mạnh, lôi cuốn bao nhiêu người vào chỗ tầm thường, hèn kém, chỉ biết vui sống theo bản năng, cho nên, mỗi khi nghe nói hoặc đọc tới những đoạn

văn mô tả một chút cao thượng của tâm hồn, một chút lòng vị tha, xả kỷ, thì vội cho là giảng đạo đức suông, là bịa đặt, là xa... thực tế! Họ chỉ vỗ tay khen ngợi khi đọc tới những đoạn văn tả những cái ti tiện, những cái bẩn thỉu, thô lỗ - nếu cần, muốn phóng đại to bằng nào cũng được và cho đó là chính xác, là “rất người”. Họ không nghĩ rằng sự hy sinh, dù to lớn đến đâu chẳng nữa, cũng chỉ là những hành động thường xuyên của con người. Và gia đình, xã hội, cũng như quốc gia và nhân loại này còn tồn tại và phát triển một cách rục rờ như hiện giờ chính là đã dựa vào muôn vàn sự hy sinh lớn, nhỏ của những con người tầm thường như Mai, như Diên, hay gần hơn nữa như những bậc hiền mẫu mà lúc nào chúng ta cũng nhìn thấy đầy rẫy chung quanh ta. Theo ý tôi, thì chỉ những con người nào mà tâm hồn cần cỗi đến nỗi coi sự

hy sinh là không thực, là giả tạo, lúc nào cũng chỉ nghĩ tới “cái tôi” một cách vị kỷ, mới thực là những con người “không người” mà thôi.

✱

Trên đây chúng ta đã lần lượt nêu lên những nét đặc biệt khả ái của Mai qua phần tư tưởng, tình cảm và đức tính. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta gián tiếp công nhận “Nửa chừng xuân” là tác phẩm có giá trị hơn cả.

Về phần kỹ thuật, nó có thể kém những tác phẩm khác đồng thời với nó như “Hồn bướm mơ tiên”, “Đời mưa gió”, “Đoạn Tuyệt”, “Đôi bạn” hay “Bướm trắng”, nhưng riêng về vai trò phụ nữ thì Mai quả là một nhân vật đáng yêu hơn tất cả Lan, Tuyết, Loan, Thu, chỉ vì Mai đã có một tâm hồn “đằm đằm mà

cảm động, khảng khái mà dịu dàng³” tức là nàng đã tiêu biểu được khá đầy đủ những vẻ đẹp khả ái của người đàn bà Việt Nam cũ, những vẻ đẹp mà đến nay, đáng buồn thay, chúng ta gần như không còn tìm thấy qua những tác phẩm văn chương nữa.

NGUYỄN DUY DIỄN

3 Nhận xét của bác sĩ Minh, một nhân vật trong “Nửa chừng xuân”.

Anna Karenine, kẻ tình nhân cô độc

Sĩ Mộc

Người viết cần nhìn nhận trước sự cố ý ra ngoài đầu đề: Muốn tìm hiểu khuôn mặt người mệnh phụ đau khổ vì yêu này không thể không tìm hiểu cái xã hội đã bao vây trùng điệp chung quanh mối tình của Anna với Vronsky. Hay nói khác đi, những nỗi đau thương của Anna chỉ đẹp lên, thiết tha hơn, do những ma sát của một xã hội không dung nạp mối tình tội lỗi

của người đàn bà có chồng. Nhìn nhận như vậy, luôn thể cũng nhìn nhận tính cách cứu rỗi của tác phẩm Tolstoi, nhất là cuốn Anna Karénine.

Anna, một thiếu phụ thuộc hàng thượng hưu trong xã hội thời Nga hoàng, làm vợ nhưng không yêu một công chức cao cấp, lại nặng tình với Vronsky, sĩ quan trẻ tuổi, phong nhã nhưng hời hợt. Thiên truyện là cả một trình tự diễn biến của mối tình giữa Anna và Vronsky: Anna cố gắng cưỡng lại lòng mình, tự đánh lừa cả mình để rồi cũng đến lúc phải lừa dối chồng: Anna bỏ con lại để chạy theo tình nhân ra ngoại quốc; và sau hết, những cơn bão táp trong tâm tư Anna do những vò xé của một tâm hồn thật tình ngay thẳng, trong sạch. Nóng nổi cô độc của Anna biểu hiện ở ngay trong cuộc tình duyên thâm lén với

Vronsky. Yêu, nhưng tự phút đầu Anna đã hoàn toàn ý thức hoàn cảnh trớ trêu của mình. Sự thấp thỏm nằm giữa những phút yêu đương đã tạo nên những đám mây làm u ám cả những khoảnh khắc thần tiên, để kết thúc mỗi tình bằng một cảnh đau thương. Nhận thấy cuộc đời sai lệch của mình đã vô phương cứu gỡ, Anna nhào đầu dưới một đoàn xe lửa để mong trả những tội lỗi bấy nay. Anna cô độc đành chọn một giải pháp dễ dàng nhất nhưng cũng tạm vừa lòng cái xã hội khuôn khổ, nền nếp ở chung quanh. Tạm vừa lòng mà thôi, vì sau đó, khi nhắc tới Anna, bà mẹ của Vronsky còn nhấn mạnh tới cái chết “hèn nhát và khốn khổ” của Anna, “một người đàn bà xấu xa, không tín ngưỡng.”

Đến phải chết đi mà vẫn còn bị đời nguyên rủa, cuộc đời của Anna tất đã

sai lạc ra ngoài khuôn khổ đến một độ quá đáng, hay chính cái xã hội chung quanh đã quá câu nệ, không một chút xót thương người đàn bà lạc lõng? Câu tiêu đề do tác giả nêu lên ở đầu sách đã giải đáp một phần nào mối thắc mắc đó: “Thượng Đế đã phán: Ta tự giành lấy quyền trả thù.” Anna Karenine không phải chỉ là một tác phẩm tả thực phơi bày những biến trạng trong cuộc sa ngã của một bà mệnh phụ. Dư luận đương thời đã đón nhận thiên truyện công phu của Tolstoi như một sự kết tinh của phản ứng trước phong trào tả thực Pháp không phải là không đúng. Dụng tâm của tác giả không riêng ở bề rộng mà còn vự cả bề sâu nữa. Vai trò của Anna do đó càng trở nên ai oán hơn: những phiền toái, ngang trái của xã hội chung quanh không thấm vào đâu với những vò xé trong tâm tư một người ý thức được

trộn vện tội lỗi của mình nhưng không đành ngừng lại, nhắm mắt lao đi xa mãi để kết thúc dưới những bánh thép của toa xe lửa. Chính Anna đã nói với người yêu: “Em như một người đói lả được gọi cho ăn. Có thể kẻ sắp chết đói không có mảnh áo che thân, hẳn có thể lấy làm tủi nhục, nhưng phải nhìn nhận rằng hẳn sung sướng.” Anna thêm yêu ở bên người chồng ghẻ lạnh và Anna đã được yêu. Đó là ngã thoát duy nhất, ngoài ra không đáng kể.

Tác giả đã vạch sẵn một con đường thăm thẳm như vậy cho Anna, tự nhiên bối cảnh chung quanh phải quy vào một mục đích bày cho người đọc trông thấy hết bề sâu của cái hố tội lỗi. Đã đến hai tài tử điện ảnh danh tiếng, Greta Garbo và Vivian Leigh, đem hết tài năng đặt mình vào trong vai trò thể thiết này,

nhưng dường như vẫn chưa lột được hết cái thâm kịch của Anna dưới ngòi bút của Tolstoi. Không lột được hết vì phim ảnh không sao đưa ra được trọn vẹn tình trạng mất cân bằng giữa cái trật tự vững vàng, bề thế bao vây quanh và cái chủ quan xô lệch của Anna. Trong khi Anna lao đảo xiêu đổ thì khắp mọi người ở chung quanh hè nhau chèo chống, gìn giữ, tô điểm... Chèo chống, gìn giữ, tô điểm cho họ cố nhiên!

Cái trật tự sừng sững trước mắt Anna là Kitty, là Lévine, là cuộc tình duyên phẳng lặng của họ, là gia đình Oblonski nền nếp, là gia đình Stcherbatsky, là cả đôi cặp ra ngoài lễ thói Nikolai-Maria nữa. Để ra ngoài vấn đề kỹ thuật xây dựng cuốn truyện của Tolstoi, sự đối chiếu giữa những hoàn cảnh, những nhân vật trong truyện có một tác dụng

làm nổi bật vai trò bơ thờ của Anna dưới sức dồn ép, tràn lấn của những tấm hạnh phúc đồ sộ, ngạo nghễ đứng bên. Khuôn mặt Anna Karénine trở nên thê lương bao nhiêu trong cái cảnh ngộ ngược chiều đó!

Ở bên một đôi cặp tội lỗi được dựng lên những đôi cặp đầy đủ đức tính để xây dựng gia đình, củng cố xã hội yên ổn và ngoan ngoãn. Đối với bà tước Vronsky, hào hoa phong nhã, suốt đời đi tìm những cảm giác thoải mái, dễ dàng và hào hứng, nhưng gặp một cảnh ngộ khó khăn vội mất bình tĩnh liền, có ngay Lévine, thâm trầm, sâu sắc, bề ngoài lạnh lùng, nhưng bên trong nung nấu một mối tha thiết với tất cả mọi người ở chung quanh, sẵn sàng rung cảm và chia sẻ. Đối với Anna, kết tinh của một xã hội phù hoa, kiêu hãnh với hoàn cảnh

ưu đãi, khó gây được cảm thông với số đông vì luôn luôn từ chối, trốn lánh trong cái khu vực xã hội riêng biệt của mình, khao khát thương yêu nhưng xa xôi ngay cả với những người gần cận nhất, có cô nàng Kitty, hiền hòa, không nhiều cao vọng, sẵn sàng đón nhận những tình cảm của kẻ khác để sẵn sàng trao đổi, một thứ phụ nữ có những đức tính hoàn toàn phụ nữ, không hề bỏ ngó từ địa vị một cô gái được nuông chiều tới địa vị một người vợ, một người nội trợ có những bồn phận hết sức phức tạp. Ở bên gia đình Lévine xứng đôi vừa lứa và đầy đủ hạnh phúc, còn gia đình Oblonsky, người chồng chơi bời nhưng dễ thương, cô vợ Daria lại là hiện thân của đức tính nhẫn nại, cam chịu, chân trời không xa hơn những nhiệm vụ sinh đẻ và coi sóc gia đình, nhưng đầy đủ hạnh phúc vì dễ tính. Xa hơn một thế hệ, gia

đình hoàng thân Stcherbatsky, thân sinh của Kitty và Daria, cũng có một thứ hạnh phúc riêng biệt: ông hoàng Stcherbatsky yên vui cảnh già, thỉnh thoảng gây với vợ đôi chút về chuyện tương lai con cái, nhưng hoàn toàn giao phó cho bà vợ đảm đang công việc điều khiển và gìn giữ những nền nếp của một gia đình hoàng tộc. Đến như Nikolai, anh của Lévine, một nhà cách mạng bất đắc chí, sống đôi cặp với một cô gái không phải hạng con nhà, hạnh phúc giữa Nikolai và Maria không hẳn là không có đủ, cho tới khi Maria chết bệnh.

Kẻ tình nhân cô độc Anna, thật ra không phải chỉ loay hoay đuổi theo hạnh phúc – chơi với giữa hạnh phúc và đau khổ như nàng nói-giữa những cá nhân khác lạ với nàng. Anna đã phải đương đầu với cả một xã hội gồm những gia

đình vững vàng hạnh phúc, luôn luôn bảo thủ hạnh phúc và trật tự. Trong khi ngã thoát duy nhất của Anna chỉ có thể là bỏ chồng để yêu Vronsky! Nhưng chính Anna cũng không khỏi vướng mắc với gia đình vì có thằng con, Serge Alexéievitch. Cả một vòng lưới rộng bao vây lấy một người chỉ mong thoát ra mà không được. Cảnh ngộ của Anna lục đục trong vòng lưới, một bên là người yêu và một bên là cái xã hội quý phái ở St-Pétersbourg và ở Moscou, được mô tả rõ rệt nhất một hôm ở trường đua ngựa⁴. Anna đã bắt đầu mang thai với Vronsky. Ngồi giữa bao nhiêu bạn bè quen biết, trong khi kết quả của mỗi tình ngang trái canh cánh trong lòng, trên vòng đua thì có người yêu và gần đó thì có chồng, Anna biết rằng chồng mình đã bắt đầu ngờ vực, Anna cũng biết rằng thiên hạ

⁴ Phần thứ nhất, XXVII, XXVIII.

ở chung quanh đã thì thầm rất nhiều về mình và Vronsky, ngồi đó với cảm tưởng nặng nề bị cả một xã hội chung quanh bủa vây, đè nặng trên đầu, nông nổi cô độc của Anna thật là trọn vẹn. Trọn vẹn đến tuyệt đối vì Vronsky trong lúc đó cũng bận mãi mê trên lưng ngựa ngoài vòng đua. Đến khi Vronsky ngã ngựa; thương tích ra sao Anna lo ngại mà không cách nào tìm biết được. Cân não của nàng căng thẳng đến độ cuối cùng, cho nên, khi ra về ở trên xe cùng với chồng, Anna đã thú thật hết. Khúc quanh trong cuộc đời Anna bắt đầu thật sự từ bữa đó.

Yêu, được yêu, rồi thất vọng vì yêu. Bị xô đẩy đến cái thế muốn nhào đầu dưới những bánh sắt của toa xe lửa, nhưng ở khoảnh khắc cuối cùng, khi lùi lại cũng đã muện tuy có muốn lùi lại,

Anna mới đành cam chịu: “Xin Thượng Đế tha thứ, tha thứ tất cả.” Vai trò Anna qua bao nhiêu tình tiết trong truyện có một đặc điểm đáng yêu nhất chính là thái độ kiêu hãnh đó. Anna yêu say, yêu mê, nhưng không một phút nào quên mình. Mặc dầu bị hoàn cảnh xô đẩy đến đâu, Anna không bao giờ sao lãng một mục đích duy nhất: yêu Vronsky, dù gió to sóng cả. Anna khổ phần lớn cũng bởi nàng quá vững trong sự yêu đương. Nếu Vronsky có một cá tính khác đi, không cho rằng nội hai-mươi-bốn giờ không trả một món nợ cờ bạc sẽ bị giảm phẩm giá trong khi có thể quên không trả những món nợ ở chú thợ may, cơ sự không chừng sẽ khác đi. Và tất nhiên đã không có câu chuyện kể.

Bởi có câu chuyện cho nên ta mới thấy rõ dụng tâm của tác giả. Cả Vron-

sky lẫn Anna đều đã phải trả nợ, trả ngay từ lúc bắt đầu nhúng vào tội lỗi. Thật tình, họ không khổ bao nhiêu trong hoàn cảnh khách quan. Họ khổ vì tấn thảm kịch xảy ra trong nội tâm. Họ yêu, nhưng có bao giờ được yên. Sau cái chết của Anna, Vronsky đầu quân đi đánh giặc thuê chính là muốn tìm yên ổn cho tâm hồn, tuy rằng sự yên ổn đó, nếu có, không phải là một giải pháp, không vạch được một đường sáng. Nhưng ít nhất cũng biểu lộ một ý chí cứu chuộc. So sánh với cái kết thúc vất vưởng của Vronsky, sự kiêu hãnh đến cùng của Anna càng đẹp thêm. Đẹp vì mối tình đã hoàn toàn, trọn vẹn, với chính Anna, kẻ tình nhân cô độc.

Còn xã hội ở chung quanh có thể xoa tay, hỉ hả. Trật tự, nền nếp bao phen muốn đảo điên, nghiêng ngửa vì những

hành động kiêu hãnh của Anna, nhưng chính Anna đã tự giải quyết lấy mình. Trật tự xã hội được chu toàn, còn giải thích nào gọn hơn là gọi tới bàn tay Thượng Đế nữa?

SĨ MỘC

Cúc Hoa

Lưu Trung Khảo

Cúc Hoa là nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết văn văn rất được phổ thông trong giới bình dân Việt Nam: Phạm Công Cúc Hoa. Khác với những nhân vật tiểu thuyết có một đời sống tâm lý sâu sắc trong kho tiểu thuyết văn nô m cổ – Phương Hoa, Giáng Kiều, Thúy Kiều – Cúc Hoa sống một cuộc sống bình dị như hầu hết phụ nữ Việt Nam.

Nàng là ái nữ độc nhất của một ông

quan Tri phủ hồi hưu. Được cha mẹ cho theo đòi nghiên bút ở trường thầy Quý Cốc, nàng đã áp đảo toàn thể sĩ tử trong trường. Thấy Phạm Công nghèo khó và có chí, nàng động lòng thương xót và thường chu cấp cho chàng. Không bao lâu tuy tinh thương đã đổi ra tình yêu, Cúc Hoa vì nhớ người yêu, nhan sắc tiêu tụy, hình dung khô héo rồi lâm bệnh. Ông bà Tri phủ sau khi đã rõ căn bệnh của con, cho mời Phạm Công tới để gả con cho chàng. Sính lễ không đủ, Cúc Hoa lén lấy của riêng đưa cho Phạm Công để chu toàn hôn lễ. Về nhà chồng, nàng đã làm tròn bốn phận của người vợ thảo, dâu hiền (Phạm Công còn có mẹ già). Mẹ chồng chết, nàng lo toan tang ma cho mẹ chồng đầy đủ. Gặp kỳ thi, Phạm Công lên đường dự thi. Nhà nghèo, còn được sáu đồng tiền, vợ chồng chia nhau mỗi người một nửa. Cho đến:

Có một cái áo lụa sa.

Bỏ vào, quăng lại đến ba bốn lần.

Cuối cùng:

Cúc Hoa bèn cắt làm hai,

Phạm Công lấy nửa, bi ai thêm phần.

Khoa ấy, Phạm Công đỗ Trạng nguyên. Nhà vua thấy chàng trẻ tuổi tài cao muốn kén chàng làm phò mã. Nghĩ đến người vợ còn đang hoài thai ở nhà Phạm Công từ chối. Chàng bị đày sang đất Hung-nô. Vua Hung-nô mở khoa thi. Phạm Công ứng thí và lần này chàng cũng đậu Trạng nguyên. Vua Hung-nô toan gả công chúa cho. Ông Trạng nguyên họ Phạm lại từ chối. Bị bẽ mặt:

Hung nô nổi trận lôi đình,

Dạy đem quan Trạng hành hình cho ta.

Mặc dù bị chặt tay, khoét mắt, đục răng, Phạm Công vẫn không biến tiết đổi lòng. Nỗi oan thấu tới thiên đình. Ngọc hoàng Thượng đế sai thiên tướng đem linh dược xuống chữa cho chàng được lành như cũ. Trên đường về, qua nước Ban Châu, gặp kỳ thi, Phạm Công lại vào ứng thi và cũng như hai lần trước, chàng đậu Trạng nguyên, rồi được nhà Vua ngỏ ý kén làm phò mã. Cũng như hai lần trước, chàng cương quyết chối từ. Nhà vua nổi giận toan làm tội, nhưng công chúa cảm phục vì lòng chính trực và chung thủy của chàng đã xin với vua cha xá tội cho. Phạm Công được ban mũ áo cho về vinh quy bái tổ.

Vợ chồng tái hợp với nhau được ít lâu thì Cúc Hoa qua đời, để lại cho chồng hai đứa con thơ: Tiến Lực (trai) và Nghi Xuân (gái). Trong khi đó, biên

thùy rung chuyển vì giặc Sầm Hưng. Nhà vua đòi Phạm Công về triều mang quân tiêu loạn. Phạm Công, vai mang hòm cốt Cúc Hoa, tay bông Nghi Xuân, Tiến Lực, mà ra trận. Sầm Hưng⁵ thấy cảnh đó phải động lòng, tự tay chặt đầu mình dâng cho Phạm Công rồi bãi binh.

Cúc Hoa tuy đã qua đời, nhưng nàng vẫn hiện hồn về trông nom săn sóc chồng con. Thấy chồng gà trống nuôi con. Cúc Hoa báo mộng khuyên chồng nên kiếm một người vợ kế - Tào Thị để trông nom nhà cửa. Được ba năm, nhân đất Cao Bằng có loạn, nhà vua lại cử Phạm Công đi trấn giữ. Tào Thị ở nhà lộng hành hành hạ Nghi Xuân, Tiến Lực đủ điều:

Bắt con đốn củi, hái rau,

Chăn gà, chăn vịt, ốm đau chau mày.

5 Sầm Hưng có yêu thuật, chặt đầu này mọc đầu khác.

Nghi Xuân, Tiến Lực chịu không nổi, bỏ nhà ra đi. Cúc Hoa hiện lên ôm hai con mà khóc. Nàng lấy giấy phủ mặt, cắn máu ngón tay viết cho chồng một bức tâm thư, rồi buộc vào giải áo của con. Từ đó, Nghi Xuân, Tiến Lực, lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu, xin ăn lẫn hỏi để tìm đến Cao Bằng, nơi Phạm Công đóng bản doanh. Một ngày kia, hai đứa trẻ đến đúng bản doanh của Phạm Công để xin ăn. Phạm Công vẫn chưa biết là con mình sai lính mang cơm cho hai đứa trẻ. Trước khi ăn, Nghi Xuân và Tiến Lực bưng bát cơm lên đầu mà khẩn mẹ:

Mẹ ơi! Mẹ hỏi Cúc Hoa!

*Khôn thiêng về hưởng cơm hòa cùng
con.*

Thấy sự lạ, Phạm Công bèn hỏi quê quán và cha mẹ của chúng. Nghi Xuân, Tiến Lực kể lễ nguồn cơn và đệ trình lên Phạm Công bức thư của Cúc Hoa. Chừng đó, ông mới hay, hai đứa trẻ ăn mày đó chính là con ruột của ông. Sứ mệnh đã hoàn tất, Phạm Công trở về quyết tâm đánh đồng thiếp xuống âm phủ tìm Cúc Hoa. Công chúa Xuân Dung, cảm cái nghĩa “tào khang chi thể” của chàng, tình nguyện ngồi canh thi thể và chiếu kính cho chàng. Qua bao gian nan nguy hiểm ở chốn âm cung: gặp quỷ sứ, gặp yêu tinh, gặp mãng xà, Phạm Công tìm thấy vợ.

Diêm chúa thấy tình của chàng bền chặt như vậy, cho Cúc Hoa sống lại với chàng. Xuân Dung công chúa sau cũng trở thành thủ thất của Phạm Công. Nước nhà yên hưởng thái bình, nhà vua

nhường ngôi cho Phạm Công rồi xuất gia đầu Phật.

Phản khoa học, mê tín, dị đoan, giả tạo là những hình-dung-từ mà con người sống ở hiện bán thế kỷ XX này có thể dùng để phê bình cuốn tiểu thuyết văn vần bình dân này. Lời phê bình đó không phải là không hữu lý nếu chúng ta xét tỉ mỉ đến những động tác của cuốn truyện. Bị khoét mắt, chặt tay, đục hai hàm răng mà Phạm Công lại được tái sinh với đầy đủ tứ chi và ngũ quan. Sầm Hưng tự chặt đầu đưa cho Phạm Công mang về lập công, rồi mọc đầu khác dẫn quân trở về. Cúc Hoa đã chết vậy mà còn hiện hồn lên báo mộng khuyên Phạm Công kết hôn với Tào Thị. Rồi khi hai con bị Tào Thị đuổi đi, Cúc Hoa lại hiển linh để bắt chấy cho con, viết thư gửi cho chồng hải tị Tào Thị. Phạm Công

đánh đồng thiếp xuống âm phủ tìm vợ, khiến Diêm chúa, cảm động vì lòng chung thủy của ông Trạng họ Phạm, cho phép Cúc Hoa tái sinh. Tuy nhiên, nếu đứng về mặt luân lý mà xét, thì truyện Phạm Công Cúc Hoa đáng coi là một tác phẩm điển hình. Thực vậy, Phạm Công mới mười ba tuổi đã phải lo chôn cất người cha xấu số cho được toàn vẹn. Rồi lại lo việc hành khuất mà nuôi mẹ già. Một thiếu niên mới mười ba tuổi mà đã chu toàn được chữ hiếu như thế thực là một tấm gương sáng cho người đời. Đến khi lập gia đình rồi, chàng lại giữ được lòng trung thành với vợ. Thói thường của một số người là “giàu đổi bạn, sang đổi vợ” nhưng Phạm Công không phải là hạng người đó. Dù được đề nghị làm phó mã tới ba phen, chàng vẫn cương quyết từ chối vì nghĩ tới người vợ tào khang ở nhà. Chàng không hề lo sợ vì

những sự đe dọa, cùng những hình phạt sẽ xảy đến cho mình. Ngay cả đến lúc bị vua Hung-nô gia hình, chàng cũng chỉ nghĩ tới vợ mà than rằng:

Cúc Hoa em hồi có hay?

Vợ mất, chàng mang hài cốt vợ theo mình trong khi tòng chinh, khiến cho tướng giặc cũng phải cảm động chặt đầu tặng chàng mà bãi binh. Lấy vợ kể theo lời báo mộng của vợ, nhưng trong ba năm trường chàng không hề chung chăn gối. Làm tròn sứ mệnh, chàng xuống cả cõi âm để tìm người bạn trăm năm. Tình chàng thắm thiết và bền chặt đến nỗi làm cho người cõi âm cũng phải động lòng.

Nếu chúng ta cảm động vì mối tình của Phạm công đối với vợ chường nào thì chúng ta còn cảm động hơn nữa vì mối tình của Cúc Hoa đối với chồng. Thực

thế, tình yêu sơ khởi của Cúc Hoa không bận một chút tâm tà. Đó là thứ tình yêu trong sạch hoàn toàn trong vòng lễ giáo. Ở đây, ái tình đã không phân biệt địa vị và giai cấp trong xã hội. Thân danh là một ái nữ con quan Tri phủ, nàng đã vui lòng kết duyên với một chú hành khất nghèo nàn.

Khi lấy chồng, nàng lo gánh vác giang sơn nhà chồng. Nàng không hề tự phụ về gia thế và dòng dõi mà khinh chồng và mẹ chồng. Trái lại, đối với mẹ chồng và chồng nàng luôn luôn tỏ vẻ kính mến và phục tòng. Mẹ chồng chết, nàng lo tang ma chu tất. Con người hiếu nghĩa đủ đường đó không may lại vẫn số. Tuy lìa trần song hồn thiêng của nàng vẫn lẩn quất ở cõi dương gian để săn sóc cho chồng cho con. Thương chồng vắng vẻ vất vả vì cảnh gà trống nuôi con, nàng

khuyên chồng cưới vợ lẽ. Chu đáo và vị tha đến thế là cùng. Đến khi Tào Thị ước hiếp và hành hạ con nàng, nàng cũng chỉ biết viết thư kể lể cho chồng. Sau này Phạm Công rõ chuyện toan giết Tào Thị thì chính Cúc Hoa đã đứng ra xin tha tội cho Tào Thị. Con người tiết liệt lại có một mối tình chung thủy với chồng như vậy nếu người viết sách có cho sống lại thêm ba mươi năm để yên hưởng phú quý với chồng thiết tưởng cũng là một phần thưởng xứng đáng.

Cổ nhân Việt Nam cũng như Trung Hoa đều quan niệm “văn dĩ tải đạo”, văn chương phải dùng làm phương tiện truyền bá đạo lý. Bởi thế cho nên nếu muốn tìm một đời sống tâm lý sôi nổi ở Cúc Hoa như ở Kiều, ở Giáng Kiều v.v.. chúng ta sẽ thất vọng. Con người này không phải là tín đồ của cá nhân

chủ nghĩa. Người sống cho gia đình nhà chồng, cho chồng, cho con. Cúc Hoa cũng như bao người phụ nữ Việt Nam khác chỉ tìm thấy hạnh phúc trong sự hy sinh ấy. Với cái nếp sống tinh thần và tình cảm ấy, làm sao mà đào tạo cho những nhân vật ấy một đời sống tâm lý sôi nổi như các nhân vật phụ nữ trong các áng văn chương Tây phương. Cho nên, nói tới người phụ nữ Việt Nam là phải nói tới sự nhẫn nhục, tinh thần chịu đựng và đức hy sinh. Nàng Cúc Hoa trong truyện Phạm Công Cúc Hoa đã thể hiện trọn vẹn những đức tính ấy.

LƯU TRUNG KHẢO

3 NÀNG CONSTANCE CHATTERLEY

Hoàng Hải Thủy

Vào năm 1928, một nhà xuất bản nào đó tại tỉnh Florence, Ý quốc, ấn hành một cuốn tiểu thuyết tình với cái tên tầm thường là Lady Chatterley's Lover: Người tình của Phu nhân Chatterley. Nguyên bản cuốn truyện bằng tiếng Anh, do một văn sĩ người Anh hình dung cổ quái qua ngụ cư tại miền đồi núi Toscan sáng tác. Nhà văn này đã cùng bà vợ rời quê hương sang Ý Đại Lợi từ năm 1925.

Vừa ra đời, tiểu thuyết Người tình của Phu nhân Chatterley đã gây ra nhiều sóng gió. Tên tuổi tác giả của nó - D.H. Lawrence – bị lôi ra công kích và thóa mạ một cách kinh khủng. Vì lúc đó chưa có Henry Miller, chưa có Vladimir Nabokov, nên D.H. Lawrence phải một mình gánh chịu tội danh văn sĩ viết dâm thư số một của thế giới.

“Người tình của Phu nhân Chatterley” bị cấm lưu hành ở nhiều nơi. Sách bị cấm mang qua những biên giới, như trên những trang giấy đó có hàng triệu vi trùng truyền dịch. Mãi đến năm 1932, một cuốn “Người tình của Phu nhân Chatterley” được cắt bỏ đi rất nhiều đoạn, mới được ấn hành tại Mỹ quốc.

Nhìn qua cốt truyện của D. H. Lawrence, ta thấy đó là một mối tình của một thiếu phụ thuộc phái thượng lưu

Ăng-Lê tại một miền đồng quê nước Anh, nơi những phong tục, tập quán còn bền chắc nhất thế giới, nhất là về những gì đụng chạm đến giai cấp “Constance”, nhũ danh của bà Chatterley, nhân vật chánh của tiểu thuyết, là một thiếu phụ trẻ tuổi. Nàng kết hôn với chàng công tử Clifford Chatterley năm 1917, và hưởng tuần trăng mật trong khoảng thời gian ba mươi ngày chàng được nghỉ phép. Sau đó, Clifford trở qua Pháp để ra mặt trận. Năm 1918, chàng trở về quê hương để rồi trọn đời chịu tàn phế: hai chân và nửa người chàng đã bị tê liệt vì một trái bom ngoài mặt trận. Năm đó, Clifford hai mươi tám tuổi, Constance mới hai mươi ba. Hai năm sau, thân phụ của Clifford qua đời. Cặp vợ chồng này về ở trong biệt thự của tổ phụ ở Wragby, quanh tòa nhà cổ kính ấy là một khu rừng khá rộng cũng thuộc vào đất của

dòng họ Chatterley. Chàng thương binh nay đã trở thành Nam tước.

Nam tước Chatterley đẹp trai, học giỏi và quý phái nhưng chàng chỉ có thể giúp vui cho người vợ trẻ bằng cách trò chuyện với nàng về những vấn đề nhân sinh, tôn giáo, xã hội v.v.. hoặc nhờ nàng đẩy dùm chàng chiếc xe đi dạo trong lâm viên. Trong một chuyến đi dạo ấy, bà Nam tước Chatterley gặp anh Mellors, một thanh niên từ xa đến giữ chân gác rừng cho Nam tước.

Mellors, anh gác rừng, hiện sống độc thân trong căn nhà gỗ giữa rừng vắng. Anh đã có vợ, nhưng sống ly thân. Lý do sự ly thân đó là vì vợ anh quá lãnh đạm giữa hai người, không có sự hòa hợp của cả tính nết lẫn xác thịt. Constance tìm đến căn nhà gỗ giữa rừng. Lần đầu tiên, nàng xúc động vì sự thanh khiết của mấy

còn gà con mới đẻ. Về sau, những rung động của xác thịt làm gần gũi hai người tình ở hai thành phần xã hội khác biệt nhau quá xa ấy đến nỗi họ không còn sống xa nhau được nữa. Constance có thai, nàng tính chuyện ly dị rồi kết hôn với người tình.

Mỗi tình vụng trộm này về sau cũng vỡ lở. Nam tước Chatterley không bằng lòng cho ly dị, nhưng chí Constance đã quyết... Anh gác rùng bỏ đi kiếm việc làm ở một nơi khác. Chuyện kết cục bằng một lá thư khá dài do anh viết gửi về cho Constance, trong thư bàn đến cuộc đời mai hậu của hai người.

Người tình của Phu nhân Chatterley là một bộ truyện được cắt xén và in ra thành nhiều bản khác nhau nhất trong lịch sử tiểu thuyết của thế giới. Nhưng có rất ít người – kể cả các bạn thân của

tác giả biết rằng trước sau, trong khoảng thời gian ba mươi sáu tháng, từ 1925 đến 1928, D.H. Lawrence đã viết tất cả ba truyện *Lady Chatterley's Lover* khác nhau. Trong số đó, bản thứ nhất và bản thứ ba có nhiều điểm đáng được chúng ta xét đến, bản thứ hai chỉ là một cái gạch nối.

Lady Chatterley's Lover – bản thứ ba, bản được nhiều người đọc và biết đến nhất được xuất bản vào năm 1928. Mãi đến năm 1943, tức là vào khoảng mười lăm năm sau, bản thứ nhất mới được ra đời. Bản này được đặt tên là *The First Lady Chatterley's Lover*. Hai bản văn này có nhiều điểm giống nhau, nhưng hai đoạn kết thì khác nhau xa. Đề tài của bản thứ nhất (*The First Lady Chatterley's Lover*) chỉ là sự khó khăn trong cuộc sống chung giữa người và người,

nghĩa là giữa các cá nhân, và sau đó, giữa các giai cấp. Theo Lawrence, sự mong ước được gần gũi nhau của con người bao giờ cũng bị thất vọng. Ngay cả trong các cuộc ái ân giữa Constance và Parkin – tên anh gác rừng, người tình của phu nhân Chatterley, trong truyện thứ nhất – đôi tình nhân này cũng không tìm được sự gần gũi ở tình trạng thuần túy của hai sinh vật. Mục đích nghiên cứu những cách biệt giai cấp trong truyện thứ nhất của Lawrence thật là rõ ràng. Trong bản thứ ba, đề tài của truyện lại là sự nghiên cứu về tính dục, hay nói rõ ra, là sự quan trọng của điều kiện thỏa mãn tình dục trong sự gần gũi của người nam và người nữ.

Trong truyện thứ nhất, Constance và chồng nàng, Nam tước Clifford Chatterley, thật tình yêu thương nhau. Con-

stance là một cô gái ngoan, rất thường, tốt bụng và lương thiện. Trong truyện thứ ba, nàng đã trở thành một người đàn bà ngoại tình từ lâu. Ngay từ trang truyện đầu, người đọc đã thấy nàng qua và cuộc liên lạc ngầm rồi, và đang sửa soạn một cuộc khác với một anh chàng rất mất cảm tình, một ông khách của chồng nàng. Từ người đàn bà ngoan hiền trong truyện thứ nhất, Constance đã trở thành một thiếu phụ ủ ê, chán đời, dâm dăng ở truyện thứ ba. Làm cho nhân vật Constance mất hết đức hạnh, tác giả đã làm mất luôn sự tò mò của độc giả: người ta muốn theo dõi sự thay đổi của một bà quý phái hiền thực cho đến lúc bà này đem lòng yêu anh gác rừng của nhà bà. Nhưng tai hại nhất là sự khác nhau của nhân vật anh gác rừng trong hai truyện. Ngay cả cái tên của anh này cũng được đổi khác. Trong truyện thứ nhất, anh

tên là Parkin. Trong truyện thứ ba, tên anh đổi ra là Mellors, một nhân vật tiểu thuyết kỳ cục nhất thế giới. Sở dĩ nhân vật này được D. H. Lawrence vẽ lại và tô màu thêm là cốt để cho anh ta có đủ điều kiện để có thể cưới được nàng Constance làm vợ trong hồi kết cục. Hoàn toàn quên mùa ở truyện thứ nhất, anh gác rừng ở truyện thứ ba là một thanh niên có học, biết tiếng Pháp và tiếng Đức, đã là sĩ quan – Trung úy trong trận chiến tranh 14-18, chứ không phải ra mặt trận với cấp bậc binh nhì rồi leo lên hạ sĩ sau vài ba lần bị thương nặng như nhiều anh gác rừng, gác cổng xe lửa, gác cầu khác. Trong truyện thứ nhất, những bức thư anh viết về cho Constance đều tràn đầy lời lẽ chân thật, cục mịch. Trong truyện thứ ba, thư của anh viết về dài dòng, lưu loát, kiểu cách, quý phái như thư của các vị giáo sư đại học, hoặc của các vị chánh

trị gia giàu thiên tài văn nghệ vẫn viết về khuyên bảo tình nhân. Nhưng tuy viết vậy, mà khi trò chuyện Mellors vẫn nói đặc giọng nhà quê, dùng toàn thổ ngữ, thổ âm cổ lỗ, và kinh khủng hơn hết, là nói toàn về triết lý nhân sinh và tính dục.

Có thể nói nhân vật Parkin – anh gác rừng – trong truyện thứ nhất là một nhân vật sống động, sống thực nhất của D. H. Lawrence. Parkin người tầm thước, với một bộ râu mép rậm, dài. Anh ta vui tính, dễ chịu. Anh ta chỉ thèm muốn bà chủ, nhưng quả tình không muốn sống đời với bà. Còn chàng Mellors thì người dong dỏng cao và nở nang. Mellors không có râu mép, cả hàm răng cũng còn nguyên không bị gãy mất hai chiếc răng cửa sau một trận đánh lộn như Parkin.

✱

Người ta không thể quả quyết tại sao lại có sự thay đổi như trên đây, và vì lẽ gì D. H. Lawrence lại phải viết đến ba bản văn khác nhau cho cùng một cốt truyện, bản nào cũng đầy suýt soát ba trăm trang chữ in. Nhưng qua sự chịu khó mất công ấy, ta thấy rõ rằng D. H. Lawrence là một nhà văn thận trọng, và thích viết, với cái sung sướng thuần túy của việc viết để mà viết.

Nếu kết tội một nhà văn thận trọng và yêu thích việc viết văn như tác giả *Lady Chatterley's Lover* là một nhà văn viết chuyện khiêu dâm, thì hành động lên án đó quả là một sự nhầm lẫn, khinh người và khinh người tức là khinh chính mình vậy.

HOÀNG HẢI THỦY

EMMA BOVARY, MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

Trịnh Viết Thành

Mỗi lần nghĩ tới những người đàn bà đã đến và đã đi nhưng vẫn để lại một vài tia sáng trong lòng, ngoài những giọng nói ấm mà chính tai tôi đã được nghe, ngoài những cái nhìn dung túng mà chính mắt tôi đã đón nhận, nhịp thở chung chạ, mái tóc tình nghĩa, tôi vẫn thấy bóng dáng một vài khuôn mặt đàn bà trong tiểu thuyết cổ chen chân trong ký ức.

Trong số những vóc người, dáng đi quen thuộc ấy, Bovary⁶ thường hay đến với tôi hơn cả.

Tên nàng không phải là Bovary. Tên thực nàng là Emma Rouault. Bovary là tên người đàn ông thứ nhất đã đến với đời nàng. Người ấy là chồng nên người ta gọi nàng là Emma Bovary. Sau này cũng có một vài người đàn ông khác đến với nàng nhưng Emma Rouault vẫn mang tên Bovary cho đến lúc chết.

Tôi biết Bovary rất muộn. Năm ấy tôi đã 18 tuổi. Hồi ấy quan niệm về tình ái của tôi rất đơn giản, hơn nữa một vài quy điều luân lý đạo giáo hấp thụ từ lúc nhỏ hãy còn tác động ở trong tôi nên trước sự đòi hỏi một cuộc sống phóng túng của một người đàn bà có chồng,

6 Nhân vật chính trong cuốn « Madame Bovary » của Gustave Flaubert

những xét đoán của tôi về Bovary không khác gì những lời buộc tội của các quan tòa đã đưa tác giả Madame Bovary ra trước vành móng ngựa⁷.

Nhưng rồi từ ngày ấy đến nay cuộc đời tình ái của Bovary cứ ám ảnh tôi mãi và một đôi khi khuôn mặt người đàn bà thèm khát yêu đương ấy đã hiện đến với tôi với những nét rất đáng thương hơn đáng ghét. Đã đành rằng việc làm của Bovary đáng trách nhưng lần lần càng đi sâu vào cuộc sống tôi thấy những khe nứt ban đầu với Bovary cũng được nói dần. Phải chăng kinh nghiệm của cuộc sống đã làm tôi cởi mở hay là quan niệm về tình ái, về hôn nhân ngày nay đã thay đổi những xét đoán của tôi về Bovary.

Tôi muốn gặp lại Bovary, trở lại tìm

⁷ Gustave Flaubert bị khởi tố về tôi xúc phạm luân lý và tôn giáo (offenses à la morale publique et à la religion)

nàng để có thể trả lời những thắc mắc trên.

Cũng như tất cả những chuyện tình không đẹp, ở đây Emma Rouault đi vào hôn nhân một cách miễn cưỡng. Không chịu được đời sống buồn tẻ đều đặn trong một nông trại hẻo lánh với một người cha già nua bệnh hoạn. Emma Rouault nhận lời lấy Charles Bovary – một y sĩ miễn quê đã có một đời vợ trước vừa mới chết – để hy vọng tìm thấy trong hôn nhân, một sự đổi thay, một cuộc sống nhiều tình tiết, một cơ hội thoát khỏi hiện tại.

Hôn nhân không có tình ái không phải là một chuyện hiếm có. Trước Emma và sau Emma đã có nhiều trường hợp như thế, nhất là trong xã hội Á đông của chúng ta. Tuy thế không phải tất cả những cuộc hôn nhân ấy đều đi đến đổ

vỡ, trái lại nó vẫn có thể làm nảy sinh một tình yêu hay ít ra một nghĩa vợ chồng để đi đến một cuộc sống chung đôi êm ấm, một gia đình hạnh phúc.

Nhưng muốn đạt được tình yêu tới-sau-hôn-nhân điều kiện thiết yếu là cả đôi bên phải có thiện chí tìm hiểu nhau, phải biết kính trọng lẫn nhau. Giữa Emma và Charles thiếu hẳn điều đó. Ngay từ hồi còn theo học các bà phước, Emma đã mơ ước một hoàng tử tài hoa ăn nói duyên dáng, bây giờ nàng chỉ gặp một anh chồng ba mươi tuổi khờ khạo ngớ ngẩn, ăn nói thô lỗ mà phong độ thì tầm thường đến khó chịu. Emma mơ tưởng một người chồng sành sỏi, thạo đời về đủ mọi mặt nhưng Charles thì dần dện, không biết gì hơn là yêu nàng. Nói yêu thì không đúng, chàng chỉ tìm thấy ở Emma những vẻ khiêu khích, sức

quyến rũ của một người con gái đang tuổi thanh xuân, tràn trề sức sống, mà người vợ trước không có. Charles chỉ thêm muốn Emma mà không yêu, và lại Charles có biết yêu là gì đâu. Chàng không thể yêu say đắm cái gì, ở người chàng tất cả là trung bình và tầm thường, an phận.

Emma đi vào cuộc đời, đi vào hôn nhân với một lòng ham muốn tận hưởng những bí ẩn của tình ái để thỏa mãn những mơ ước thơ mộng nuôi dưỡng trong lòng đã lâu. Nhưng cuộc đời hình như vẫn cố tình ghẻ lạnh, không chiều đãi nàng; nên khi hôn nhân không mang lại những điều mong ước, Emma lại phải ẩn náu trong những ảo tưởng của thời con gái đang trở lại ám ảnh, quyến rũ nàng.

Đó là khởi điểm và cũng là nguyên nhân đã đưa Emma Bovary vào con đường ngoại tình.

Ngay từ hồi còn nhỏ Emma đã thích mơ mộng nhưng cũng trong những ngày đầu của cuộc đời, thực tế đã làm nàng khổ sở - cuộc sống nàng không ở miền quê buồn tẻ, lại mất mẹ từ thuở thơ ấu - nàng không biết làm gì hơn là tạo riêng cho mình một thế giới mộng ảo, đẹp và hấp dẫn. Nền giáo dục quý phái hấp thụ tại trường các bà phước cùng với con cháu các quận công, huân tước càng tô điểm thêm cái thế giới huyền ảo của Emma. Bây giờ phải chôn mình trong một căn nhà miền quê, tất nhiên nàng phải so sánh, đánh giá và không thể nào an phận được với thực tại. Trong giấc mơ của nàng, chỉ có cuộc sống xa hoa của đô thị, chỉ có những cuộc đời oanh

liệt trong lịch sử, chỉ có những mối tình lãng mạn của những nhân vật trong tiểu thuyết. Tâm hồn Emma là một tâm hồn nồng nhiệt luôn luôn theo đuổi những khát vọng mơ hồ mà thực tại không bao giờ làm thỏa mãn được. Điều Emma mơ ước hơn cả là làm sao được tận hưởng tất cả những tình cảm mãnh liệt, những khoái lạc say sưa mà con tim có thể cống hiến cho nàng, Tai hại cho nàng là từ hồi còn nhỏ, không được hưởng dẫn và sửa chữa. Mẹ mất sớm, cha thì không biết gì, tưởng rằng cưng chiều là yêu con, cho con theo học tại các trường quý phái là làm tròn bổn phận người cha, là chắc chắn con mình sẽ được hấp thụ một nền giáo dục tốt. Chính lối giáo dục của các trường quý phái thời ấy đã có ảnh hưởng quyết định đến tính tình mơ mộng của Emma – một lối giáo dục chỉ nhằm mục đích đào tạo những thiếu nữ quý phái,

biết giao thiệp cư xử, biết sống trong xã hội thượng lưu – một phần lớn giờ học được dùng vào việc luyện giọng, tập ca hát đờn địch, tuyệt nhiên không có giờ nào học về bốn phận nội trợ, trách nhiệm làm vợ, làm mẹ. Với một nền giáo dục như vậy khi ra đời tất nhiên nàng phải lạc lõng. Cũng vì vậy, giấc mơ, có thể nói mọi giấc mơ của Emma đều quây quần chung quanh ý niệm yêu đương. Yêu đương trong giấc mơ của nàng hình như là một chìa khóa có thể mở được tất cả mọi cửa ngõ đưa vào một thế giới thiên đàng huyền ảo với những khoái lạc sa đọa, và trong thế giới đó, nàng cố tạo ra những hình ảnh thơ mộng, những hoàng tử tiểu thuyết, những tình nhân quyền quý, những mối tình lắt léo.

Emma đã sống xa lạ trong khung cảnh thực tế của nàng. Nàng đi qua cuộc

đời như trong một giấc mơ và lúc chết cũng chưa hẳn phải là lúc thức tỉnh. Sau khi thôi học, trong nông trại của cha nàng, Emma đã cố thu xếp để kéo dài cuộc sống mơ mộng như thế cho đến ngày Charles Bovary ngỏ ý cưới hỏi. Lập tức nàng nhận lời. Đây là một cuộc thí nghiệm liều lĩnh để tạo cho giấc mộng nuôi dưỡng bấy lâu có cơ hội thực hiện. Còn nhỏ theo học ở nhà trường, Emma cũng mơ mộng, bây giờ sắp về nhà chồng, đi vào đời, nàng cũng hãy còn triu mến những giấc mộng đó. Nàng muốn hôn lễ được cử hành vào nửa đêm với những ánh đuốc ánh nến. Emma muốn có một khung cảnh thơ mộng để che giấu những nét tầm thường sống sượng của thực tế và để được coi hôn lễ như bước đầu của một cuộc tình ái mơ tưởng bấy lâu. Ngay cả đêm tân hôn, nàng vẫn còn theo đuổi giấc mộng của mình. Nàng không yêu

Charles, không yêu một ai cả, hình như nàng chỉ yêu một hình ảnh mà nàng đã tạo ra, hình ảnh đó là chính nàng, Emma lý tưởng và thăng hoa.

Bước đầu của hôn nhân đã như thế, còn có thể hy vọng đi đến một gia đình hạnh phúc được không? Ở đây một phần lớn trách nhiệm thuộc về Charles hơn là Emma. Chàng là một con người tầm thường, không tế nhị, không khéo léo, sợ giao thiệp, chỉ sống theo bản năng mà bản năng đó lại quê mùa, man rợ. Chàng chỉ là một thú đàn ông an phận bên cạnh bất cứ một người đàn bà nào và chàng rất có thể sống êm đẹp quanh quẩn bên cạnh người vợ trước cho đến mãn kiếp nếu người vợ ấy không chết. Tuy nhiên Charles cũng không phải là người không biết yêu vợ con. Nhưng cái tình yêu ấy không phải thú tình yêu mà Emma

hằng mong đợi. Cũng vì vậy, sau đêm tân hôn hình như nàng không muốn tin rằng tình yêu chỉ là thế, có bấy nhiêu sự.

« Trước ngày lấy chồng, nàng tưởng mình có tình yêu nhưng hạnh phúc đáng lẽ phải đến với tình yêu đó đã không đến, bây giờ nàng phải nhận rằng mình đã lầm, nàng nghĩ như vậy. Và Emma bắt đầu tìm hiểu trong đời sống những danh từ như hạnh phúc, say mê, tình ái mà trước kia đã hiện đến một cách rực rỡ hấp dẫn ở các trang sách, thực ra những danh từ ấy có nghĩa gì?

Đó là tất cả câu chuyện và tất cả đau thương. Emma sau khi đã một lần xây cho mình một thế giới mộng tưởng, không bao giờ nàng muốn ra khỏi thế giới đó để nhìn tận mặt thực tế. Cho đến lúc mộng vỡ và thực tế hiện đến sống sượng, kịch cỡm thì tất nhiên nàng thất

vọng và lúc này hình như không còn một ngõ thoát nào khác nên đành đuổi theo những mộng ảo đã mất trong những mối tình bất chính bên lề hôn nhân.

Một điều ở Emma làm cho nàng không bao giờ thỏa mãn là nàng không theo đuổi dục vọng như người ta thường thấy ở những người đàn bà ngoại tình khác. Nàng khao khát một cái gì hơn thế nữa, một sự chiếm hữu và thấu đạt quán triệt một đối tượng lý tưởng. Tình yêu với nàng hình như chỉ là một phương tiện cũng như hôn nhân để tìm đến sự chiếm hữu đó. Khi thấy rõ hành động thả mỗi bắt bóng của mình, nàng đã phải tự hỏi: « Trời ơi! Tại sao tôi lấy chồng để làm gì? »

Chính nàng cũng không biết tại sao nàng lấy chồng làm sao người ngoài cuộc có thể biết được.

« Nàng tự hỏi có cách gì, có một cơ hội ngẫu nhiên nào cho nàng gặp một người đàn ông khác; và nàng tưởng tượng nếu cơ hội nói trên không tới thì một cuộc sống khác cùng với một người chồng khác mà nàng chưa biết đó sẽ ra sao? Nàng hình dung chàng có thể đẹp, duyên dáng, giao thiệp rộng, quyến rũ, cũng giống như những người chồng các cô bạn gái của nàng. »

Và tư tưởng ngoại tình bắt đầu mạnh nha từ đó, ngay sau đêm tân hôn. Nó được thúc đẩy lớn nhanh hơn bởi sự vụng về quê kệch của Charles.

«... hắn đưa lưỡi liếm hàm răng mỗi lần ăn được một miếng, khi ăn súp thì hắn húp sùm sụp...»

Trong một buổi tiếp tân hai vợ chồng được mời đến dự thì ... hắn đã phải đứng

suốt năm tiếng đồng hồ bên cái bàn nhìn người ta chơi bài wish mà không hiểu gì cả. »

Và đến lúc hai vợ chồng trở về phòng ngủ, trong lúc Emma hãy còn rạo rức với bao nhiêu cảm xúc thì Charles đã ngủ li bì.

Emma đã thất bại trong cuộc đời làm vợ. Liệu nàng còn hy vọng gì thành công trong thiên chức làm mẹ? Ao ước sinh được một đứa con trai, Emma đã sinh một đứa con gái. Và đứa trẻ nhỏ vô tội này đã được mang gửi vú ngay, ít ngày sau khi lọt lòng. Thỉnh thoảng nàng mới đến thăm đứa bé, và cảm tưởng chính lúc này của nàng về cuộc đời là bức tức trước thực tại chua chát của cuộc đời làm vợ và làm mẹ.

Trong suốt cuốn sách, hơn ba trăm

trang, đứa con gái của Emma chỉ được nhắc đến vài lần và nếu gộp lại, chưa chắc đã đủ che kín một trang giấy nhỏ. Nhưng hình ảnh đứa con trong lòng Emma có lẽ còn chiếm ít chỗ hơn thế nữa.

Bây giờ thì Emma đã chín mùi cho một mối tình bất chính. Nàng bắt đầu có thái độ với cái xã hội thù nghịch với nàng. « Nàng cũng không còn giấu diếm sự khinh bỉ của nàng đối với mọi sự, mọi người... Nàng chê những gì mà người ta khen, và khen những điều thiên hạ cho là xấu xa, vô luân lý. »

Lúc đó, Rodolphe Boulanger xuất hiện trong một khung cảnh quay cuồng của cuộc cách mạng 1848. Emma bấy lâu mong đợi một cơ hội để thoát khỏi thực tại buồn tẻ nên khi Rodolphe xuất hiện Emma không còn đủ lý trí của người

đàn bà có chồng, của một người mẹ để chống đỡ. Nhưng đến khi dựa đầu vào ngực Rodolphe, Emma đã lại chán cái thực tại mới mẻ đó và đi tìm một đối tượng xa xôi hơn, một giấc mơ – chính cái khao khát không bao giờ no đủ này đã giằng vặt Emma và đưa nàng vào cuộc phiêu lưu của kẻ ngoại tình không toại nguyện. Phải chăng đó là số phận của những tâm hồn mơ mộng? Emma có yêu gì Charles, có yêu gì Rodolphe hoặc một người đàn ông nào khác. Nàng chỉ yêu giấc mơ của nàng, hình ảnh của nàng ở trong một người khác. Đó là nguyên nhân sâu xa làm cho Emma luôn luôn thất vọng và khổ sở. Chính vậy, vì từ ngày còn con gái cho đến lúc lấy chồng và bây giờ đang gục đầu vào ngực Rodolphe « Nàng cũng nhớ đến các nhân vật trong tiểu thuyết mà nàng đã đọc... » Chưa bao giờ Emma sống cuộc đời thực của

nàng dù chỉ là một phút. Không muốn sống cuộc đời chính của mình, cuộc đời với những mặt phải và những mặt trái, chấp nhận thực tại, Emma chỉ ước ao được đóng những vai trò của các nhân vật trong tiểu thuyết. Ngày nay, những ràng buộc của hôn nhân đã chấm dứt những viễn tượng lãng mạn ấy, nhưng Emma vẫn tìm hết cách chạy theo và không muốn bỏ lỡ một cơ hội nào có thể kéo nàng ra khỏi cuộc sống tầm thường của quận lỵ hẻo lánh. Rồi khi cơ hội đến, tất cả những ao ước bị dồn ép quá lâu đều bùng nổ, Emma đã ngã vào lòng Rodolphe một cách dễ dàng cũng như trước kia nàng đã nhận lời lấy Charles một cách dễ dàng, không có day dứt của lý trí và con tim. Đến khi nhận ra cuộc phiêu lưu ngoại tình này cũng không mang lại những điều mà nàng thường mơ tưởng thì tất cả đã quá muộn.

Bỏ lỡ mất tất cả mọi cơ hội sống thực với chính mình bây giờ bị sa lầy trong cái hố ngoại tình. Emma chỉ còn cách nhìn lại những cơ hội đã đi qua để ân hận và luyến tiếc: « Bao nhiêu là hạnh phúc vào thời đó! Bao nhiêu là tự do! Bao nhiêu ảo tưởng phong phú! Bây giờ thì còn lại gì nữa đâu, nàng đã tiêu phí tất cả trong những cuộc phiêu lưu của tâm hồn... như một khách lữ hành đã để lại ở mỗi quán trọ một ít tài sản của mình. »

Cũng có lúc Emma ý thức được sự phí phạm thừa thãi của lối sống giả tạo mà nàng đang đeo đẳng và tự nghĩ:

«Nhưng mà cái gì đã làm cho nàng khổ sở? Tại ương lạ lòng nào đã xáo trộn đời nàng? Và nàng ngẩng đầu lên nhìn xung quanh như để tìm nguyên nhân của những động lực đã làm nàng đau khổ. »

Một đôi khi Emma cũng cố gắng vùng vẫy để thoát khỏi sự sa lầy trong hố sâu tội lỗi, để trở về với bốn phận làm vợ làm mẹ, nhưng chẳng ai hiểu và giúp đỡ nàng cả. Tất cả hình như đều được một bàn tay định mệnh oái oăm nào xếp đặt sẵn và dồn nàng tới con đường tội lỗi. Thế giới xung quanh nàng buồn tẻ xa lạ, thù nghịch với bản tính của nàng. Chồng nàng vẫn tâm thường và an phận trong lúc nàng muốn tạo cho mình một người chồng lỗi lạc, nổi bật trong xã hội để vớt vát một phần nào giấc mơ của cuộc đời. Nhưng tất cả đều im lìm, chân trời sáng ấy không bao giờ tới với Emma.

Đi vào cuộc đời, Emma không mang theo dự vọng. Charles đã đem dự vọng gieo vào người nàng. Và mầm dự vọng đó, Charles với bản tính tâm thường và khờ khạo cũng không làm thỏa mãn

được. Nghĩ rằng phải kéo dài cuộc sống như thế này mãi cho đến khi nhắm mắt, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm nữa, cuộc sống mà ngày nay một trăm năm sau, một người đàn bà khác, Simone de Beauvoir gọi là đường hầm của xe lửa, một đường hầm không có lối ra, làm sao Emma không khỏi ân hận đã trói buộc đời nàng với một người chồng như Charles. Nàng muốn thoát khỏi cuộc sống đó, thoát khỏi khung cảnh gia đình bé nhỏ, khung cảnh quận lỵ hẻo lánh và vòng tay yếu ớt tầm thường của Charles để được làm một cái gì phi thường.

Thực ra nàng cũng không được thỏa mãn với mối tình vụng trộm giữa nàng và Rodolphe. Emma không biết rằng đó là số phận tất nhiên của tất cả mọi khát vọng nhân sinh mà chỉ biết đổ lỗi cho tình cảm éo le của nàng. Và để chấm

dứt tình cảnh ấy chính nàng đã hối thúc Rodolphe cũng với nàng dứt bỏ tất cả để cùng nhau đi sống ở một nơi khác: «- Chúng ta đi sống với nhau ở một nơi khác... đâu cũng được. được? » - Em điên sao? Chàng vừa nói vừa cười. Điên đó làm sao có thể được? Nàng nhắc lại điều đó nhưng Rodolphe tỏ vẻ như không hiểu gì và đổi câu chuyện.»

Rodolphe không phải là tình nhân lý tưởng mà Emma mong đợi. Người tình nhân mong ước ấy nếu đến phải là người sẵn sàng làm tất cả mọi sự để đưa nàng ra khỏi thực tại đen tối. Rodolphe chỉ dám cùng với Emma phiêu lưu tới một đoạn đường nào của tình ái thôi và không muốn đi xa hơn nữa. Rodolphe khác Emma ở điểm này. Chàng không đi tìm một giải thoát trong mối tình vụng trộm. Khi biết rõ mình bị bỏ rơi, Emma

không còn biết xử trí ra sao và đành phó mặc cho bản năng sai khiến. Đã nhiều lần ngoại tình, thêm một lần nữa có nghĩa gì, Emma đến với Léon không một chút thẹn thùng. Nhưng nếu hôn nhân là một thất bại lớn trong đời Emma thì các mối tình bất chính sau này cũng chỉ là những lần thất bại khác thúc giục Emma trở lại với thực tại của nàng. Nàng có biết đâu rằng cái hạnh phúc và thỏa mãn mà một người chồng lương thiện không đem lại được thì một hay bao nhiêu tình nhân đi nữa cũng chưa chắc đã đem đến được.

Không tìm được hạnh phúc và thỏa mãn trong phạm vi tình cảm Emma lạnh lùng đi tìm những lạc thú của dục vọng. Và lúc này nàng không cần một khung cảnh mơ mộng để che đậy những sự bỉ ổi, chán chường của dục vọng. Người ta không hiểu đâu là giới hạn của dục vọng

khi nghĩ tới tấn kịch diễn ra trong lòng chiếc xe song mã trùm kín chạy không phương hướng khắp các đường phố tỉnh nhỏ giữa một Emma sa đọa và một Léon mới học được ở Paris tất cả những bí quyết chinh phục đàn bà.

Emma là thế đó, người đàn bà đã suốt đời làm những cuộc phiêu lưu không phương hướng để tìm những gì mà chính nàng không bao giờ biết. Nàng đã phung phí cả một đời người, một hôn nhân và sau cùng nàng còn phá cả tài sản của Charles để đi tìm những cảnh sống mà trước kia nàng thường gặp trong những trang sách. Đi vào cuộc đời, Emma đã tỏ ra luôn luôn khao khát hưởng thụ. Tất cả những gì tâm thường đều làm cho nàng lộn mửa nhưng cuối cùng những éo le của tình ái đã hạ nàng xuống quá cái mức tâm thường đó nữa. Nhìn tất

cả những việc đã xảy ra trong đời nàng, người ta chỉ thấy những hành động ích kỷ, vị kỷ thì đúng hơn. Nàng chỉ biết có một con người bé nhỏ của mình và không bao giờ muốn thoát ra để vươn lên khỏi biên giới con người đó. Nàng không biết rằng tình yêu chân chính đòi hỏi một cố gắng từ bỏ con người của mình để đạt tới sự hòa hợp với đối tượng tình ái. Cũng vì vậy tất cả cuộc đời của nàng chỉ là những giấc mơ kết chuỗi. Đến lúc thực tại hiện rõ, đứng sừng sững trước mặt, không còn cách nào chạy trốn, Emma chỉ còn cách tự vẫn. Lúc sống thể xác bị tình ái day dứt bao nhiêu đến lúc muốn chết thì độc dược cũng giằng vạt thể xác nàng bấy nhiêu.

Emma đã thất bại về đủ mọi mặt. Trong giấc mơ hạnh phúc và ái tình, nàng đã thí nghiệm hôn nhân thì hôn

nhân đem đến cho nàng một ông chồng như Charles, một cuộc sống vô vị; nàng thí nghiệm ngoại tình thì ngoại tình dẫn nàng đến một kết thúc đau đớn:

« Chỉ một lúc sau thì nàng học ra từng vũng máu. Môi nàng mím chặt thêm, chân tay nàng co quắp lại và thân thể nàng nổi đầy những vết bầm màu nâu tím, và mạch máu của nàng dưới ngón tay của bác sĩ trông như một sợi dây chằng thật căng, như một phím hồ cầm sắp đứt.»

Tại sao Emma tìm cách chấm dứt cuộc sống? Không phải những thất bại về tình ái đã làm nàng chán sống mà vì hết tiền, không còn đủ phương tiện để chạy theo giấc mơ chưa thực hiện được. Nếu nàng không bị phá sản, gia tài không bị khánh kiệt vì những sự tiêu pha đại dật, phung phí, nếu tiền bạc còn cho phép,

không biết Emma sẽ còn làm những gì nữa và sẽ còn kéo dài cuộc đời trụy lạc sa đọa đến bao giờ. Có thể nàng sẽ mất Léon cũng như đã mất Rodolphe. Điều đó không quan hệ, bởi nàng không yêu Léon, không yêu Rodolphe, không yêu Charles, không yêu một ai cả dù là con nàng. Lúc đầu Emma chỉ yêu giấc mơ siêu thăng của nàng, hình ảnh cao quý của nàng, nhưng sau khi thấy giấc mơ và hình ảnh đó không thể tìm thấy, nàng đã yêu dục vọng của nàng với những cảm giác đê mê, ngây ngất của những gian díu vụng trộm, bất chính. Nàng ao ước được hưởng những hương vị mới lạ kỳ thú của ngũ quan mà Léon đã hướng dẫn nàng trong chiếc xe song mã trùm kín.

Nhưng thực tế lần này khoác khuôn mặt khắc nghiệt của tiền bạc đã đến đập

vỡ mọi mơ mộng và ảo tưởng của nàng. Đây là một yếu tố mới lạ trong tiểu thuyết của Flaubert và của thế kỷ XIX.

Trước Flaubert, văn phái lãng mạn mở đầu với Rousseau, Madame de Stael, với Chateaubriand, Lamartine v.v... đều cố quên khía cạnh tiền bạc, điều mà họ cho là tầm thường, bẩn thỉu. Nhưng Flaubert đã mang tiền bạc vào tiểu thuyết để tạo ra hai nhân vật mới tượng trưng cho sự bẩn thỉu của cuộc đời: Emma với sự sa đọa của tình ái, Lheureux tên gian thương chuyên bán chịu và cho vay nặng lãi.

Trong tác phẩm của Flaubert, hầu hết các nhân vật từ vai chính đến vai phụ đều không có hướng đi lên, không có một tâm hồn cao thượng nào cả. Tất cả đều tầm thường và bẩn thỉu như cuộc đời. Charles lấy người vợ trước vì tiền. Vì

tiền Rodolphe không muốn đem Emma đi theo tiếng gọi của ái tình. Emma tự tử vì tiền. Tiền chiếm một địa vị quan trọng trong cuộc đời của Emma cũng như trong mọi cuộc đời khác.

Bị đe dọa tịch biên gia sản, Emma chạy đi tìm chủ nợ Lheureux nhưng tiền gian thương chỉ nghĩ đến cách đòi đủ số tiền 8000 quan nàg còn thiếu:

«- Lỗi đó do ai? Trong lúc tôi cặm cùi làm việc như một thằng mọi, thì bà, bà chỉ biết đú đờn cho thỏa thuê!» Trước những lời giảng luân lý của Lheureux, Emma không biết xấu hổ; nàg còn hèn mặt van xin và sau cùng còn đặt bàn tay xinh đẹp trắng muốt thon dài trên đùi tên lái buôn. Trong lúc ấy Lheureux khẳng khái:

– Nào để cho tôi yên chứ! Người ta tưởng như bà muốn quyến rũ cả tôi nữa!

Emma trở về cầu cứu Léo:

– Tôi đã đi hỏi ba người, nhưng không được việc gì cả.

Chợt nhớ tới Rodolphe, Emma hy vọng người tình nhân thứ nhất trong đời nàng sẽ có một cử chỉ nghĩa hiệp, nhưng Rodolphe đã trả lời nàng một cách lạnh lùng:

- Thưa bà yêu quý, tôi không có số tiền đó.

Thì ra mặt thực cuộc đời là thế đó. Emma mơ ước tình yêu, mơ ước hạnh phúc nhưng cái tình yêu và hạnh phúc ấy làm sao có được trên mặt đất này. Trong xã hội loài người, hình như chỉ có một sự xếp đặt và dung thứ cho nhau để

mà sống: mà điều kiện, cân lượng, mực thước để xếp đặt và dung thứ đó là TIỀN.

Vi số tiền tám ngàn quan mắc nợ hay vì chột bắt gặp được mặt trái của cuộc đời mà Emma tự tử? Nghĩ tới cuộc đời cao cả của Chúa Giêsu xưa kia cũng chỉ được loài người đánh giá bằng 33 đồng bạc và sự phản bội của Judas cũng chỉ được trả bằng giá đó, tôi cảm thấy cần phải tha thứ cho Emma, khoan hồng hơn nữa vì nàng đã không biết rằng mọi khát vọng nhân sinh trên mặt đất này đều đưa tới một bức tường dày chặt.

TRỊNH VIẾT THÀNH

JOSÉE BUỒN

Nguyễn Sa

Mỗi buồn ấy cô đọng trong mắt, vẽ trên môi cười, xê dịch theo từng cử động chân tay, đường nét khuôn mặt, nằm dài trong kích thước thân thể. Nỗi buồn lặng im trên tay lái xe hơi, âm ỉ trên điệu thuốc gắn vào môi, thu hình trong gian phòng khách sạn tỉnh nhỏ, chói sáng trong đêm hè hội Ba-lê, trong ánh đèn sân khấu, trong trận cười, trong thân thể tìm nhau. Nỗi buồn bốc lửa, ngụt cháy trong câu hỏi ghê gớm: tất cả

để làm gì? Tất cả rồi sẽ đi đến đâu? Tất cả cuộc đời đại dương giông bão với những cặp-mắt-địa-ngục nhìn nhau cũng như tất cả cuộc đời mùa xuân hoa cúc vàng trong nắng và những ngón tay ve vuốt trên cổ trắng, bả vai, tà áo rồi sẽ đi đến đâu? Tất cả những hàm răng nghiền chặt mưu mô, những gian trá lên ngôi thần tượng, sự thật nằm trong bùn lầy, tiếng chim hót trong giọng cười, mùa thu trên áo, ánh sáng và sao khuya, con đường gập gờ, nội cỏ mùa hè, đêm trăng, cơn mưa đầu núi và những cánh tay trắng, tà áo mỏng, mùa xuân về chậm, mở tóc bay trong gió ban mai, trong đàn muông, trong hơi thở. trong giấc mơ, tất cả sẽ đi đến đâu? Tất cả rồi sẽ đi đến đâu? Tất cả rồi sẽ chẳng đi đến đâu?

Tất cả rồi sẽ đi đến đâu? Tất cả rồi sẽ chẳng đi đến đâu hết. Bernard nói với Jo-

sée như thế trong đêm họp mặt thường lệ trong gian phòng khách của gia đình Mali Grasse. Ngón tay Bernard chỉ vào thân thể cường tráng của Jacques đang cử động ở cuối phòng và lời nói chạy vào tâm hồn Josée như ngọn gió hút vào thạch động. Tất cả rồi sẽ chẳng đi đến đâu hết. Cả điệu nhạc vui trẻ sưởi ấm gian phòng họp mặt này cũng đã xa lạ, buồn vắng. Cả hiện tại bay nhảy trong mắt, trong môi, luân lưu trong máu, vận chuyển trong cánh tay vòng lấy cơ thể. Tất cả rồi sẽ chẳng đi đến đâu hết. Cả mối tình gửi về Jacques ngày mai cũng sẽ chẳng còn. Trong một tháng, trong một năm Josée sẽ chẳng còn yêu Jacques. Ngày mai Bernard cũng sẽ quên nàng. Tất cả rồi sẽ chẳng đi đến đâu hết. Lời nói không phải biểu lộ Josée cũng đã biết. Josée đã nhìn thấy nó trong mắt Bernard. Bernard đã nhìn thấy nó trong

mỗi cử động, trong thân thể, trong môi hôn, trong mắt nhìn lơ đãng của Josée. Mỗi con người của thế kỷ này đã nhìn thấy nó trong cuộc đời. Mỗi con người đều biết rằng rồi tất cả những con suối, con sông đều tập hợp ở đại dương ấy. Ở đại dương khổng lồ của thời gian vô tận. Ở bóng tối, Ở chỗ tận cùng. Ở cái chết. Ở chấm hết. Khi cửa biển ấy mở ra thì những tảng đá cản đường, những ngọn núi chướng ngại, những sa mạc bỏng cháy, những lòng sông cát êm, những con thuyền, những bến đò, những bài hát thời xuân sắc, những mối giận hờn, những niềm khao khát, những lớp sóng nhỏ to, thác ngàn, nước lũ sẽ đột nhiên xa vắng, buồn chán, nghèo nàn, trống rỗng, vô nghĩa. Từ lúc còn là những cơn mưa đầu núi, những khúc sông quanh co, với những bãi dâu xanh, với những con thuyền nhẹ mái mỗi con nước ấy

đều biết rằng đại dương ở đây. Mỗi con người đều biết rằng đại dương ở đây. Cửa biển ở đây. Chấm hết ở đây. Nhưng làm thế nào được. Suối ấy, sông ấy vẫn biết rằng rồi đây cũng chìm vào khoảng rộng tối đen nhưng không thể ngừng chảy. Mỗi con người đều biết cuộc đời rồi cũng đến đây nhưng không thể từ chối cuộc đời, không thể trốn tránh, không thể nhắm mắt bỏ đi, không về. Ý thức bi đát của con người bây giờ về giới hạn của đời người về sự trôi chảy của thời gian về hư vô đang trước mặt chồm đắp lên mắt người niềm cô đơn của hải đăng, hoang vắng của sa mạc. Cuộc sống ấy vẫn phải sống. Vẫn phải vui, buồn, lo âu, sợ hãi, giận hờn. Chán chường vẫn xen vào mỗi tình cảm dù vui buồn, lo âu, sợ hãi, giận hờn. Chén rượu ấy vẫn phải uống. Giọng hát ấy vẫn phải cất lên. Nhưng sự chán chường vẫn xen vào

mỗi tình cảm dù vui buồn, lo âu, sợ hãi, giận hờn. Bàn tay nâng chén biết rằng rượu ngọt cũng tàn phai. Đôi môi nở lời ca biết rằng lời chim cũng tan vào không gian rộng. Cuộc sống ấy vẫn sống và vẫn biết rằng rồi cũng hết, rồi sẽ chẳng đi đến đâu. Josée vẫn yêu Jacques, không thể không yêu Jacques, đôi môi vẫn ngược lên nhưng trong hơi thở đã thâm len buồn chán. Tất cả rồi cũng chẳng đi đến đâu. Bernard không thể không yêu Josée. Anh đã bỏ Paris trong nhiều ngày tháng để đi giam mình trong kích thước nhỏ hẹp của khách sạn tỉnh lỵ Poitiers. Và giam mình trong tình yêu cho Josée, giam mình trong nụ cười, ánh mắt, ngón tay, hình ảnh Josée. Trong một tháng, một năm Bernard sẽ quên Josée, sẽ không còn yêu Josée nữa. Nhưng hôm nay anh không thể không giam mình trong cuộc đời ấy, không thể không đắm mình

vào cuộc sống. Nhưng trong tình yêu, trong cuộc sống con người không thể trốn tránh chán chường.

*

Không phải nỗi chán chường của người tình nhân mất người tình nhân rồi đến ngôi bên bờ hồ gọi lại những hình ảnh dĩ vãng, nhớ những lớp sóng hòa điệu, mái chèo khua nước và gọi thời gian ngừng cánh. Người chán chường ấy vui sướng. Trong lời than vãn chán chường nó đã bỏ chán chường hiện tại mà trốn chạy vào thế giới thần thánh, thế giới thiên đường của dĩ dăng. Không phải nỗi chán chường của người yêu xa cách người yêu bởi vì tâm hồn mong nhớ cuồng điên đã làm gần khoảng xa, đã nối đầu sông Tương và cuối sông

Tương, đã nối liền thế giới trần tục của Ngọc vào thế giới tu hành của Lan, đã nối liền tuổi tác của Humbert-Humbert và Lolita. Những người buồn nhớ dĩ vãng, yêu mến cuồng điên ấy vẫn sung sướng. Mặc dầu trở ngại, mặc dầu cách xa. Nó vẫn sung sướng bởi vì nó yêu khi yêu, buồn khi buồn, nhớ khi nhớ, giận hờn khi giận hờn, chờ mong khi chờ mong. Trong thế giới tiểu thuyết của Dans un mois, dans un an không có tình yêu-yêu, nỗi buồn-buồn, niềm nhớ mong-nhớ mong, sự giận hờn-giận hờn ấy. Tất cả đều bị mang nặng hình bóng của chán chường. Sự cuồng nhiệt, sức sống của Bovary, Thôi Oanh Oanh, Anna Karenine... không có ở đây. Trong những tình cảm yêu mến, mong nhớ, giận hờn, chờ đợi đều chứa ẩn chán chường. « Tất cả rồi sẽ chẳng đi đến đâu. » Trong một năm, trong một tháng sự nhớ mong, chờ

đội, giận hờn ấy rồi cũng tan đi cả. Trong một tháng trong một năm em sẽ không yêu nữa. Ý thức bị đát về sự trốn chạy của thời gian cắm trại trong tâm hồn để làm đục suốt trong, làm mờ ánh sáng, làm tắt sao khuya, làm đau vầng trán. Nó làm tình yêu nhạt nhẽo, nỗi buồn lững lờ, sự mong chờ uể oải, nỗi giận hờn dịu nhẹ gió bay.

Cho nên Josée phải yêu Jacques và không thể yêu Bernard. Ở Jacques là cuộc đời, là sự học tập ngày đêm để đi thi. Là sự sống mà không cần tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống. Là sự hít thở thời gian mà không cần biết sự trốn chạy của thời gian. Bernard ý thức về sự trốn chạy ấy. Josée ý thức về sự trốn chạy ấy. Tâm hồn bị khoét đục bởi ngọn gió lốc chán chường của Josée và Bernard không thể gần nhau dù để an ủi nhau. Trong nỗi

khổ ghê gớm này sự an ủi trở nên vô nghĩa. Bởi vì lời an ủi chỉ là những áng mây giả tạo không thể cản chặn được ngọn cuồng phong của ý thức về sự trốn chạy của thời gian. Cho nên Josée có thể ngủ với Bernard ba đêm ở Poitiers, có thể đi bên cạnh Bernard buổi tối trời mưa ở công trường Tuileries như đôi tình nhân lãng mạn. Nhưng Josée không thể yêu Bernard. Sự cùng ý thức về sự trốn chạy của thời gian là bi kịch của hai tâm hồn ấy. Josée phải đến với Jacques, phải yêu Jacques, đi tìm Jacques trong những quán cà phê ở khu La-tinh, nhìn Jacques học, ăn, ngủ, đánh tilt một cách vô tư. Josée phải đến với cuộc đời mặc dầu vẫn vác trên đôi vai gầy, trong ba nếp răn trên khuôn mặt, trong đôi mắt hai mươi năm tuổi bản án của cuộc đời: tất cả rồi sẽ chẳng đi đến đâu.

Cặp mắt nhìn vào thế giới tâm hồn của Josée, vào thế giới tiểu thuyết Dans un mois, dans un an của Sagan sẽ không nhìn thấy nỗi buồn chán ấy, không nhìn thấy sự bi đát của ý thức ấy mà chỉ thấy nhạt nhẽo, khó chịu nếu còn mang nặng lăng kính của những thế giới tiểu thuyết của Balzac, Stendhal, Flaubert và cả Gide, Tolstoi, Proust. Bernard yêu Josée mà không yêu Nicole, vợ chàng. Josée yêu Jacques mà không yêu Bernard. Dưới ngòi bút của một Balzac, một Stendhal, một Flaubert vấn đề sẽ đổi khác. Lão Grandet đã làm hết cách để trở nên giàu có. Julien Sorel đã mưu thần chú quỷ để đạt tới đối tượng mong muốn là danh vọng. Bovary đi vào tình ái. Với mỗi nhân vật Grandet, Sorel Bovary chỉ có một đối tượng chính (hoặc nếu có

một đối tượng phụ thì đối tượng phụ ấy không phải là sự kiện có tác dụng tiêu hủy đối tượng chính) là tiền tài, danh vọng hay tình ái. Cho nên lão Grandet say mê tiền bạc, chàng tuổi trẻ Sorel say mê danh vọng, bà Bovary say mê ái tình. Grandet không thể say mê tiền bạc, Sorel không thể say mê danh vọng, Bovary không thể say mê ái tình như đã say mê nếu ý thức về sự trốn chạy của thời gian, nếu ý nghĩ tất cả rồi sẽ chẳng đi đến đâu xuất hiện. Ý thức ấy đã xuất hiện nên sự say mê ấy không có trong thế giới tâm hồn của Josée, của Bernard. Dưới ngòi bút của tác giả *Le Rouge et le Noir* thì Bernard sẽ âm mưu loại trừ Jacques và Nicole để đoạt lấy Josée: Dưới ngòi bút của Flaubert thì Josée sẽ lấy Jacques và ngoại tình với Bernard. Trong thế giới của *Dans un mois, dans un an*, không có hôn nhân, không có ngoại tình không có

âm mưu. (dù Josée đã ở với Bernard ba đêm – ba đêm này không nói lên ý nghĩa phụ rẫy về tình ái mà chỉ nói lên sự cay đắng của chán chường)

Nói khác đi người trẻ tuổi Sorel, người đàn bà có chồng Bovary, lão già Grandet ấy còn yêu, còn giận, còn buồn, còn say mê. Những nhân vật ấy dù già, dù trẻ vẫn còn trẻ. Nhưng Josée đã già. Josée yêu, giận, buồn, trong niềm chán chường sâu lớn. Josée chán-yêu, chán-giận, chán-buồn. Trong mảnh đất tâm hồn hai mươi năm tuổi ấy cây lá đã già nua. Hoa lá xanh tươi đã mang nỗi buồn trái độc.

Cặp mắt nhìn vào cuộc đời nhân vật Josée sẽ bức tức nếu bị che phủ bởi lăng kính đạo đức gò bó. Tại sao Josée chỉ mới yêu Jacques, chưa lấy Jacques, mà đã ăn ở với Jacques như vợ chồng?

Tại sao ăn ở với Jacques mà Josée lại ở ba đêm trong một gian phòng khách sạn cùng với Bernard ở Poitiers? Nhưng vấn đề ở đây không phải là luân lý hay vô luân lý. Người con gái hai mươi lăm tuổi ấy không ăn ở với Jacques, người yêu, với Bernard, người không được yêu, với ý thức phô trương, trưng trổ, thoải mái, mãn nguyện.

Vấn đề đạo đức không có ở đây bởi vì câu hỏi đượm sắc thái siêu hình đã xuất hiện: tất cả rồi sẽ đi đến đâu?

Cũng vậy, kích thước của thế giới bi kịch cổ điển của Flaubert, Balzac, Stendhal, không có ở đây. Bởi vì bi kịch đã ở đấy. Ở trong tâm hồn Josée. Ở trong sự nhận biết sáng suốt đến lạnh lùng rằng trong một tháng, trong một năm ...

✱

Trong một tháng, trong một năm đại dương thời gian sẽ xóa hết những bước chân trên cát. Xóa hết những khuôn cổ trắng, ngón tay ve vuốt, nắng vàng mùa xuân. Xóa hết những mưu mô, gian trá, giận hờn, mong đợi, hẹn hò. Cả những sự thật và những ảo tưởng; ánh sáng và bóng tối, ban mai, buổi chiều, con đường năm cũ. Xóa hết những tháng giêng cỏ non, buồn ga nhỏ, tuổi bốn mươi, những truyện lòng, những trời mưa tháng sáu, áo lụa hà đông, tuổi mười ba, những cần thiết, những Đạm, những Vân, những Kiều, những Thúy. Trong một tháng trong một năm tất cả sẽ chẳng có nghĩa lý gì, tất cả sẽ chẳng đi đến đâu và anh cũng sẽ quên em.

NGUYỄN SA

Năm cánh tay

Chủ đích giới thiệu trong mỗi số báo một tài năng mới của chúng tôi bị phá đổ bởi số thơ đông đảo từ bốn phương gửi về. Không thể giới thiệu mỗi kỳ một thi tài được. Mặc Đỗ, Thanh Nam, Đinh Hùng, Hoàng Anh Tuấn, đều nói lên như thế. Bởi vì sự chờ đợi sẽ trở nên đè nén, u uất với số đông. Do đó, Hiện Đại trân trọng mời Nguyễn. Sao Trên Rừng, Tường Phong, Mai Sử Giường và Hoa Cúc Huyền dựng xây trên mảnh đất bé hẹp này năm ngôi nhà nhỏ ấm. Và với người hoài nghi dò

hỏi: sao nhiều tài năng thế? Tôi trả lời: có lẽ vì dân tộc Việt Nam là một dân tộc thi sĩ.

Nguyễn Sa

Úp mặt

Nguyễn

tôi úp mặt
vào quyển Dân luật khái luận
suốt một năm
im lặng
khi ngừng lên
vài người đàn bà đã bỏ đi
vì không thể chờ đợi

vì tưởng tôi đã chết

tôi tiếp tục úp mặt

một năm, hai năm

có thể đến bảy năm

vào quyển Dân luật khái luận

không biết rồi

bao nhiêu người chán quá sẽ bỏ đi

bao nhiêu bụi bám đầy cánh tay

bao nhiêu tế bào hai mươi sẽ dần
tàn rữa

và tự hỏi bao nhiêu lần

tôi có còn là tôi?

NGUYỄN

DỊU VỢI

trong sương khói chiều nay tôi bắt
gặp

cả mùa thu vàng rụng xuống đôi vai

và tôi đi không để lại dấu hài

trên thi thể những mối sầu đã chết

trời xa trời xa biết là quên hết

rừng nơi đây từng buổi sớm âm u

rừng nơi đây khi ngày lảng sa mù

tôi bước nhẹ một mình qua bản vắng

trong gió hiu hiu nước hồ im lẳng

tôi lạnh hồn nghe động tiếng chơi
vời

kia núi xa xanh chùng để đáp lời
nâng tiếng gió chiều bay đi xa tắp
hồn tôi nữa sâu bay đi xa tắp

trong sương khói chiều nay tôi đã
gặp

cả mùa thu vàng rụng xuống đôi vai
và tôi nương sâu dịu vợi trên vai
như thoáng ai theo tiếng gió lê dài
trên những nẻo đường hoang đầy lá
chết

SAO TRÊN RỪNG

KÝ THÁC

Anh làm thơ cho anh cho em cho tất
cả bạn anh bạn em

Những người bạn yêu đời như yêu
em

Yêu thất bại thành công như yêu
mùa xuân rượu ngọt

Yêu cả kẻ thù căm hờn nhìn nhau
ngghi kỵ lạnh lùng

Anh không làm thơ cho những kẻ
không có tài toan tính chuyện làm thi sĩ

Lựa vắn chấp chữ không xong chỉ
thi đóng vai ngự sử thi đàn

Khai tên họ cùng ngày tập thơ anh
vừa ráo mực nhà in

Anh không làm thơ cho những
thanh niên van xin tình yêu của nhau

– Vì tình yêu vẫn hằng tự do

Cho nhau nhiều hơn trói buộc! –

Anh không làm thơ cho những nề
nếp quen thuộc

Cho những cụ đồ hàng nghìn thế kỷ
tóc trắng bạc phau

Anh không làm thơ cho những ông
giáo già khệnh khạng đem bình thơ anh
trong giảng đường đại học mai sau

Hình thức cùng nội dung

Bởi vì hình thức chỉ là những dòng
chữ công thức lằng loàn mặt giấy

Bởi vì nội dung chỉ là một chữt “yêu”
vỏn vẹn viết hoa

Anh làm Thơ

Để mai sau em đem về Thượng đế

Hoàn lại cho Người

Thơ anh cùng tim anh

TƯỜNG PHONG

Ý NGHĨ

Tôi kể một mẩu chuyện nhỏ của một người làm thơ thương một con đĩ câu chuyện thật nhạt nhẽo hoang đường vô lý

Hắn ôm người đàn bà, đèn hoa kỳ bóng xanh vãn nhỏ, gác chân lên màu trắng gục đầu giữa trứng bóng đen

Hắn nghe một câu chuyện tình rồi hai câu chuyện tình, thân thể người đàn bà trắng nõn lạnh lùng và giọng nói hờ hững xa xăm

Hắn đòi hôn và hôn rất lâu rất thương đôi má núng đồng tiền hắn bảo là giống y như người cũ

Tóc đen dài hắn lừa tay cho cảm rung rung mắt nhắm lại nghe đêm buồn buồn rụng

Như thế như thế thời gian qua đi,
Ầy hửn vẫn vòng ôm hửn nói say mê
trong khoảng trũng bóng đen để rồi âm
thanh ngấm vào nệm ấm:

“giá em không là em anh không
là anh chúng mình biết nhau từ buổi
Thượng đế bảo đầu thai mình đã thành
vợ thành chồng và yêu nhau yêu nhau
yêu nhau

giá anh là anh em là em chúng mình
sẽ đem nhau đi chân em riu rít em dựa
đầu vào vai anh công viên đại lộ chuyển
mình hôn anh say sòng chúng mình yêu
nhau yêu nhau yêu nhau”

Các người thừa hiểu cuối cùng ra
sao

Tôi van lạy các người đừng kết tội tôi
đừng kết tội người đàn bà đừng kết tội
chàng thi sĩ

Và cũng đừng kết tội các người

Hãy góp cho tôi mỗi một quả tim
mỗi một chút tin chỉ xin bằng hạt cát

Tương lai

MAI SỬ GIƯỜNG

ĐÊM SAO

Buồn không em một đêm thời thái
cổ

Mái tóc thơ cài tinh tú long lanh

Tháng năm qua sao lãng chuyện học
hành

Mơ thời gian dường đi qua dĩ vãng

Ước cuộc đời là những đêm sao sáng

Để có hoài Bắc đầu gối chênh vênh
Ngân hà xa u uất mãi chuyện tình
Khách viễn hành đêm nay xin dừng
lại

Quán trọ nghèo nhưng tình dâng
thoải mái

Quên làm sao phút ngần ngại đầu
tiên

Đôi bàn tay đan chặt giữ niềm tin

Hương tóc rối hay hoa đêm hàm tiếu

Áo trắng lả lơi bay vào huyền diệu

Gặp một lần còn vạn thưở mê say

Lạc vào mắt em: thăm thẳm đêm dài

Quên chuyển hành trình ngày mai
dang dở

Thoảng âm vang những bờ xa sóng
vỗ

Mắt em buồn xao xuyến cả trời sao

HOA CÚC HUYỀN

Cái giường

Mặc Thu

Lộ mới dọn về ngõ này được ba hôm. Khu xóm mới xa đường lớn nên có vẻ yên tĩnh hơn nhiều khu xóm khác. Riêng điều ấy cũng đã làm Lộ đủ hài lòng. Xóm lại ít con nít nghịch ngợm. Như vậy Lộ đỡ bị quấy phá. Một tai nạn khó tránh trong một thành phố đông đúc. Buổi trưa, Lộ có thể ngủ trọn một giấc ngon lành. Anh yên tâm dành buổi tối cho việc chấm bài, soạn bài hoặc đọc sách.

Căn nhà nhỏ xíu của Lựu ở vào cuối ngõ. Nó có vẻ e lệ, nem nép như cô gái mười lăm. Người chủ nhà trước là một vũ nữ. Cô ta trạc 24, 25 tuổi. Vẻ mặt trên đôi mắt quầng thâm chỉ làm cho cô ta thêm đẹp, vẻ đẹp ròn rợn của thú gái Liêu Trai. Có điều chắc chắn là Lựu đã thấy bối rối trước vẻ đẹp ấy. Buổi đầu tiên đến xem nhà, Lựu bắt gặp cô ta đang nằm đọc báo, trên mình chỉ có một mảnh vải nhỏ vừa rộng như mấy chiếc lá. Trời hôm ấy nóng bức hơn mọi ngày. Nhờ vậy mà Lựu có dịp được thấy thế nào là một thân hình đàn bà thật quyến rũ. Ở ngoài nắng vào, Lựu có ngay cảm giác của một kẻ đi đường xa, nắng, bức, được nằm úp mặt trên một thảm cỏ non tơ. Dĩ nhiên cô ta không cho Lựu kéo dài cái cảm giác ấy ra lâu.

Lựu bằng lòng căn nhà vì nó ở cuối ngõ, yên tĩnh, vừa đủ cho một người độc thân như Lựu ở. Anh bỗng nhớ ra người đàn bà nọ cũng ở có một mình, không có cả lấy một người đầy tớ. Có lẽ cô ta ăn ở tiệm. Vào đúng lúc Lựu đương tự hỏi thăm cô ta làm nghề gì thì cô ta đã tự giới thiệu. Lựu chỉ được biết cô ta làm vũ nữ. Thế thôi! Còn nhảy ở bar nào, tên là gì, cô ta quên không nói đến.

Lựu bước quá vào phía trong xem nhà. Điều làm Lựu phải chú ý là cái giường. Một cái giường đồ sộ, vừa dài vừa rộng, có đệm mousse phẳng lì, trải drap trắng tinh. Đôi gối thì để lệch lạc rất kiểu cách. Giường làm bằng gỗ quý, kiểu thật mới và tất nhiên là đắt tiền. Chỉ nhìn vào cái đệm ấy, người ta đã đủ thấy trời bên ngoài tối xầm hẳn xuống. Lựu bỗng thấy có cái gì làm khó chịu

cho đôi mắt của anh. Cái gì ấy giống như một sự phi lý: một cái giường đẹp đặt trong một căn nhà “hộp quẹt” như thế này thực không có chút gì xứng. Nhưng tất cả gia sản của người chủ nhà như chỉ là cái giường. Quả vậy, chỉ cái giường là được săn sóc, chú trọng đặc biệt. Còn những đồ đạc khác thì không thấy có vẻ gì là được coi như cần thiết. Lựu đã thấy bộ bàn nước, cái mắc áo, cái bàn phấn và một vài thứ khác, toàn là những thứ đồ rẻ tiền vào hạng xấu. Với những đồ đạc lỏng chỏng như vậy mà gọi là một cái nhà thì có điều quá lạm. Lựu nghĩ vậy.

Người đàn bà thấy Lựu đứng hơi lâu ở cái giường thì có vẻ lúng túng. Lựu thấy tự nhiên cũng có cảm giác ngượng ngùng như khi rình nghe một câu chuyện kín của ai. Anh ngoảnh mặt về phía khác, lấy dáng thả nhiên mà đi xem nhà. Một

mùi nước hoa hơi gắt, không biết tự đâu, nơi người đàn bà hay nơi cái giường thoảng lên làm Lựu chóng mặt.

Rồi ngã giá. Và việc sang bán xong.

Ở cái thành phố này, việc mua đi bán lại một nơi ăn chốn ở vốn vẫn giản dị không kém việc ra chợ mua một món nhật dụng. Ngày hôm sau, trước lúc dọn đồ đi, người vũ nữ cười thật duyên bảo Lựu:

– Nếu ông không chê, tôi xin lưu cái bàn phấn lại tặng ông làm chút kỷ niệm...

Lựu cũng lúng túng mà cười:

– Thưa, tôi chưa có đôi bạn. Cám ơn cô nhiều. Chẳng lẽ lại ngồi viết ở bàn phấn... Thế, nó phí đi!

Nàng cũng cười, nhìn Lựu hơi lâu:

– Nhưng rồi ông cũng sẽ có chú! Và cũng đôi khi ... bạn ông phải dùng đến.

Lựu đã hơi khó chịu về sự sống sượng của người đàn bà. Anh đáp cộc lốc:

– Tôi rất ít bạn gái!

Nàng vẫn không chịu buông, nghiêng đầu nhìn Lựu, tinh quái:

– Rất ít, nghĩa là cũng vẫn có, phải không thưa ông?

Lựu rút thuốc châm hút để khỏi phải trả lời. Chùng thấy là quá người đàn bà đổi giọng:

– Tôi vừa được người bạn tặng một cái mới. Dem cái này về nhà mới thì thừa, lại không có chỗ kê.

Nàng ngập ngừng:

– Ông cho tôi gửi đây tạm ít ngày được không? Để tôi xem con bạn nào chưa có thì để lại cho nó dùng vậy!

Và Lựu thuận. Anh không muốn tỏ ra hẹp hòi với người cách đây mấy ngày còn là chủ căn nhà này. Trước khi chào Lựu, người đàn bà trẻ đẹp còn mím mím cười, nhìn hơi lâu vào mắt Lựu. Nàng có vẻ muốn nói gì lại thôi. Chúng ấy cũng đã làm cho lòng Lựu xao động.

Mấy ngày sau, những nét khêu gợi nhất của da thịt người đàn bà ẩn hiện sau lớp hàng mỏng còn làm Lựu day dứt đến bây giờ.

Cái giường mang đi rồi mà Lựu vẫn thấy, trong ám ảnh, nó nằm lù lù ở chỗ cũ. Địa thế căn nhà bắt buộc Lựu lại phải kê cái đi-văng vào chỗ trước kê cái giường của người vũ nữ. Nằm ở đó, đầu

đã hết sức trốn tránh, Lựu vẫn bị ám ảnh bởi những cảnh tượng tự nó chạy đến óc anh rõ ràng như Lựu đã trông thấy thật. Nó làm Lựu oằn oại. Nó dày vò Lựu cả trong giấc ngủ. Có lúc Lựu ghê tởm. Nhưng lại có lúc Lựu ham muốn đến mê.

Tịch mịch của căn nhà, của khu xóm càng khiến cho lòng người trai thêm trống trải. Người vũ nữ hẹn mấy ngày sẽ trở lại, vẫn chưa thấy lại. Cái bàn phấn vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Lựu chợt thấy mong một cái? Cái bàn phấn để lại. Lựu thất tin là một lời hẹn hò. Đôi lúc Lựu đã trở nên cáu kỉnh. Anh lại muốn bật cười, tự thấy mình vô lý một cách băng quơ. Tuy vậy, khi quét bụi trên bàn viết. Lựu cũng không quên thuận tay quét bụi cả cái bàn phấn. Lựu tự hẹn nếu trong ba ngày nữa người vũ nữ không trở lại, anh

sẽ dọn cái bàn phẩn vào phía trong bếp.

Đến ngày thứ tư, cái bàn phẩn vẫn không chịu rời đi.

★

Lựu khóa cửa lại, đi ra phía ngõ. Đèn đường đã bật sáng. Gió mát từ đầu ngõ đưa vào khiến Lựu thấy nhẹ mình.

Về đêm, khu xóm càng thêm hiu hắt. Lựu nghe rõ tiếng đẽ giày của anh gỗ đều đặn trên nền gạch. Tiếng hát trong một chiếc ra-đi-0 nhà nào thoát ra nhẹ nhẹ, vừa đủ cho người đi trên đường ngõ nghe phảng phất tiếng nhạc mà không rõ lời. Hình như một giọng hát Huế. Âm thanh ngân dài ra nức nở. Ở đây, cái gì cũng như nem nếp sợ sệt không muốn chuyển động mạnh. Ra tới đầu ngõ, Lựu

đứng lại. Anh ngẫm nghĩ xem nên tản bộ theo con đường nào. Một màu áo xanh từ phía sau Lựu lướt lên. Ánh đèn bên kia đường hắt sang, đủ cho Lựu thoáng nhìn thấy mặt một cô gái còn kẹp tóc. Khuôn mặt hơi xanh, nhưng thật thanh tú. Lựu ngỡ ngợ như đã có thấy ở đâu.

Cô gái vẫy một cái xe xích lô, đậu bên kia lề đường rồi bước lên. Lựu thấy rõ mặt cô ta bối rối nhìn Lựu như muốn chào rồi lại thôi. Ngồi trên xe, cô gái khẽ lắc đầu cho mớ tóc dài rũ gọn xuống lưng. Mặt cô gái ngẩng lên, một vẻ thật bình lặng, nhìn thẳng ra phía trước. Trông nghiêng dưới ánh đèn đầy bụi, khuôn mặt giống như một pho tượng trong một viện bảo tàng nào. Bộ mặt ngẩng lên kiêu hãnh như vậy, hẳn là một bộ mặt còn trong trắng. Lựu khẽ cúi đầu xuống Anh không muốn ngẩng lên như

cô gái. Hình ảnh cái giường vừa gọn lên sàn sạn trong ý nghĩ của anh.

Tối hôm sau và những tối sau nữa, cứ vào cái khoảng ấy, Lựu ra hóng mát ở cửa, lại thấy cô gái áo xanh từ ngõ đi ra. Nhà cô ta ở đầu ngõ. Lựu chỉ thoáng nhìn thấy phía lưng. Cái lưng thon nhỏ, thật mảnh, gọn. Lựu vẫn ngỡ ngợ như một dáng người đã từng gặp. Sau, Lựu ngỡ là Liên, một cô học trò năm trước có học anh.

– Không lẽ Liên lại mau lớn thế!

Lựu tần ngần nhớ lại lúc Liên rưng rưng nước mắt, ngập ngừng lên xin anh thôi học vì ba Liên mới mất, mẹ Liên lại bị bệnh. Bây giờ nhớ lại Lựu vẫn giữ nguyên được lòng thương xót như dạo ấy.

– Không chừng Liên phải đi làm đêm ở đâu. Sức học như thế thì chỉ có thể làm chân trâu tiền ở một trà thất nào chẳng hạn.

Lựu đoán già như vậy vì anh thấy cô gái cứ đều đặn ra đi vào buổi tối. Quyển sách mở ra vẫn nằm nguyên trên ngực Lựu. Tự nhiên anh thấy bản khoăn không sao đọc nổi một hàng chữ. Ý nghĩ trong đầu óc anh dồn cả cho cô học trò bé nhỏ nhu mì năm xưa. Lòng Lựu bỗng nổi dậy một niềm thương xót dài lạnh như một đêm mùa đông. Lựu đứng dậy chậm rãi đi ra ngoài. Lòng anh u uất như một chiều sắp mưa.

Đêm chùng đã khuya, nghe gió đã lành lạnh. Bỗng Lựu đứng sững Một chiếc xe Huê Kỳ vừa rà sát vào lề đường. Một cánh tay từ phía trong nhôai ra đẩy cánh cửa xe mở toang. Cô gái áo xanh lú

rú bước xuống. Đi ngang qua mặt Lựu, cô gái khẽ liếc nhanh nhìn Lựu. Đầu cô ta khẽ cúi xuống. Lựu vừa kịp thấy một vẻ bối rối trong ánh mắt cô gái. Cô ta đi nhanh vào bóng tối trong ngõ. Lựu khẽ kêu lên trong lòng:

– Ô! Không phải Liên! Không phải Liên!

Lựu không nhìn lại, chân bước nhanh ra ngoài lộ. Anh đã toan ngẩng đầu lên cao, cố ý làm một cử chỉ khác cô gái để tỏ mình không đồng lõa. Nhưng không hiểu sao đầu Lựu lại cúi xuống. Cứ thế anh bước đi ngập vào bóng tối của phố khuya.

MẶC THU

Sắc màu

Tô Kiều Ngân

Chiếc xe chín ngựa vượt qua một con đường đèo và bắt đầu đổ dốc. Hoàng nhìn về phía trước mặt bỗng buột miệng reo lên:

– Trời! Đẹp quá sức!

Trước mặt anh, biển xanh ngăn ngắt trải rộng ra. Những dãy núi màu thạch lục cắt nét lên nền trời xanh một màu xanh tươi mát. Bãi cát vàng nâng một rừng dừa màu lục đậm, thân dừa màu

nâu đen đang ngả nghiêng theo gió biển. Bên cạnh đó, ruộng lúa chín vàng. Người gặt lúa cúi mình trên những cánh đồng, nổi bật lên những chấm nâu, đen, thỉnh thoảng lại cử động, xê dịch trông thật vui mắt.

Hoàng bảo Phượng:

– Đến Sông Cầu rồi Phượng ạ! Em trông cảnh có đẹp không? Mình đỗ xe lại và anh sẽ vẽ cảnh này.

Phượng nhìn Hoàng:

– Nhưng em đói lắm rồi. Mình tìm một cái quán nào ăn cái gì đã rồi trở lại vẽ cũng không muộn anh ạ!

– Sao em lại đem chuyện đói trộn lẫn với hội họa? Anh đang hứng cơ mà?

Phượng cười, nũng nịu:

– Thì ăn xong, no rồi lại càng thêm hứng, có sao đâu?

Hoàng chiều ý Phượng, chân đạp thêm ga cho xe chạy nhanh nhưng vẫn lưu luyến cảnh đẹp trước mắt. Từ núi cao đổ xuống, đón gió biển lồng lộng thổi, Hoàng thấy lòng phơi phơi và nhìn cảnh vật chung quanh, anh càng thấy thêm mến yêu đất nước. Anh bảo Phượng:

– Em có để ý đến những bà con đang gặt lúa trên cánh đồng kia không? Họ toàn mặc áo đen, thật là một điều đáng tiếc. Nếu anh có thể, anh sẽ mang áo quần màu phát không cho họ. Họ mặc áo quần ấy làm việc trên ruộng lúa, có phải đẹp hơn không. Những chấm màu di chuyển linh động trên những cánh nương xanh tươi hay vàng rực chắc chắn sẽ đẹp hơn những chấm đen nhiều.

Phượng cười, tán thành:

– Chắc thế. Nếu họ mặc áo màu hay áo hoa như người Phi-Luật-Tân mà làm việc đồng áng thì sẽ đẹp lắm anh nhỉ? Tiền vải màu bây giờ cũng không đắt hơn vải đen là bao nhiêu. Mặc thế, người dân quê của mình có vẻ thơ thới và tiến bộ hơn nhiều, ít nhất cũng về mặt hình thức. Trông những chấm đen kia, em nghĩ đến hình ảnh những con quạ và nói một cách hợp thời hơn, em nghĩ đến những tên phiến loạn. Bộ áo quần đen có vẻ nặng nề, tối ám đối với cảnh đẹp này. Nhưng mà... gì thì gì, em đói lắm rồi! Anh nhấn thêm ga một chút đi?

Xe Hoàng dừng tại trước một chiếc quán bên đường. Chủ quán là một ông già người Huế, tóc đã bạc, ra tiếp họ. Một bữa cơm nóng sốt được dọn ra. Vừa ăn, Hoàng và Phượng ôn lại những

cảnh đẹp trên đường thiên lý, từ lúc họ khởi hành từ Huế trở về Thủ đô. Đèo Ai Vân đầy mây trắng: thành phố Đà Nẵng đông đúc, vui tươi; tô mì màu vàng của xứ Quảng, những chiếc xe đạp thô đầy ứ những nông sản của dân quê Mộ Đức, Trà Kiệu, Đức Phổ. Những quận, những thị trấn đông vui, những dãy quán bên đường tấp nập khách vào ra; những quầy hàng, những ngăn tủ đầy ắp hàng hóa, vật dụng mua từ Thủ đô về rồi bán đi khắp chia cái tiện nghi cho khắp mọi nhà. Những chiếc cầu sắt vĩ đại nói lên cái sức xây dựng phi thường của chính phủ và nhân dân miền Nam. Bốn tháng trước, từ Thủ đô vượt đường thiên lý trở về Huế, xe Hoàng còn phải qua những chiếc phà hoặc chạy bằng máy hoặc do những toán lao công phà chống chọi một cách mệt nhọc. Bây giờ thì những chiếc cầu dài, mới toanh đã vươn mình

ra thay thế cho những chiếc những phà vừa mỏng manh, vừa chậm chạp. Bên cạnh những chiếc cầu đổ, những cột cầu gãy nát đứng trơ ra với những cây sắt ngòong ngoèo vươn lên nền trời một cách thảm thương, dấu vết của một thời ly loạn, những công trình xây dựng mới đã vươn lên. Những dấu hồi sinh cứ từng giờ, từng ngày xuất hiện. Hoàng và Phượng ôn lại những tên đèo, tên đường, tên thị trấn của nửa phần đất miền Trung này. Mỗi cái tên lại gợi lên một chuỗi dài những câu chuyện liên hệ mật thiết đến đồng bào, đến đất nước, đến sức đấu tranh cũng như tinh thần quật khởi của từng địa phương, từng quận, tỉnh trong những tháng ngày vừa qua. Nối theo sau những chuyện đó vẫn là những cảm giác, buồn tức, ngậm ngùi, đau xót và cuối cùng trấn tĩnh, phần khởi ngấm hện nhau làm lại trên tang tóc, đổ

võ. Hội An, Vĩnh Điện, Duy Xuyên, Tam Kỳ, Trà Kiêu, Mộ Đức, Bồng Sơn... mỗi tên tỉnh, tên quận nhắc cho Hoàng vài kỷ niệm. Những đêm nằm trong khoang chiếc ghe chòng chành đi từ Hàn Giang vào Vĩnh Điện để nghe giọng hò ngọt ngào của chị lái thuyền người Quảng. Tiếng hò xa vắng không ngang ngang, nức nở, lê thê như tiếng hò của người kỹ nữ sông Hương nhưng không kém phần thiết tha, truyền cảm. Và Hoàng bỗng nhớ đến cái giọng của một anh bạn ngày xưa ở ban kịch Vệ quốc đã đóng vai một người lữ khách đi khắp các tỉnh miền Trung, trở về thuật chuyện lại cho mọi người nghe. Khi anh nói về đất Quảng anh đã cong lưỡi lên nhại cái giọng của một chị ở đây than phiền về giá bán một con gà, ngày xưa:

– “Trời đất quỷ thần ơi, con gờ xí xiu

mà nó bốn ba giốc bột, đét gì mà đét vô hạn” – Câu này có nghĩa là con gà bé thế này mà bán đến ba hào bạc, đắt gì mà đắt lắm thế!

Hoàng nghĩ đến những thước lụa trắng Duy Xuyên với bàn tay cần cù, nhẩn nại của đồng bào miền này, đêm đêm, lướt trên khung cửi hay quay tròn cùng chiếc xa quay. Ý tưởng đó tiếp tục dắt Hoàng đến những chiếc thuyền chài cánh buồm no gió từ biển cả phẳng phẳng về bến. Rồi khu chợ Quy Nhơn ngập đầy những thân cá tươi loáng bạc, mập béo; đến ánh mắt sáng ngời tươi vui của những đồng bào miền Bắc vào định cư ở đây đang tiếp tục cuộc sống gắn bó cùng nước mặn cùng những tiếng hát vui ròn, trong trẻo của từng đoàn học sinh bé nhỏ tan học đổ ra khắp các ngã đường. Hoàng đã vào uống cà-

phê trong một cửa hiệu nhỏ trong khu bến xe đò Quy Nhơn. Những chiếc xe đò mạnh khỏe, rô máy, mang trên mình nào người, nào hàng hóa đang sửa soạn lên đường, mang nguồn sống chia đều ra mọi ngả. Anh tài phì phèo điếu thuốc là tán gẫu với chị bán cháo lòng; cậu bé phụ thợ máy cao giọng ca sáu câu vọng cổ. Một không khí vui tươi tràn đầy sinh lực đang vây bọc, đang dàn ra. Hoàng cũng để ý nhìn những nền nhà còn bỏ trống giữa hai dãy phố Quy Nhơn, dấu vết của chiến tranh đổ vỡ. Trước đây, những cái nền nhà, những bức tường đổ, những khoảng đất trống ấy còn nhiều nhưng dần dần chúng biến mất để nhường chỗ cho vôi gạch mới và những công trình xây dựng mới.

Cuối cùng, cái cảnh đẹp đầu quận Sông Cầu trở về với Hoàng và Phượng.

Bữa cơm ngon lành trong chiếc quán dừa kia không giữ chân Hoàng lại lâu. Anh ăn vội vã và giục Phượng, họ lái xe trở về con đường cũ. Phượng cười:

– Bữa cơm trong quán ngon lành quá nhưng chắc anh không thấy ngon vì tâm hồn còn gửi cho màu sắc, phong cảnh phải không?

Hoàng gật đầu và đảo mắt nhìn chung quanh tìm lại cái cảnh ban nãy. Anh ngạc nhiên hỏi Phượng:

– Đã đến chưa Phượng?

Phượng đáp:

– Đến rồi đấy. Đây rừng dừa, đây hai trái núi, đây cánh đồng lúa vàng ban nãy.

Hoàng cau có:

– Không phải! Còn xa nữa kia!

Mắt anh vẫn lão liên như một nhà chỉ huy quân sự quan sát địa thế và Phượng để ý thấy Hoàng xịu mặt xuống: Nàng hỏi:

– Anh sao thế?

Hoàng dừng xe lại, tần ngần một lát đoạn bảo Phượng:

– Hết rồi!

– Cái gì hết rồi hở anh?

– Nó biến mất rồi, thật là một chuyện huyền hoặc!

– Nhưng cái gì biến mất rồi mới được chứ? Cái gì mà huyền hoặc?

– Cái cảnh đẹp ban nãy đó Phượng ạ! Em có thấy cái cảnh mà anh tỏ cho em lúc chúng mình xuống núi không?

Ấy thế mà cách nửa giờ sau, trở lại nó đã mất biến đi rồi!

Phượng mở to mắt, ngạc nhiên:

– Anh nói gì? Mất đâu, nó vẫn nằm đấy kia thôi!

Hoàng cười:

– Em ngây thơ quá. Anh đồng ý rằng nó vẫn còn đấy nhưng em thử nhìn lại xem, có phải là nó đã khác hẳn lúc trước không? Này nhé màu nước biển xanh ngăn ngắt giờ chỉ còn là màu xám xịt, rừng dừa nhỏ hơn, giải mây trắng trên đầu núi đã bay mất, mỏm núi xa hơn và màu sắc không còn linh động hòa hợp như lúc chúng ta nhìn thấy khi đổ đèo. Có phải thế không em?

Phượng xịu mặt xuống, suy nghĩ và gật đầu đồng ý. Hoàng nói thông thả:

– Cái đẹp thường mong manh. Có cái đẹp chỉ đẹp nếu ta nhìn từ một phía, một góc cạnh nào đấy thôi, cũng như có những gương mặt chỉ đẹp khi ta nhìn nghiêng và sẽ không đều đặn, quyến rũ, cân đối nếu ta nhìn thẳng. Có cái đẹp đến rất tình cờ, chỉ đậu lại trong một thoáng nào đấy thôi. Có những người nhan sắc không lấy gì làm mặn mà nhưng một khoảnh khắc nào đó ta bỗng thấy họ đẹp ra một cách vô cùng diễm ảo. Nó cũng tình cờ như khi một người không biết đánh dương cầm, vô tình đặt tay lên hàng phím, bấm thử một âm giai. Âm giai hòa hợp, nghe rất êm tai nhưng nếu nghe một nhạc sĩ khen hay mà cao hứng bấm liều một âm giai khác thì kết quả chắc chắn sẽ làm ta thất vọng. Em nên nhớ là ánh sáng làm màu nước biển thay đổi từng giây, từng phút. Ban nãy, màu xanh ngấn ngát của nước biển mới

đẹp kỳ ảo làm sao! Bây giờ, em tìm đâu?
Tất cả đã thay đổi, biến thiên như một
giấc mơ huyền hoặc.

Phượng không nói gì. Hoàng cũng
không nói gì.

Họ bàng hoàng như vừa để mất đi
một báu vật hay vừa qua một cơn mơ
đẹp, tỉnh ra chỉ còn thấy tiếc nuối, ngẩn
ngơ.

TÔ KIỀU NGÂN

Gặp nhau lần cuối

Đinh Hùng

Khi tôi ngồi xuống ở bên em,
Giở tập thư xưa đọc trước đèn,
Vẫn ngọn đèn mờ, trang giấy lạnh,
Tiếng mùa thu động, tiếng mùa đêm.

Gần nhau, còn lạ nét môi cười,
Em đến như người bạn cũ thôi.

Trên giỏ nằm nào chưa ngọt thổi.
Mà nghe hồn gió lạc xa khơi.

Em hãy ngồi im – khuya đã lâu,
Phút giây tâm niệm tưởng như sầu.
Ngón tay nào nuốt tàn hương bướm,
Gỡ cánh hoa phai lá mái đầu.

Đèn nhỏ sương pha lạnh mặt người,
Lạnh vương từ sợi tóc buông lơ.
Lìa vai kỷ niệm bay mùi phấn,
Nếp mặt hơn nghiêng lá hổ người.

Mắt lặng nhìn nhau từ dĩ vãng.
Chợt xanh màu áo nhớ thương xưa.
Bóng em khoảnh khắc thành hư ảo,
Buồn lướt hàng mi thấp thoáng mưa.

Từng nhớ, từng thương, từng chụm
đầu,

Từng chung dòng lệ thấm vai nhau,
Mà trong mắt liếc ngò non ải,
Nhịp thở ân tình cũng biến dâu.

Sương xuống nhiều thêm, thôi biệt
ly!

Nhìn em lần cuối, tiễn em về.

Mưa buồn nỡ để đường thu lạnh?

– Đây áo quàng vai, em hãy che,

ĐINH HÙNG

M.

Hoàng Anh Tuấn

Trời mưa ướt cả lòng đêm và ướt cả
tình anh yêu em

Anh ngồi đây nghe mặt trời lên giây
đàn

Anh ngồi đây nghe giọng hát đu bay

Anh ngồi đây nhìn em nhỏ đi và lấp
lành

Chưa bao giờ muốn hôn lên vai em
như đêm nay

Anh vẫn ngồi đây

Anh còn ngồi đây cho đến lúc em đi

Cho đến lúc tắt đèn

Nguội tanh linh hồn và nửa tách cà-
phê

Anh sẽ bảo anh: em đi rồi sao mắt
em còn chút mãi khăn tang?

Áo vàng còn là mầu cúi đầu nhìn
xuống

Tóc đen còn là vòm trời đêm bé nhỏ
của những vì sao. hay khóc trong thơ
anh

Anh trả lại cho những tiếng vỗ tay:
giọng ca, nụ cười em đi vay, đi mượn

Anh dành lại cho anh con đường
mặc áo trời mưa và em

Anh bảo anh: rồi đến già từ nhau
trên ke một nhà ga tỉnh nhỏ

Nhìn nhau như soi gương

Em đi rồi

Anh gọi gió mưa ngày xưa cho ướm
hết linh hồn và tình anh yêu em

Em đi vào trời mưa như đi vào bài
thơ

Anh biết từ nay anh có em để đếm
những tiếng giấy lên xuống cầu thang

Để yêu em hơn chiếc áo vàng em
mặc và bài thơ anh đang làm

Để anh tìm thấy vết gió đi ngang ở
những chỗ em nhìn lơ lả

Để lúc em cười anh bắt được linh
hồn từng cánh cửa trên những tầng lầu
rất cao

Sao anh buồn như có khói trong tim

Sao anh buồn như làm xong bài thơ
nói đến em

Em nhìn anh mắt không còn là mắt
nữa

Là bàn tay mà mỗi ngón tay là một
tiếng thở dài

Anh gọi gió mưa mười phương phủ
khắp Sài Gòn để chúng mình chia ánh
đèn

Cho hai mái tóc góp nhau vào học
bài trên trang giấy trắng

Trên con đường giắt về đâu như về
xóm đạo

Ai đọc kinh cầu nguyện cho đừng
bao giờ anh phải yêu người khác ngoài
em

Anh gọi em trở lại

Anh gọi em trở lại

Ánh đèn gục xuống trên mái nhà
lộp bộp trời mưa

Anh gọi em trở lại

Anh còn muốn hôn lên vai em.

HOÀNG ANH TUẤN

Chuyện đau thảm

Thái Thủy

Tôi chót sinh mang hình hài Thượng
Đế

luôn thầm mong chối từ số phận con
người

mơ làm tảng băng thạch nghiêng
mình

nghe đàn hải cẩu đùa đêm khuya

[thiếu trang 60 và 61: thơ của Thái
Thủy, Nguyễn Duy Diễm và Trần Thy
Nhã Ca]

Cái tát

Hoàng Anh Tuấn

Tôi bắt được cái tên Diệu vào lúc hai giờ sáng, thèm thuốc lá và thèm viết truyện ngắn. Tôi lấy tên Diệu để gọi nhân vật chính của truyện ngắn mới khởi đầu. Diệu trong truyện là một cô gái có lối chào bằng mắt vừa kín đáo, vừa đậm đà. Bàn tay Diệu thô vụng nhưng Diệu có đôi má lúm đồng tiền làm tôi nghĩ rằng nếu có thật thì mình sẽ thích hôn lên đó. Viết mệt nhọc lắm mới hết ba trang giấy, tôi bỏ ngang ở chỗ Diệu ho lao nằm nhà thương Saint Paul.

Đúng chín ngày, trưa hôm nay, Diệu lại trở về với tôi trong hai nhân vật. Một cô Diệu tham nghe chuyện, tò mò luôn mồm hỏi tôi “rồi sao nữa? Truyện em về sau thế nào?” và một Diệu mới khác Diệu ho lao lần trước. Diệu này hao hao giống cô ca sĩ nhỏ bé, chưa tên tuổi có cặp mắt lẳng lơ và toàn thể ngoan, dễ thương hay thẹn như cô em gái họ xa đến cần móng tay nhờ giúp đỡ tìm hộ một chân thư ký đánh máy để có tiền cho em đi học. Tôi nghĩ cô em gái họ xa đó vừa chịu tang bố. Diệu “mới” là cô gái tôi yêu không biết từ hồi nào, có lẽ mới yêu mà biết đâu chẳng là người yêu mấy năm về trước, tóc dài, mặt to, ưa đi học theo những con đường có nhiều hoa sấu rụng.

Dĩ nhiên Diệu là một nhân vật truyện, nhưng biết đâu Diệu chẳng dẫn

dần theo ngòi bút để cuối cùng giống người tôi đang tưởng là tôi yêu, để cuối cùng Diệu trong truyện làm tôi say mê và yêu hình bóng nàng: Cô Diệu thật ở ngoài đời.

✱

Thằng bạn chúm môi thổi khói thuốc lá vào tờ giấy tôi đang viết, nó hỏi:

– Mà viết cái gì?

Tôi bảo nó:

– Tao viết truyện ngắn, tên nhân vật chính là Diệu.

Nó gật gù:

– Có phải truyện cô bé hôm qua mà khen là dễ thương không?

Tôi bảo: “không”, rồi tôi lại gật đầu bảo “phải”.

Cánh cửa hé một nửa; Diệu đứng bên trong, mặc áo hồng rất mỏng trông rõ đường đăng-ten áo lót. Phía tôi đứng sáng hơn, phía bên trong vàng chật chội, mắt Diệu vẫn sáng vẫn trong, Diệu bảo tôi:

Anh ra ngồi với các anh ấy đi, anh Nam thấy anh đứng đây lâu lại tưởng...

Diệu chỉ tay rất nhanh về phía mấy thằng bạn tôi, giọng nói làm nũng:

– Đấy! Các anh ấy đang cười em kia kìa.

Tôi trở về bàn ngồi với mấy thằng bạn, chẳng đứa nào nói đùa hay chế nhạo gì cả, chúng nó đang mãi nói chuyện bài vở kỳ báo tới. Tôi hỏi mượn Nam cái bật

lửa, nó đưa cho tôi điều thuốc đang hút,
nói vắn tắt:

– Mời đi.

Đợi mãi mới thấy thằng anh em gọi
là Cánh Sen gọi tôi:

– Thế nào mày?

Tôi định nói về người con gái đứng
phía bên trong cánh cửa lúc nãy nhưng
tôi lại nói khác đi:

– Có lẽ lần này tao có truyện ngắn.

Thằng anh em gọi là Bụng chỉ vào
mặt tôi:

– Không có truyện ngắn thì tao giết
mày!

Cô bé đứng bên trong cửa lúc nãy
lên sân khấu hát. Hát dở nên tiếng vỗ

tay rất thưa, thằng anh em gọi là Kính có thói quen vỗ tay tuy không mấy khi nghe hát. Vỗ tay mấy tiếng, nó chợt nghĩ ra điều gì, cười nheo mắt:

– “Moa” vỗ tay cho “toa” đấy. Cám ơn đi.

Câu trêu ghẹo và cái cười của hàm răng khắp khềnh làm tôi thấy cần phải viết cái tôi đang muốn viết, nghĩa là Diêu.

✱

Lúc ấy trời vừa mưa xong, nắng chói như gắt gỏng, không khí oi ả tăng lên mấy độ. Lưng áo tôi ướt dán vào thịt. Tôi đứng trước nhà Diêu nhìn cánh cửa gỗ hình dung một khung cảnh nghèo nàn phía bên trong Chắc giữa những đồ

vật cũ tối, con người Diệu sáng lên như một thiếu nữ khỏa thân đứng trước bức tường ám khói. Tôi không biết trường hợp người ra mở cửa không phải là Diệu thì tôi hỏi han ra sao. Tôi liều gõ tay vào cánh cửa. Cánh cửa chỉ khép hờ nên kéo kẹt mở ra. Căn phòng đủ sáng. Tôi thấy con búp bê Nhật Bản đứng trong lồng kính trên nóc tủ đựng áo, tôi thấy Diệu ngồi chải đầu, quay lưng ra phía cửa. Diệu nhìn thấy tôi trong gương, quay ngoắt lại mỉm cười. Tay vẫn cầm nguyên cái lược trắng.

Hà vừa đánh máy xong một truyện ngắn của thằng bạn mà anh em gọi là Đồ Nho. Hà cho tôi hay thằng Bụng hẹn gặp tôi lúc 5 giờ chiều.

Hà mất một mí, đuôi mắt dài đưa nhếch lên, mang cái buồn của cô gái chưa muốn vào đời nhưng đã phải vào đời.

Cái buồn ấy làm tôi muốn gọi chuyện. Hà vâng dạ lễ phép quá, tôi biết cô còn bỡ ngỡ, còn sợ, còn đắn đo chưa quen cái thế giới của bọn chúng tôi, tuy cô đã ở trong cái thế giới đó rồi. Bọn chúng tôi chắc sẽ nói đến Hà, nói đến một cách vô tư, có khi không biết người con gái mình nói lại là Hà.

Tôi biết từ nay trước những chai “ 33 ” câu chuyện bọn chúng tôi nói với nhau sẽ thoáng có tên Hà. Dù thằng anh em gọi là Bác Giai có cấm tôi mang chuyện “nhà mình” ra nói, lần này tôi cũng vay mượn ít nhiều nét của Hà cho Diệu của tôi.

Hà vừa nói:

– Mưa có một tí lại nắng.

★

Diệu nhìn khoảng sáng chỗ cửa hé, sau lưng tôi.

– Mưa có một tí lại nắng. Anh vào đây chơi. Xin lỗi nhé, em xong ngay đây.

Tôi muốn Diệu nói khác đi: “vào đây anh, chờ Diệu chải đầu một tí nhé.” Tôi còn mê cái đẹp học trò, còn mê những câu nói điệu của tuổi chơi búp bê,

Diệu quay người lại, đắm đắm nhìn vào mắt tôi:

– Em không ngờ anh lại thăm em đấy!

– Anh thích những gì bất ngờ.

Diệu cười nghiêng đầu, mắt lảng lơ như cô vũ nữ lúc chạy bàn. Tôi đến gần Diệu nhìn vai nàng, sau lần áo mỏng

thấy rõ hai đường dây vải. Bàn tay tôi đặt lên chỗ xương vai rồi nhẹ nhàng tràn xuống lưng. Diệu ngả người về phía sau, ngửa mặt nhìn tôi. Diệu gọn trong cánh tay tôi. Vừa lúc tôi định ôm lấy Diệu thì nàng chuyển vai thoát khỏi vòng tay, nàng đặt ngón tay nhỏ lên môi tôi, giọng nhỏ hản đi:

– Sao anh hư thế?

Tôi có cảm giác như cả trăm ngọn đèn cùng bật lên một lúc và một phần hình hài tôi trở nên dư thừa không có chỗ giấu. Diệu cười ròn, cặp mắt cũng cười mà hình như cả hai vai nàng cũng cười nữa.

Hình ảnh Diệu hát trên sân khấu giải ra trước tôi. Nét lông mày kẻ đậm như vết mực đồ, cặp mắt nhìn nghiêng sáng lên một thứ màu đen có ánh sáng

và nụ cười luôn luôn ngỏ cửa.

Tôi thành một người nghe ca nhạc có độc. Diệu trở nên người ca sĩ đơn chiếc. Chỉ có hai người: Diệu và tôi trong căn phòng nhỏ. Vậy mà tôi vẫn thấy cách biệt như giữa hai chúng tôi có một hàng người chăm chú trên những trang báo hàng ngày mở rộng. Không khí cũ trở về cùng với câu nói chân thật:

– Em biết anh muốn nói gì nhưng em cũng biết nếu em chiều theo cái muốn của anh, em sẽ không gần anh nữa.

Ý niệm gần, xa trừu tượng vẫn đủ giá trị một bài thơ độc vận dùng toàn những chữ tối nghĩa. Diệu nói như vậy vì nàng chợt cảm thấy, nếu bảo nàng nói lại thật rõ, chắc chắn nàng sẽ không hiểu chính câu nàng vừa nói ra. Với Diệu, tôi hay gặp những câu nói tương tự, lần nào

tôi cũng thấy ngay điều nàng muốn nói nhưng không thể nào thấy rõ và hợp lý như một con tính cộng chẳng hạn.

Diệu đến ngồi trên thành ghế, lấy tay vào chỗ những sợi tóc cứng trên đỉnh đầu tôi. Chúng tôi nói với nhau những câu kẻ yêu nhau hay nói, chỉ có nghĩa riêng đối với mình – trong khoảng thời gian nhất định – nên tôi không muốn viết lại làm gì. Trong lúc nói chuyện, một vài lần tôi nhận thấy Diệu đẹp óng hản lên. Hình như lúc ấy tôi yêu Diệu hơn những lúc khác. Một vài lần tôi cũng chột nhìn thấy những nét không đẹp của Diệu: hàm răng không đều, hai góc môi kéo xuống; lúc đó tôi không cảm thấy kém yêu Diệu, trái lại tôi vẫn tìm cách lý luận “bàn tay và ngón tay” để thấy Diệu dù sao cũng đáng yêu.

Mười một giờ có người về: một cô bé tóc dài, mặc áo trắng. Tôi tạm gọi bé đó là Lan cho dễ viết. Mắt Lan buồn, hay nhìn xuống. Tôi gọi Lan là “cô bé” vì một thói quen không biết khởi đầu từ bao giờ, tiếng đó dành cho những người con gái có thân hình nhỏ bé mà tôi có đôi chút cảm tình, có khi người tôi gọi là cô bé còn nhiều tuổi hơn tôi nữa.

Lan lí nhí chào tôi, nhìn kỹ tôi thấy Lan không đẹp bằng Diệu, tuy dáng điệu còn hồn nhiên, mang nhiều tính chất nữ sinh trong kiểu tóc bòn tay, nhưng so với Diệu, Lan có vẻ già hơn Diệu.

Lan đi khuất vào sau tấm màn vải hoa sặc sỡ ngăn đôi phòng ngoài và phòng trong thì Diệu kêu nàng:

– Lan! Sao hôm nay đi học về sớm thế?

Tôi chợt hiểu Diệu là chị Lan.

Lan trở ra, nhìn tôi với lối nhìn gần như thù oán, rồi trả lời chậm rãi như miễn cưỡng phải trả lời.

– Giáo sư ốm không đến dạy.

Diệu không biết hỏi thêm câu gì nữa để tỏ ý săn sóc em, nàng lặng lẽ dũa móng tay. Lan vẫn đứng yên chờ đợi những câu hỏi khác. Khoảnh khắc im như chết ấy làm tôi thấy ngượng và khó chịu: trong căn phòng này tôi là một người thừa. Tôi đứng dậy ra về.

Cánh cửa gỗ kéo kẹt đóng lại. Tiếng kéo kẹt vừa dứt, tôi nghe thấy tiếng cười của Diệu và Lan bện lấy nhau. Tôi phân vân tự hỏi hai chị em Diệu cười chế nhạo tôi hay họ cười vì chợt cảm thấy sự im lặng của họ là vô nghĩa?

Tiếng cười của hai chị em Diệu ám ảnh tôi cho đến khi về tới nhà. cho đến khi đi vào giấc ngủ.

*

Tôi thức giấc vào lúc bốn giờ chiều, đói đến nhẹ cả người, tiếng cười của chị em Diệu không còn đủ rõ để tác động tới cảm nghĩ của tôi nữa.

Tôi bước ra đường mang theo cái ẩm mốc của căn phòng nhỏ cho màu nắng mở rộng. Tôi sắp sửa bước chân lên tắc-xi thì nghe thấy tiếng gọi khe khẽ sau lưng. Tự nhiên tôi thấy khó chịu khi nhận ra tiếng Diệu. Tôi bảo Diệu lên xe với cái ý nghĩ mời vớt. Diệu không từ chối, tôi còn thoáng nhìn thấy mắt Diệu cười. Tôi ngồi bên Diệu, đóng cửa và vô cơ bảo tài

xế lái chúng tôi tới một địa điểm vắng người, cái vô cơ không chủ định đôi khi cũng bao hàm một thứ ý thức thoáng hiện thoáng tan; một thứ ý thức nghiêng nhiều về sự muốn tội lỗi của con người chán chường đến độ buông thả.

Diệu cào móng tay vào đầu gối tôi, giọng nói nhỏ và vương vếu:

– Anh lại đăng em.

Tôi biết Diệu nói chưa dứt ý nên lặng lẽ để nàng nói tiếp:

– Chiều nay em Lan đi vắng chỉ có mình em ở nhà, anh lại chơi nói chuyện với em, tối nay em muốn anh đưa em đi hát.

– Em ăn cơm chưa?

– Anh ăn cơm chưa?

- Chưa.
- Em cũng thế.
- Chúng mình ăn phở vậy.
- Dạ.

Tôi gọi tài xế mượn bao diêm hút thuốc và bảo ông ngoẹo sang con đường khác, y nhìn tôi với lối nhìn đồng lõa dồn cả vào đuôi con mắt làm Diệu đâm ngượng, quay mắt nhìn ra phía cửa kính. Tôi chợt có những ý nghĩ không đẹp, cử chỉ của Diệu tôi đã bắt gặp một vài lần ở những chỗ tối tăm; một góc quán hủ tiếu bên xe đò lục tỉnh, một góc chõng tre trong căn nhà lá ngoại ô, chèo phòng thay đồ nhỏ như chuồng xí ở tiệm khiêu vũ. Tôi quàng tay lên vai Diệu nói một cách giả dối:

– Em có bằng lòng làm vợ anh không?

Diệu không trả lời. Gã tài xế cười, một chiếc răng vàng ánh lên tinh quái.

*

Trên đường đưa Diệu tới phòng trà, óc tôi mới đủ trống phẳng để nhớ lại mấy giờ đồng hồ sống với Diệu một cách toàn vẹn như vợ chồng. Cuộc sống ấy khởi đầu khi những nét sợ sệt nơi mắt Diệu nhòa đi nhường chỗ cho một thứ lửa nguội vừa lả lướt, vừa ngổ ngáo khi hai bàn tay Diệu cào mạnh vào tóc tôi và cuộc sống lịm đi như giấc ngủ trưa lúc Diệu bật diêm châm thuốc là cho tôi và câu nói vượt ve: “em gọi mua cho anh tô mì nhé? Anh nhé.”

Chỉ có mấy giờ đồng hồ mà cái liên lạc giữa Diệu và tôi mang một bộ mặt khác. Cái thơ mộng, sôi nổi lúc ban đầu chìm hẳn xuống, chỉ còn một cái gì rộng, nhẹ và gần gũi đến thành nhàm. Diệu không dẫu đây, thay áo trước tôi như trước một bức tường – không có gương phản chiếu – và tôi cũng không cần che miệng khi ngáp to trước sự có mặt của nàng. Tôi không tìm thấy gì cả dù chỉ là một sự chán chường nhờ nhờ sắc xám, một nỗi buồn ảm Ứt hay dư vị ê chề của những đợt cảm giác nhờn mỡ.

Tôi biết Diệu đã cầm tay tôi bước qua một biên giới cấm, tới chỗ mà cảm giác không còn gợn nổi lên bề mặt. Tôi ngồi sát Diệu hơn. Tôi nắm lấy bàn tay Diệu chặt đến nỗi nàng phải kêu đau.

✱

Diệu và tôi đi vào cái không khí sống vội, vui cổ một cách gượng gạo của phòng trà. Về náo nhiệt tụ lại chuyển vào cái lặng thinh bơ phờ của chúng tôi một ít màu sắc. Nụ cười chớp nhanh trên môi Diệu, bước chân của tôi vương dần vào điệu nhạc. Tôi đưa Diệu vào hậu trường – cái việc thông thường của tất cả những kẻ tình nhân ca sĩ, trong cái việc thông thường đó có những điểm những nét kiêu rất hồn nhiên – Tôi ra kiếm một cái bàn trong ngòi chờ lũ bạn đến. Bao nhiêu suy tư thắc mắc cõi hết, tôi muốn sống xa rời thực tế để vui như kẻ tính toán những việc phải làm trong trường hợp trúng số độc đắc.

Thằng bạn anh em gọi là Nhóc tới báo cho tôi biết hôm nay cả làng kéo sang vũ trường Văn Cảnh để ăn khao một thằng vừa có sách xuất bản. Cuộc

sống lênh lạc và nhiều mặt của vũ trường cảm dỗ tôi quá, nhưng sự có mặt của Diệu làm tôi lưỡng lự: tiếc một cuộc vui hứa hẹn nhiều quên lãng thực tại nhưng vướng mắc một sợi tóc nhỏ đang cố bám vào má mình. Tôi nhìn đồng hồ, khát lần một chai bia, rồi một chai bia nữa.

Diệu vừa hát xong một bài, đưa mắt nhìn tôi trước khi cúi đầu chào khán giả. Tôi vụt sợ khi nhận thấy lối nhìn tròn quá, không còn một nét sắc nào; lối nhìn của người đã nắm chắc một cái gì, có thể bỏ vương bất cứ lúc nào cũng không mất, khi nào cần lại tới kiểm và nhât lên.

Tôi vào hậu trường tìm Diệu, không biết để làm gì. Diệu đứng chải lại mái tóc có vẻ chưa vào nếp, thấy bóng tôi nàng đưa cho tôi cái lược, lấy cái găm tóc cắn giữa hai hàm răng, gài lên tóc. Tôi cầm cái lược trơ trên như anh chàng mới lớn

được cha mẹ đưa đi xem mặt vợ. Tôi nói một câu không chủ định để có chuyện:

– Các anh ấy đi nhảy cả rồi.

– Sao anh không đi.

Tôi ấp úng muốn nói là tôi phải ở đây vì sự có mặt của Diệu nhưng có một nụ cười buông ra từ môi Diệu, buộc chặt lấy những câu nói tiếp theo khác của tôi.

Diệu để nhẹ bàn tay lên vai tôi:

– Anh cứ sang bên ấy, lát nữa trở lại đón em.

Diệu ngang nhiên tự cho mình cái quyền được buông thả hay ràng buộc tôi! Tôi không nói nhưng thầm nghĩ rằng: Diệu không có một chút quyền hành nhỏ mọn nào trong cuộc sống của tôi cả. Muốn hay không là do ở nơi tôi,

tôi nhận là Diệu có ảnh hưởng tới tôi nhưng ảnh hưởng trong tôi, nơi tôi chứ không phải lệnh truyền ra từ Diệu. Tôi nói với vẻ tự nhiên tìm được, góp lại:

– Anh muốn ở đây nghe B. Ch. hát.

– Hát bản « Nỗi lòng »?

– Phải « Nỗi lòng » của Nguyễn văn Khánh, bản anh mê nhất.

Diệu cấu vào cánh tay tôi đau điếng. Cái nhói buốt tôi vừa tiếp nhận mang trọn vẹn cảm giác lần hôn môi đầu tiên. Tôi khẽ vuốt má Diệu, nàng ngượng ngùng nhìn xuống những cái đẹp thuở mới yêu cùng một lúc xanh lên phơi phới.

Tôi trở về bàn ngồi nói chuyện với Nhóc về thơ tự do, một đề tài rộng không có chiều ngang, chiều dọc, rất thích

hợp nếu dùng để đốt thời giờ.

✱

Hai người mặc áo cởi hết ba khuy trên nói chuyện nhảm rành rọt như ngồi trong phòng kín.

Hai người đó ngồi sát cạnh bàn tôi. Tên mồm võ gái mũi, nói bằng một giọng cổ lè nhè:

– Mày khoái con đó hả.

Tên trắng trẻo đẹp trai gật đầu:

– Con nào tao cũng khoái cả.

– Nhưng mày khoái con này hơn?

– Hơn những con khác chút xíu.

– Ngu! Mày thấy nó nhỏ như con chuột, ngây thơ như em gái mày, mày mê...

Y cười bằng cả hai hàm răng vỡ, ngụm nước trà còn lại trong cổ họng reo lên. Y nuốt ực rồi nói tiếp:

– Mày mê con nhỏ ấy thì hết đời rồi!

– Sao vậy?

– Nó ngủ với cả hàng trăm thằng.

Tên trắng trẻo không bằng lòng (tôi cũng thế), y nói hơi gắt:

– Nhưng mày nói con nhỏ nào mới được chứ?

Y và tôi đều bám vào cái hy vọng mỏng: tên mồm vỡ nhăm người,

Tên mồm vỡ nói thản nhiên.

– Con đang hát kia kìa.

Ca sĩ đang hát là Diệu.

Trên đường đưa Diệu về nhà tôi thấy tỉnh táo, sòng phẳng và yêu nàng thấm thía. Tôi quàng tay lên vai Diệu, ôm nàng, âu yếm dồn lên ngực đến gần như nghẹn. Tôi muốn nói với Diệu, cố hết sức để nói với Diệu: anh nhất định vẫn yêu em, anh nhất định vẫn yêu em.

Đèn đỏ ở ngã tư đường bật lên. Xe tắc-xi dừng lại. Tôi hỏi mượn người tài xế bao diêm, y bảo: không biết hút thuốc nên không có.

HOÀNG ANH TUẤN

Thức giấc nửa khuya

Song Linh

Người vợ có tội gì? Tại sao lại thiết thòi hơn những người tình nhân. Mưa chột đổ trên mái tôn. Thuận có cảm tưởng mơ hồ rằng mình vừa nói câu ấy giữa lúc anh thức giấc. Thuận nằm im, mắt mở rộng trong đêm tối. Màu trắng mờ của tấm đỉnh màn, trùng xuống mắt anh. Hoa ngủ say bên cạnh, mặt nàng quay vào tường. Mái tóc thả ra, vắt qua tay anh, chẻ rẽ thành nhiều ngã trên mặt gối. Chiếc áo lụa trắng cộc

bụng hết cúc ở phía dưới, vén lên, để hở một mảng da bụng trắng. Bàn tay phải của nàng đặt hờ ngang lưng quần. Tay kia để dài dưới cằm, những ngón duỗi ra sát làn tuyn của màn. Thuận thấy vợ ngủ thật ngon, lòng anh bỗng thương yêu rào rạt. Từ ngày Hoa lấy anh, tính ra mới được bốn tháng mười sáu ngày. Hai người không hề có cưới hỏi gì. Đó là chuyện không vui cho gia đình anh. Nhưng cả hai cùng thấy sự nương tựa vào nhau mà sống này, thật trọn vẹn tình thương và sâu đậm ý nghĩa, Hoa không hề đòi hỏi gì ở anh. Nàng chỉ sống lầm lũi bên cạnh chồng, và chiều chồng lòng ly từng tý. Nhiều khi Thuận có cảm tưởng Hoa đã bỏ quên nàng, mà chỉ miệt mài theo đuổi những điều nhỏ bé trong công việc săn sóc chồng. Hình như niềm vui của nàng được tạo ra ở đấy. Có lần vì quá bận việc, anh quên cả gọi đầu. Nàng

phải kéo anh ra nhà tắm, đổ nước và xoa xà-phòng cho anh. Anh cười khôì hài:

– Lần nào em cũng cứ coi anh như là con em không bằng.

Hoa bật cười, cũng khẽ lên đầu anh.

– Khốn nhưng anh lười như hủi ấy cơ,

Mấy hôm nay chuyển mùa. Trời thật nóng. Căn nhà mái tôn thấp nhỏ, hầm hập như nồi nước sôi đậy vung kín. Vừa trưa, sức nóng lại càng tăng lên dữ dội. Mái tôn hình như nẻ ra, tiếng chuyển mình ròn tựa tàu lá chuối khô bị gió đập. Hoa phải cầm cùi lau bóng sàn xi măng cho anh nằm. Thuận nhìn những giọt mồ hôi long lanh trên trán và những sợi tóc dính sát hai bên má vợ, anh tự nhiên bất mãn cái số phận mình – có ai bằng

lòng số phận mình đâu. Thuận giằng lấy tấm bao tải trên tay vợ. Anh muốn than van sự nghèo túng với nàng. Nhưng không hiểu sao anh lại nói một câu cộc lốc, gay gắt:

– Thôi đưa đây.

Hoa ngẩng lên, hai mắt ngạc nhiên. Những giọt mồ hôi bò từng dòng ở cổ nàng, và thấm ướt cả một khoảng ngực áo. Thuận hơi thấy mình vô lý, nhưng đã trót sẵn giọng, anh đâm tự ngượng và nói vu vơ:

– Trời thì nóng...

Thuận ném tấm bao tải vào góc nhà. Anh ngại ngùng chưa dám nằm vì sàn còn ẩm nước. Hoa đứng im, lưng dựa vào tường, môi mím lại, nét buồn giận còn nấn ná trên khuôn mặt lấm tấm mồ

hôi và tóc rối. Chân nàng trắng, đi trần, bần nước đất. Thuận thở dài, lưng anh mỏi nhừ. Thứ ngao ngán của một tờ giấy hoang sa mạc, đọi nét mực thể hiện tư tưởng của người viết hàng giờ, hơn thế nữa, mà chủ nó vẫn loay hoay nhào nặn với bao thuốc vơi già nửa, kéo rộng như mảnh vải liệm người chết trong óc Thuận. Anh bảo vợ, giọng trống không:

– Không ra rửa mặt mũi đi còn đứng đấy làm gì?

Hoa cúi thúi ra bồn nước. Thuận ái ngại nhìn theo qua cửa sổ.

Anh thấy Hoa cầm khăn úp lên mặt, và cổ nàng ngửa cao. Thuận biết nàng đang tủi thân khóc thầm. Anh vội quay đi. Hoa vào ngồi ngoan ngoãn dưới chân bàn, mắt nàng còn hoe đỏ. Thuận muốn ngả lưng cho đỡ mệt. Nhưng anh không

sao tìm được giấc ngủ. Nó lớn vồn như cái bóng làm Thuận lửa bắt đến mỗi óc. Anh thiếp đi trong cái nóng hun lò. Tiếng những trang sách lật đều đặn, rã rời của Hoa dần mất hẳn. Thuận thức dậy sau giấc ngủ nặng nề. Hoa ngồi đọc sách mà như ngủ. Lại một trang giấy qua đi, như những ngày tháng buồn lụi về đằng sau cuộc đời. Ý tưởng thu lượm được ít nhiều trong đó, chỉ nổi thêm toa cho con tàu dĩ vãng, lẻo đẻo, bám sát từng giây phút hôm nay. Người ta chạy; nó đuổi theo cướp giật từng mẩu đường, từng mẩu thời gian để làm giàu hiện tại của nó, và quá khứ của mình. Cho đến khi người mệt quá vấp ngã, thì nó đè theo. Cá nhân chìm vào quên lãng. Thuận nghĩ đến cuộc sống vô lý của chàng và Hoa, với những ràng buộc không còn vô tình được gói ghém, đùm bọc để cùng nhận lĩnh những vui buồn lẫn lộn trong

hạnh phúc hàng ngày. Không ai ca thán, vì tình thương đã thắng. Thuận chột hổi hận mình đã gắt nàng không đâu lúc này. Bây giờ trông dáng điệu nàng hiền ngoan mệt mỏi anh bỗng thấy thương xót, Thuận ngồi dậy, hỏi nàng giọng yêu mến:

– Em không ngủ à?

Hoa ngược lên, trang sách gấp lại tự nhiên. Nàng lắc đầu không nói. Thuận ngưỡng nghịu, ngồi sát cạnh nàng.

– Em giận anh đấy à? Thôi anh xin lỗi. Lúc này anh hơi điên.

Hoa phụng phịu, rồi phân trần:

– Em có làm gì anh đâu? Tại ông trời nóng chứ. Sao anh lại gắt em?

Thuận cười gật gật đầu:

– Anh điên thật. Thôi hòa em nhé.

Hoa bật cười, lườm anh khóe mắt mũi tên.

– Anh chỉ được bộ nịnh là tài.

Tuy vậy nàng cũng vẫn cầm quạt, quạt cho anh. Hai vợ chồng anh cảm thấy thương nhau hơn bao giờ hết. Buổi tối, sau khi đi dạo phố về, Hoa còn chong đèn ngồi khâu nốt cho anh cái quần đùi. Thuận lên giường nằm. Lá cây bên ngoài không hề lay động. Trời tĩnh gió và oi bức đều đặn. Anh thiếp đi vô thức. Lúc thức giấc thì mưa rồi. Hoa ngủ mê mết không biết gì. Trận mưa đầu mùa thật to, nhưng ngắn. Tiếng nước dội mạnh như gạch vụn ném xuống mái tôn. Hơi đất xông lên ngai ngái. Sấm chớp đánh liên hồi. Mưa đêm mới chớm không đem lại cho người ta sự thoải mái dễ chịu. Dầu

sao nó cũng đáp đúng lúc mong đợi của mọi người. Nhất là vợ chồng anh trong căn nhà chật hẹp này. Thuật khẽ nâng vầng tóc Hoa lên, kéo tay về. Anh nhẹ lay vai vợ. Nàng trở mình quàng tay qua lưng anh, hai chân thu vào lòng chồng. Thuận âu yếm hôn phớt môi nàng.

– Hoa ơi! - Anh gọi nhỏ.

Hoa thức lơ mơ, mắt vẫn nhắm:

– Gì anh?

– Dậy anh bảo cái này,

Hoa ôm chặt anh, nũng nịu:

– Tối mai cơ mà,

Thuận đẩy lên:

– Ở kia, không mà.

Anh tiếp:

– Trời mưa, nhà dột hay sao ấy em ạ.

Hoa mở mắt. Hai tia nhìn sát nhau.
Nàng hỏi:

– Lâu chưa anh?

– Mới lúc nãy.

– Sao em không biết.

– Tại em mãi ngủ.

Hoa cười chúi đầu vào cổ anh:

– Em rõ thật hư anh nhỉ?

Thuận định nói một câu rất yêu. Nhưng bỗng một tia chớp lóe sáng từ ngoài cửa, Hoa sợ hãi áp mặt vào, ngực anh. Nàng vừa kịp nói: “có sét” thì tiếng nổ đã xé lên kéo lê như một chuỗi mìn dây, Thuận ôm vợ im lặng. Anh nghĩ tới những năm chiến loạn đã qua trên quê

hương mình. Con đường Hà Nội – Hải Phòng mình chôn la liệt như dưa hấu. Đạn đại bác của giặc từ đâu dội về làng anh, phá nát cả hàng tre, bãi sắn.

Người ta bỏ nhà cửa, bỏ vườn ruộng tản mác đi tha phương cầu thực. Gia đình anh hồi cư về thành sớm, nên tránh được cảnh xảy đàn tan ghé của phần lớn các gia đình thời loạn khác. Tiếng nói của Hoa đập bờ tư tưởng anh:

– Anh ngủ đấy à?

Thuận không trả lời, khẽ giấu tiếng thở dài. Mưa ngớt hạt, chỉ còn lộp độp trên mái nhà, và tí tách rơi rơi xa vắng. Đã có gió phẩy phẩy mát da. Nửa đêm về sáng đang hồi lại cái sinh hoạt ban ngày. Một vài tiếng động cơ nấc nghẹn còi cút. Tiếng chân ngựa kéo xe chạy đơn lẻ trên mặt đường. Gà gáy đầu canh yếu hơi

gió, rền rền điệu kèn đưa đám. Buồn thứ
buồn ngậm ngùi mà ngóng đợi.

Thuận hỏi vợ:

– Em có đóng cửa sổ không?

– Có anh ạ.

– . . .

Và nàng nói:

– Mai anh đi làm muộn mất thôi.

✱

Cái hình ảnh lý tưởng mà bấy lâu
Thuận điêu khắc rất tinh vi trong óc hôm
nay đã bị phá hủy bởi thực tại. Thuận trở
về. Lòng anh đậm sâu ảm mốc. Cái sung
sướng no đủ của tâm hồn tạo dựng trong
suy tư đã sụp đổ trước đối tượng hiện

hữu. Hoa không được như lời bạn anh nói. Nàng là một người đàn bà thường. Thoạt nhìn cũng biết ngay người thù mị đến chỗ mộc mạc. Nét mặt kém vẻ linh động mặn mà. Thân hình và dáng đi không được yếu điệu trí thức. Giọng nói thiếu nhanh nhẹn thanh tao, đôi khi lạc vài tiếng ngọng. Tuy nhiên ở Hoa còn giữ lại rất nhiều sự thuần hậu của lớp người trước. Mái tóc búi tròng ngang vai của nàng, khiến Thuận nhớ đến những cặp vợ chồng công tư chức còn trẻ thời tiền chiến – Những người vợ chỉ biết chiều chồng và chắt chiu, chịu đựng. Ngày nay cái đẹp tốt cũ trở nên lỗi thời. Trách nhiệm không ở ai. Thời đại, chúng nhận sự đào thải ấy. Hướng đi lên nhăm lẩn tốt xấu chẳng ai buồn để ý. Người ta sống vội vàng, xao xuyến. Tình cảm chạy theo bề mặt, và lý trí mất thăng bằng. Tương lai là vô lý, ngày nay, hôm qua

cũng chẳng hơn. Thuận muốn đứng lại như con thuyền cắm sào đợi khách, suốt đời trung thành với cái bến lạnh lùng và cái quán lá tiêu xơ. Nhưng sông cứ xâm thực, đổi dòng. Thuyền ùa theo nước lũ. Bến xưa, quán lá trở vơ rồi mất hẳn. Người ta biến nó thành một danh từ để nhắc nhở. Nhưng không ai biết để tìm về với nó – Thuận là con thuyền ấy. Anh bị cuộc sống nước lụt cuốn theo, để rồi quen dần với những hải cảng rộng lớn, sâm uất. Đôi khi nhớ lại cảnh cũ, dòng sông, bóng tre, anh thấy lòng nuối tiếc, nhưng không đắm thắm nhiệt thành. Thứ nuối tiếc của anh bắt nguồn từ một thời đại chuyển hướng. Nó là tâm tình của những người yêu cũ gặp nhau mà không muốn chấp nối lại.

Thuận nhờ chiều hôm ấy, anh theo người bạn dẫn về nhà Hoa. Nơi Hoa ở

nằm bên con đường xe chạy ra ngoài ô của một tỉnh lỵ nhỏ nhoi, cổ điển – Cổ điển như những chiếc xe đồ cộc cạch, thường chạy qua nhà nàng, và im lìm mục thước như cuộc sống một công chức về già. Đời Hoa chìm vào đó từ ngày còn nhỏ. Lúc lớn lên thì bám chặt vào nếp sống phẳng lặng ao tù như những chiếc xe đồ kia kiên nhẫn bám chặt lấy mặt đường để bòn tiền cho chủ. Vì hoàn cảnh túng thiếu sau ngày người cha mất, Hoa phải bỏ học khi bắt đầu lên lớp nhất. Nàng ở nhà làm thân với chiếc máy khâu. Lúc thành thạo thì may thuê vá mướn kiếm tiền giúp mẹ, nuôi anh ăn học. Người anh được gửi về thủ đô trọ học. Song vì có máu ngấm nga, viết lách nên thuộc bài thì ít mà thơ văn lêu lổng lại thuộc nhiều. Kết quả thi hỏng nhiều năm, cuối cùng giải thoát bằng cách quay về lấy vợ. Cô em hy vọng nhờ vả anh sau này,

bây giờ được thêm bà chị dâu hợp lực bên chiếc máy khâu. Hai chị em cò cũi với đường kim mũi chỉ. Người anh thân nhiên làm công việc sưu tầm thơ phú. Bà mẹ đi sớm về trưa, nhặt nhanh từng đồng, từng cắc trên mẹt khoai, sắn hoặc ngô luộc. Mức sống đã eo hẹp lại càng eo hẹp chật vật hơn khi thêm một đứa bé ra đời. Người chị dâu mới đẻ chưa làm gì được. Hoa phải gánh vác vất vả hơn. Cả ngày nàng làm lụng không ngừng tay. Hết may thuê, giặt quần áo cho chị dâu, cho mẹ, cho anh và tã lót cho cháu, rồi thổi cơm nấu nước, đi chợ. Không việc gì không qua tay Hoa. Nhưng cái cùng quần cứ nín miết lấy gia đình nàng, như những mũi kim máy chạy tũn mủn, nín lấy hai mảnh vải nàng vẫn may.

Hôm về xem mặt nàng, Thuận chỉ uống với chén nước nàng rót mời và

thăm hỏi vài câu xã giao qua loa. Rồi anh cáo từ ra về, lấy có bạn. Thực ra anh không vui gì. Cô Hoa đứng trước mặt anh trái ngược hẳn với cô Hoa được đọc tôn trong tiềm thức. Thuận thất vọng và giận mình quá bỗng bột. Trên đường về, anh chỉ nhớ được cái cổ tay tròn trắng của nàng. Đó là một ưu điểm anh tạm công nhận sau khi gạn lọc kỹ lưỡng. Thuận giữ cái ưu điểm ấy để an ủi mình. Anh nghĩ đến một mẫu áo cộc sát nách đang thịnh hành trong giới phụ nữ tân tiến. Cánh tay Hoa đều đặn, tròn nẩy và trắng muốt sẽ lộ ra khi nàng mặc áo ấy. Rồi mái tóc búi cũng sẽ được cắt ngắn, uốn theo kiểu mới nhất. Hoa hẳn phải đẹp hơn. Trong giây lát Thuận lại tô điểm được một tác phẩm mới, thay vào chỗ trống vắng mà hình ảnh lý tưởng trước vừa mất đi. Thuận đem chuyện

mình nghĩ nói cho người bạn nghe. Hân cười bảo rằng:

– Cậu không còn yêu nữa, mà cậu đã thương hại người ta.

Thuận không phản đối, anh phân vân lý luận rồi cuối cùng gật đầu: công nhận. Người bạn xác định:

– Tốt hơn hết, cậu không nên đến nhà người ta nữa. Mặc dù thế là hàm xúc một hành động thí nghiệm trẻ con. Nhưng đời này ai là người lớn? Cái lớn đây không ý niệm thể xác. Còn tinh thần thì muôn mặt. Nó không chấp nhận toàn diện cho một người nào.

Hân ngừng giọng, rồi kết luận:

– Tôi bảo cậu không đến như thế lại hơn. Họ sẽ tự hiểu mà thay đổi lập trường.

Xe vào bến. Thuận chia tay người bạn. Anh ra ga mua vé tàu đi Huế. Quảng đường này hình ảnh Hoa mờ hắt. Thuận nao nức nghĩ đến cô người yêu cũ. Thủy nằm nảo với dáng đi chênh vênh trên phố vắng hao gầy. Lá mùa đông rụng ngập ngừng. Hai người gặp nhau. Mắt nàng sâu êm bóng tối, và thoáng giây vấn vương lưu luyến. Tình yêu chợt đến. rồi chợt đi như bóng mây chiều. Không ai phiền hà trách giận ai, mà vẫn nghĩ đến nhau.

Thuận đặt chân xuống thành phố vào một đêm giáp tết. Con đường về nhà anh, vắng hun hút. Mưa bụi bay nhiều. Cỏ dưới chân đầm nước. Bóng dòng sông Hương mờ sương khói, như trong truyện thần thoại. Những chấm sáng đèn dầu nhoè yếu lay lắt trên những con thuyền yên giấc. Thủy lấy chồng ngày

hôm trước. My, em gái anh, kể chuyện lại ngày hôm sau. Anh cười nhếch môi. Lòng không níu kéo, nhưng buồn đầu đầu. Thuận nghĩ đến một sự hiến dâng vào giữa đêm mùa đông của cặp vợ chồng mới cưới. Anh cảm thấy mình bơ vơ. Hình ảnh Hoa được tiếp nhận lại tạm thời, để bù đắp cái hao hụt gọi là trong anh. Ngày mồng hai tết anh gặp Thủy khoác tay chồng dạo phố. Bờ vai nương tựa của nàng nép hẳn bên sự che chở sẵn đón của người chồng; nói cho Thuận biết: anh đã mất sự hiện hữu ở nàng từ lâu. Thuận buông lỏng tia nhìn, rồi ngược qua vợ chồng Thủy. Anh nện gót giày đều và mạnh hơn. Cái đông đảo mùa xuân: màu áo, tiếng cười, vỏ dưa, xác pháo chỉ còn là hư vị trong anh. Hoa hiện sáng giữa tâm tình cởi mở của anh.

Thuận rời Huế ngay sáng mồng ba.

Những kỷ niệm căn nguyên được trút bỏ ở đây. Tình yêu vớt vát thả lên mây núi Ngự. Đáy sông chiếm phần dư ảnh. Trôi đi. Chiều chiều nắng xế hoa đèn. Thuận ra đi không còn ai trông vời. Diễm mắt Thủy xưa kia ngược lên nhẩn nhủ. Bây giờ vắng rồi. Nàng sống yên phận, như cái buồn cố đô. Thuận đi xa, niềm vui phần khởi đem theo. Tiếng còi tàu lê thê chỉ để lại cho người tiễn đưa những trùng héo tâm hồn. Thuận quyết định một thái độ thẳng, rõ.

Anh trở lại thật sự với Hoa. Tình yêu chưa bén rễ, nhưng anh nghĩ hạnh phúc sẽ đến bằng hôn nhân. Lần này mọi thắc mắc ngại ngùng đã ổn định. Thuận bình tĩnh bước lên thăm nhà Hoa. Trong câu chuyện trao đổi giữa anh và nàng. Anh đã mất phần chủ động không ngờ. Hoa thật thông minh từng nước bước mà giữ

giá trị mình. Lời người bạn anh nói hôm nào, bây giờ đã vượt khỏi mớ vô ý thức để biến thành thứ khí cụ chiến thắng anh. Hoa nói rằng: Nàng không yêu anh.

✱

Người nữ y tá già, có nét mặt hao hao giống Hoa, đem thuốc vào tiêm cho Thuận. Anh nằm bất động trên giường, lắng nghe cái cảm giác ê chề và chai sạn luồn lỏi trong cơ thể. Những mũi kim lách vào gân, vào thịt đã trở nên quen thuộc với sự đau đớn của anh. Anh không ca thán gì, mà nhẫn nại chịu đựng. Sự nghỉ dưỡng của anh cần ngang với số thuốc thường nhật trong người anh. Thuận vào nằm đây gần nửa năm rồi. Tháng ngày và ký vãng đứng chờ anh ngoài cửa bệnh viện. Nó chỉ có nghĩa khi cái sinh

hoạt ràng buộc con người, ở đây thời gian: không kể nữa. Chị Hạnh – tên cô y tá luống tuổi – cầm miếng bông ấn vào chỗ mũi kim vừa rút ra khỏi tay Thuận. Chị nhìn anh, cười khen:

– Trông ông độ này khá lắm rồi.

Thuận vui nhẹ:

– Vâng!

Chị Hạnh đi ra, tiếng nói hắt trở vào.

– Ngày mai bác sĩ cho ông chụp phim lại rồi đấy.

Tấm blouse trắng của chị thoáng khuất sau cánh cửa lay động. Chiếc quạt trần vo vo buồn ngủ. Thuận nhìn dán lấy nó, mắt anh mờ dần. Những năm vừa qua quay tròn trong đó. Đầu tiên lời nói của Hoa, người đàn bà biết mình

bị tổn thương, đã duỗi bỏ một dip may tình duyên để bảo vệ tinh thần mình. Thuận thăm phục, và cho đó là một sự hy sinh cao đẹp. Tuy nhiên tự ái đã bắt anh chấm dứt hẳn. Anh trở lại thủ đô kéo lê cái chán chường trên hè phố: những tiệm nháy, tiệm ăn. Rồi bệnh tật khởi đầu từ nhiều đêm vô vị. Hình ảnh những ngọn đèn dầu tù mù, khu nhà lá lụp sụp hơi hám buồn nôn, nhắc anh nhớ đến những con đàn bà vô hồn trần trụi và trơ trẽn. Thuận nghĩ đến cuộc sống bệ rạc của họ. Những con chuột chui rúc dưới cống rãnh thối tha nhầy nhụa không khác gì. Bệnh tật gieo đi nhiều hơn cả bệnh dịch hạch. Anh đi vào bằng sinh lực hăm hở, lúc ra rước lấy vi trùng lao. Hôm vào nằm nhà thương, Thuận được chị Hạnh dẫn xuống khu bài lao. Những người đồng bệnh thu nhận anh thân mật, ở đây rất dễ quen nhau. Họ

nói cho anh biết giường anh hiện nằm là của một người chết mới đem xuống nhà xác. Người còn trẻ, có vợ nhưng ở xa không đến kịp. Thuận chán nản nghĩ đến sự lồng khung của định mệnh. Tự nhiên anh thấy ngực mình chói đau, rồi cơn ho bật lên hần học. Thuận vượt ngực, mặt mày choáng váng. Anh nằm xuống giường, giọng bình thản, bảo với mấy bạn rằng:

– Đã có một thời gian không có ta trên trái đất, thì một ngày kia trái đất cũng sẽ vắng ta.

Thuận có tật thức giấc vào khoảng hai giờ đêm. Hình ảnh ogrời đàn bà búi tóc chiều chiều đứng ngoài hàng cây gai vọng mắt vào bệnh viện ám ảnh Thuận miệt mài. Không hiểu do cái linh cảm nào xui khiến mà Thuận cứ nhất định cho rằng người đàn bà ấy phải là vợ người

đàn ông đã chết ở giường anh. Thuận bỗng thấy thương nàng thật nhiều. Nỗi buồn của anh ôm ấp nàng, như nắng hoàng hôn ôm ấp bóng lá, bờ gai – chỗ nàng đứng đợi từng chiều. Thuận chợt liên tưởng tới Hoa, với buổi chiều anh đến nhà nàng. Con đường Đà Nẵng - Hội An trơn nhựa và uốn khúc. Những dãy nhà mới lợp còn vàng mái rạ, san sát trong vườn in lá xanh chạy ven dọc đường. Một đoạn đường xe lửa chết, còn trơ hai thanh sắt nâu rỉ song song quặt về phía làng mạc xa tắp. Đường ơ-tô chạy rẽ sang tay trái, qua những nhịp cầu, trại lính, cánh đồng và xa xa núi đứng dàn hàng. Thuận xuống bến thì trời mưa tự bao giờ. Anh thu mình trong áo lạnh, đi men theo hè phố. Khi đến nhà Hoa thì áo anh đã trắng nước mưa. Hoa đang chăm chú ngồi máy. Nàng tiếp anh trong lúc mặc vội tấm áo len. Thành phố nhỏ bé

sum họp bằng những nóc nhà thấp xám rêu, ngày mồng ba còn đậm đà hương vị tết. Thuận ra đi lần ấy, nhớ thêm được đôi môi đỏ phẫm hạt dưa của nàng và cái lạnh thiếu vắng của quê hương. Từ đó tới nay – hai năm qua rồi – vì sinh kế bận bịu, Thuận không có dịp nào về thăm nhà nữa. Anh đã để mất hai mùa xuân ở Huế. Hình anh Thủy, các em anh, nhiều người trong gia đình thương nhớ anh, như anh vẫn ao ước một mùa xuân trở về.

★

Thuận ra nhà thương được hai tuần thì gặp Hoa. Buổi đi chơi thường trực của anh, với mục đích kiếm việc làm, đã đưa anh đến dịp may. Hôm đó anh tìm được việc, lúc về gặp Hoa. Hoa đi bên lề

đường, dưới bóng những cây me xanh lá. Chiếc nón ngả màu xỉn, che khuất mặt nàng. Nàng cúi đầu đi, dáng tư lự. Lúc ngược lên thì vừa gặp anh. Hai người cùng dừng chân nhìn nhau, Thoáng giây Thuận nhận ra nàng và cất giọng trước.

– Kìa cô Hoa, cô vào đây bao giờ thế?

Hoa ngập ngừng mãi mới nói được một câu:

– Ông Thuận.

Thuận hỏi lại:

– Cô vào đây lâu chưa? Có việc gì hay . . .

Anh buông lỏng câu nói. Hoa chớp mắt:

– Tôi theo nhà tôi vào đây lâu rồi.

Thuận khẽ gật đầu.

– À, ra cô đã lập gia đình.

– Vâng.

– Thế anh nhà làm gì ở đây?

– Thư ký phủ đông. Nhưng mất rồi.

Thuận chưa tin ở sự ghi nhận của mình. Anh hỏi lại:

– Cô nói sao? Anh ấy mất rồi à?

– Vâng, nhà tôi mất hơn sáu tháng nay rồi,

– Bệnh gì?

– Thừa, lao.

Thuận nhìn dải khăn trắng buộc sau mái tóc búi tròn của Hoa. Anh bỗng nhớ tới người đàn bà búi tóc đứng ngoài

bờ cây nhìn vào bệnh viện ngày anh còn nằm ở đấy, Thuận lựa lời hỏi tiếp:

– Bây giờ cô làm gì để sống?

– Tôi làm thuê cho một tiệm may. Nhưng cũng sắp thôi. Tôi định về với bà cụ và anh chị tôi ở ngoài ấy.

Tự nhiên thấy lòng xót xa. Anh ái ngại nhìn xuống quần áo mình chép miêng:

– Tôi bây giờ cũng “tang thương” lắm rồi!

Hoa nhìn nhanh lại anh. Nàng nói:

– Ông bây giờ béo hơn trước chứ?

– Vâng, nhưng có lẽ mập thuốc thôi cô ạ.

Không đợi Hoa hỏi gì thêm. Thuận kể:

– Tôi cũng mới ở nhà thương ra nửa tháng nay.

Hoa mở to mắt ngạc nhiên.

– Ông bệnh?

– Vâng, lao - nhưng mới chớm.

Hoa thở dài cảm xúc. Thuận cũng buồn rầu nhắc nhở:

– Chóng thật, mới ngày nào. Thế mà cô đã đi ở riêng. Còn tôi vẫn cứ thế.

Hoa nói nhẹ:

– Tại ông muốn vậy chứ ai bắt.

Thuận vâng vê cổ áo:

– Giá ngày ấy cô nhận lời, thì tôi đâu đến nỗi...

Hoa di chân trên mặt đất:

– Ngày ấy ông giàu. Ông tự phụ, tôi không dám với cao.

Thuận ngửa bàn tay:

– Bây giờ thì nghèo rồi. Thất nghiệp và vừa kiếm được việc làm lương đủ sống thôi.

Thuận bảo Hoa bước chậm chậm bên anh. Anh chân chừ khá lâu, rồi nói thẳng với Hoa rằng:

– Đời tôi thua lỗ nhiều quá. Giá bây giờ có Hoa thì tôi đỡ khổ phần nào.

Hoa vẫn đi bên cạnh anh im lặng. Thuận nhìn nàng hỏi tiếp:

– Hoa nghĩ sao? Liệu như thế có được không? Tôi muốn chúng ta chấp nối, xây dựng lại, Hoa bằng lòng chứ?

Hoa không nói gì. Thuận thấy mắt nàng long lanh. Anh hỏi dồn:

– Sao? Hoa không ứng?

Hoa lắc đầu, mãi sau mới nhìn anh nói qua giọng nước mắt:

– Giá như ngày xưa thì em không lấy anh đâu. Nhưng bây giờ thì em bằng lòng.

Thuận sung sướng cầm chặt tay nàng. Nắng buổi trưa rừng rực. Anh nghĩ tới một phần cơm chia làm đôi, của những bữa ăn đầu, khi lương chưa có. Hai vợ chồng dựa vào nhau mà sống, mà an ủi, thương yêu nhau trong cảnh huống bần hàn. Thế lại đẹp cuộc đời. Chẳng bù cái lúc anh hoang tàng, quăng tiền ra sắm sửa, chiều chuộng những cô tình nhân, mà rồi chẳng ra sao cả.

Người vợ đến sau phải nhận lĩnh những thiệt thòi quá đáng. Thì ra tình yêu cảm thông tạo dựng hạnh phúc, đã khởi đầu từ những sự kém, hèn.

SONG LINH

Con chuột chù

Doãn Quốc Sỹ

Một tiếng động làm Kha sực tỉnh, Chàng đã ngủ được một giấc dài rồi thì phải. Tiếng động đó kèm theo với tiếng kêu - nói là tiếng thở thì đúng hơn - “hức hức” rất đều.

Lại con chuột chù quanh quẩn dưới gầm giường!

Căn nhà xinh xắn của Kha, Miên mới mua đều được các bạn bè khen là ngăn nắp và thoáng, thoáng vì có ba bề cửa.

Hai phòng và một gác xép để ở (con bé ở ngủ trên gác xép) bếp nước phòng tắm riêng biệt. Miên ngủ phòng trong, Kha làm việc phòng ngoài. Viết xong, hoặc khảo cứu xong hoặc đọc xong Miên trở vào phòng trong ngủ. Nhưng cũng nhiều khi Kha ngủ luôn ở chiếc sập gỗ phòng ngoài (chàng vẫn gọi đùa là chiếc divan local). Những buổi tối có bạn ngồi nói chuyện lâu, khi bạn ra về bao giờ Miên cũng mắc màn trước trên chiếc divan local ấy. Miên biết những hôm đó Kha phải làm việc khuya để đuổi kịp thì giờ.

Từ lúc sực dậy Kha lắng nghe...

Con chuột vẫn lẩn quẩn dưới gầm giường, tiếng thở nhẹ hơn nghe như tiếng thút thít.

Hàng tuần Miên cho rửa nhà vào sáng thứ bảy. Những viên gạch tàu sạch

bóng và đỏ ửng làm Kha nhớ đến màu nước sông Hồng miền Bắc và những lò gạch Bát Tràng ngay sát bờ sông. Kha không khỏi không khó chịu khi nghĩ đến cái khối nhỏ hôi ẩm là thân hình con chuột chù dương lê sát trên những phiến gạch thơm mát đó.

Kha ôn lại mấy tháng trước, khi Kha Miên vừa dọn đến căn nhà mới mua này. Thoạt là một con chuột chù nhỏ dài, lúc nó bò luồn vào gầm tủ trông như một con sâu lớn biết chạy, thực ghê tởm! Kha, Miên cho quét vôi, sơn cửa lại. Trong khi khiêng tủ ra người thợ quét vôi đã nhanh tay dùng cán chổi kẹp được đầu con chuột vào chân tủ.

Nhà cửa sơn quét lại phong quang hẳn trông như rộng ra, con chuột chù thanh toán xong, Kha thấy nhẹ người. Chừng hai tuần lễ sau, dương đêm ngủ

Kha nghe có tiếng chút chút bên dưới gầm giường: lại một con chuột chủ khác không biết từ đâu xuất hiện! Kha nghe tiếng nó tha giấy về phía cầu thang. Chiếc thang lên gác xép này được đặt trên cái hộp gỗ như hình cái bục nhỏ. Kha đoán là con chuột chủ mới định làm tổ bên trong khoảng hộp kín đó. Trời ơi, chỉ một con thì thọt trong nhà đủ làm Kha bứt rứt khó chịu như bị dằm tay mà chưa nhể ra được, nay nó lại định thiết lập cả một tổ chuột chủ trong nhà! May sao chừng ba, bốn hôm sau, con bé ở đương ngồi giặt quần áo ở khoảng sân nhỏ gần bếp thì con chuột chủ tự phòng nhà trên lao xuống. Mặc dầu không có ai đuổi, nó cũng kêu “chít chít” rồi cuống quýt chúi đầu lẩn sau thùng dầu. Con bé ở bỏ giặt, tay cầm chiếc guốc tới kéo mạnh thùng dầu sang bên. “Con sâu” dài ngoằng, đen chũi và có đuôi đỏ lần

này thì cuống cuống thật sự, nó chạy bổ trở lại đường cũ, con bé dùng chiếc guốc đập chặn nhưng không trúng, con chó lớn nhà hàng xóm từ cửa bên hông xô tới húc đầu vào con chuột. Thế là con chuột quay do, giãy đành đạch mấy cái rồi chết. Cái cách cuống quýt của nó khi chạy tựa hồ như cách nói lắp bắp của một người thiếu thông minh không biết ứng đối ra sao với lời người khác diễu mình, rồi khi bị mõm chó vừa đụng vào đã chết thực y hệt cái chết của hạng người dần độn, dần độn thương thay đến mức sống và chết hầu như không còn ranh giới nữa. Con chó ngẩng đầu lên rồi lẳng lẳng quay ra cửa bên hông (nó cũng biết khinh giống chuột chù), con bé ở chỉ việc xách đuôi con vật nhỏ, nát nhéo vút vào thùng rác.

Miên nói với Kha:

– Còn cống rãnh khó lòng nhà thoát được chuột chù vào như vậy anh ạ.

Nghĩ một lát Miên tiếp:

– Hình như giống chuột chù chỉ từ cống ngoi lên đến mặt đất là tối cao độ của chúng.

Dù sao thì Kha cũng thoát cái ám ảnh chuột chù trong một thời gian và chưa biết tìm cách đối phó với những con sau ra sao. Đêm ngủ Kha lắng nghe tiếng chuột rúc trên trần nhà bên hàng xóm. (Thành thử Kha bây giờ lại hay để ý đến chuột!)

Nhà bên là cửa hàng tạp hóa của một người Tàu đã nhập Việt tịch. Một cửa hàng tạp hóa có lẽ phải do người Tàu chủ trương mới lột được hết tinh thần của hai chữ “tạp hóa”. Ngoài hiên dưới

mái vẩy bằng tôn là chiếc tủ đóng đơn giản, chia ra từng kệ, trên đề từng chồng chậu sành bát sứ loại rẻ tiền. Dưới gầm tủ ngổn ngang những tỉnh nước mắm Phú Quốc, Phan Thiết. Trên nóc tủ là những thùng tôn lớn nhỏ đủ các cỡ, lớn là những thùng gánh nước, nhỏ là những thùng vục nước. Sát tủ dựng những chổi đót, chổi cọ. Treo lủng lẳng bên trên là những chổi nhỏ bằng rễ tre, những bàn chải lớn cũng bằng rễ tre. Góc hiên đối diện với tủ là chiếc xe ba gác dùng để đi lấy hàng. Phía trong, ba bể tường là ba chiếc tủ cao sát trần nhà bày những lọ trà, những chai la-de, nước cam, nước suối Vĩnh Hảo... ngăn thấp bày rau, củ cải, cà rốt... Ấy là chưa kể một quầy bằng gỗ tạp kê cao khoảng gần giữa nhà làm nơi thu tiền và để sổ sách... Ấy là chưa kể còn mảng tường trống bên trong, đóng nhô ra một ban thờ cũng bằng gỗ, thờ

Quan Công. Mười một giờ khuya, giờ đóng cửa, chiếc xe ba gác được đẩy vào, rồi những thùng tôn, những tỉnh nước mắm, những chậu sành bát sứ, chổi đót chổi cọ... được chất đống dưới sàn, trên xe. Như thế thì quả thực chuột cũng không còn chỗ chen nữa. Phải chăng vì vậy mà chúng kéo nhau lên trần.

Và đêm nằm chú ý phân tích tiếng kêu của chúng Kha thấy cũng thú. Có lúc hai con cắn nhau rồi chí choé cả lũ y như một gia đình vợ chồng đánh nhau, đàn con khóc bù lu bù loa bên ngoài. Có khi đó là tiếng kêu của con chuột trườn mình ra cửa tổ, các con khác vừa né mình nhường lối vừa như càu nhàu. Cứ nghe cái điệu trườn mình Kha cũng hình dung được thân hình chắc nịch của con chuột. Có lúc tiếng kêu thêm thiếp như con nọ làm nũng con kia, đó là lúc

cả gia đình nhà chuột đã yên tề yên tất con nào chỗ nấy.

Những con chuột này – lẽ cố nhiên không phải là chuột chủ – chúng bạo và khôn, đã có lần qua hiệu tạp hóa vào lúc vắng khách, Kha chứng kiến cảnh một con từ trên trần tuột theo chiếc dây thừng xuống ăn cắp một củ cà rốt lớn rồi lại leo ngược lên. Kha liền tưởng lại hồi nhỏ chàng bẫy chuột nhắt ở bếp bằng cách chống cái rá lên bằng một chiếc que có dây buộc, dưới rá rắc gạo. Khi chuột nhắt vào ăn gạo Kha giật dây cho rá ụp xuống. Thường thì chỉ lừa được một con đầu, con thứ hai đã biết ra phía sau ẩn cho rá ụp lệch xuống, rồi dàng hoàng bò quanh lại nhắt những hột gạo. Trông con chuột nhắt lúc đó sao mà hóm hỉnh. Về sau này Kha vẫn thường có ý ví những con chuột nhắt đó với người dân quê

nghèo nhưng tinh khôn trong việc sinh nhai độ nhật. Nhưng còn giống chuột chù biết ví với gì bây giờ? Cả một vùng hôi hám nó tỏa ra để tự vây bọc như thế thì làm sao nó chẳng yếu đuối về thể chất và ngu độn về tinh thần? Kha nhớ lại lời các cụ xưa: những nhà ăn ở thất đức, giàu sang bất nghĩa thường hay sinh ra lũ hậu duệ đần độn, dở hơi như vậy.

Mới tối hôm qua đây và có lẽ cũng vào giờ này, con chuột chù mới – con thứ ba – xuất hiện. Con này lần thân hơn hai con trước, đã dám leo lên đầu giường Kha khiến chàng phải vùng dậy rồi vớ lấy chiếc then cửa định đập chết, nhưng nó nhanh chân chạy vào buồng trong – buồng Miên – buồng này nhiều đồ đạc nên Kha đành chịu. Mùi hôi của con chuột đó còn vương vất mãi ở khoảng màn chiếu nó vừa bò qua. Cho

nên đêm nay nghe con chuột luẩn quẩn bên dưới, Kha e rằng nó sẽ leo lên đầu giường như đêm qua, chàng cương quyết vùng dậy, bật đèn sáng trưng, đóng cánh cửa thông vào buồng trong. Căn phòng kín, chỉ còn hai cửa sổ mở. Một tay lăm lăm cầm chiếc then cửa dài, một tay cầm chiếc guốc. Biết thế nguy con chuột chạy luồn dưới tủ sách, qua gầm bàn định vào buồng trong. Thấy cửa đóng, nó lùi ẩn dưới gầm tủ đựng ly, chén và không quên kêu lên mấy tiếng chít chít mà Kha cho là tiếng kêu ngạc nhiên. Kha khua chiếc then gỗ xuống gầm tủ đựng ly chén, con chuột kêu lên một tiếng lầy đà chạy ngược trở lại tủ sách và chui vào gầm sập. Kha kéo chiếc sập ra một chút rồi ấn mạnh vào, những móng chân sập sẽ kẹp chết con chuột vào tường. Lại một tiếng kêu và bóng đen chũi của nó chạy chéo qua gầm bàn. Trong khi nó quanh

quẩn trước cánh cửa đóng chưa biết tìm lối thoát bằng cách nào Kha đã chạy tới đập chiếc then cửa xuống. Con chuột không bị trúng vào đầu gây chỉ bị kẹp một chút. Nó kêu “chóe”, quẫy mạnh rồi vùng ra được để chui vào gầm tủ đựng ly chén, mẩu bánh mì ngậm ở miệng rơi ra. Nó đã kiếm được một mẩu bánh mì!

Con này khá mạnh – Kha nghĩ thầm – chắc là “chuột thanh niên” đây, cứ nát nhẽo như hai con trước thì một cái đập vừa rồi đủ quay đờ.

Có tiếng động, Kha quay nhìn đã thấy nó lúi lũi luồn qua tủ sách để trở về “an toàn khu” là gầm giường. Kha cúi xuống không nhìn thấy nó đâu. Nó đã kiếm được chỗ lẩn riêng biệt nào đó phía trong cùng.

Vẫn lăm lăm tay then tay guốc Kha

đứng rình ở góc cửa ra vào ngoài cùng. Nếu được nhìn hình mình trong gương lúc đó Kha hẳn phải buồn cười và ngạc nhiên, Sát khí đằng đằng! Có tiếng cựa mình phòng trong. Miên đã dậy và biết chàng đương rình đánh chuột. Nàng không hỏi gì. Có tới ba phút qua, con chuột không nhúc nhích. Sự yên lặng trong căn phòng xúc động từ tâm của Kha, sự yên lặng của Tử thần mà chàng là đại diện! Kha nghĩ vậy rồi chui vào màn nằm xuống, vặn để đèn bên ngoài. Chàng lắng nghe, bên dưới không cả tiếng thở của con chuột. “Con chuột thanh niên” này không những vừa mạnh lại vừa thông minh nữa, thực là vào hạng ưu tú của giống chuột chù. Kha nhắm mắt. Chàng có thể chợp ngủ và thậm mong con chuột nên biết lợi dụng lúc đó mà leo lên chiếc ghế dựa vào tường kia thoát ra ngoài bằng cửa sổ. Chàng

đã chộp ngũ thật! Khi chàng mở mắt ra, con chuột chù đang tìm lối thoát qua khe cửa vào phòng trong và khe cửa bên hông ngay gần đấy (hai cửa này hợp thành hình thước thợ). Nó cố bò dẹp người nhữn muốn mông như tấm “cá” để có thể chui qua nhưng không được, nó bèn nhảy cao mấy cái chạm vào cửa rồi rơi xuống. Bản năng giết chóc thức dậy trong Kha và chàng vùng dậy tay then tay guốc tiến lại, chàng đập khá mạnh chiếc then, tiếng kêu khô khan vang trong đêm khuya (chắc Miên bên trong đang mỉm cười). Thanh gỗ thì cứng quá, tay chàng thì vụng - xưa nay chàng vẫn vụng – chàng đập trượt, con chuột chui kịp vào gầm tủ ly chén. Mẩu bánh mì vẫn còn lẫn lóc đó, nó chỉ nghĩ đến cách thoát thân không buồn nhặt lại nữa.

Kha vừa luôn then xuống gầm con chuột đã kêu lên một tiếng rồi như một con chó cùng đường liều nhảy xổ ra định cắn người đánh mình, Kha luống cuống tránh sang một bên. Sự thực nó cũng chỉ cuống quýt chạy liều như vậy. Giờ đây nó đã trở về “an toàn khu”. Kha kéo cái sập ra một chút và trông thấy bóng nó ở góc trong cùng chân sập. Rón rén trèo lên sập, gạt màn chiếu sang một bên, Kha lao chiếc then xuống, chiếc then bị mắc lưng chừng vì khoảng trống giữa tường và sập quá hẹp, con chuột chạy lại phía cửa cũ nhảy lên cao mấy cái, dáng thật tuyệt vọng. Kha đã chạy tới và tay then lần này có đập trúng nhưng không được mạnh lắm, con chuột rúc lên một tiếng oản mình lại và vẫn chui thoát vào gầm tủ ly chén như thường, lần này vì sợ quá nó bình ra một cục xinh ngay gần mẩu bánh mì. Kha khẽ lắc đầu thương

hại nhưng chàng vẫn tiếp tục khua then xuống gầm tủ. Không thấy động tĩnh chàng đứng dậy nhìn xuống góc, đuôi con chuột thò ra ngoài quá nửa. Với những người bạo tay thì chỉ việc chộp đuôi đó nhấc bổng lên quật mạnh xuống là xong, nhưng Kha vốn ghê những cái gì nát nhẽo động đập như đĩa và chuột, nhất đây lại là chuột chù, chàng chỉ khẽ đập chiếc then... Như lần trước con chuột kêu lên một tiếng rồi nhảy xổ ra tiến về phía cửa ra vào, dẹp mình xuống nhưng không chui nổi đành rẽ vào “an toàn khu”. Thế là con chuột khám phá thêm một cửa lớn nữa, nhưng cửa đó cũng kín như hai cửa kia chẳng giúp ích gì cho nó. Bị đập trúng hai lần bộ lông nó có xơ xác và dáng chạy hoảng hốt nhiều tựa như vừa chạy vừa run lập cập.

Kha chống then, đứng nguyên chỗ

cũ thân người suy nghĩ. Chàng nghĩ lại mười năm trước đây hồi còn kháng chiến chàng được cử đến mấy trại tù binh người da trắng để hỏi khẩu cung, khai thác tài liệu. Phần nhiều họ thuộc đoàn Lê dương nên gồm gần đủ quốc tịch Âu châu: lính Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hung, Đức, Áo. (không có Anh). Mấy người Tây Ban Nha có vẻ cần cù, thật thà đôi khi thô lỗ, họ là dân những miền núi hẻo lánh phía Bắc: Andorre, Pampelune, Cantabria... và đã từng tham gia cách mạng chống Franco, bị truy tầm riết đành phải bán sỏi quê hương đăng vào đội Lê dương. Mấy tù binh Pháp, Ý, có vẻ tinh quái lém lỉnh riêng của họ, tựa như gặp cảnh nào họ thích ứng để vui với cảnh đó. Mấy người Đức trầm lặng hơn, hình như trước họ thuộc đoàn thanh niên Quốc xã của Hitler. Mấy người Hung luôn luôn khoe kinh thành

Budapest của họ thơ mộng hơn Paris; họ đã từng theo phe Tiều-tử-sản Địa chủ chống nhau với cộng sản cho đến khi cộng sản hoàn toàn thắng thế, họ phải chạy ra nước ngoài rồi gia nhập đoàn Lê dương Pháp.

Một số bạn Kha khi hỏi cung tù binh da trắng thường cố tình hỏi mĩa họ hoặc thực sự làm nhục họ. Một số khác đồng hơn đồng ý với Kha là nhục mạ tù binh không làm đẹp thêm chiến thắng của mình, trái lại nữa. Riêng với Kha, đã từ ngày ấy chàng có quan niệm siêu hình: làm nhục người khác là làm nhục chính mình, nhìn người khác quy lụy nhất là về miếng ăn – chàng có cảm tưởng như chính nhân phẩm mình bị sa sút. Bất cứ một cá nhân nào, theo ý Kha, đều mang trọn vẹn hình ảnh của nhân loại nói chung. Tước đoạt nhân phẩm của một

cá nhân là làm thương tổn đến nhân phẩm của cả nhân loại. Mặc dầu cán bộ kháng chiến trong quân đội không hề đeo phù hiệu nhưng tù binh thường thưa với người hỏi cung mình bằng câu: Mon Lieutenant (Thưa Thiếu Úy). Thoạt cách xưng hô đó có chủ tâm tàng bocc, nhưng nói chuyện với Kha được một lúc thì chủ tâm tàng bocc không còn, chỉ còn một tình cảm gần gũi, thân mật rất nhân đạo giữa hai người đối thoại. Kha vẫn ôm mộng giang hồ bốn bể, đặt chân khắp năm châu để mở rộng kiến thức, nên hề đọc được tài liệu nào về danh lam thắng cảnh quốc tế, danh nhân quốc tế chàng nhớ rất kỹ và rất lâu. Nói chuyện với tù binh Hung chàng nói về thành phố Budapest, bên Buda có gì đặc biệt, bên Pest có gì đặc biệt, quãng nào con sông Danube có đảo nhỏ, nơi nào có xưởng đúc kim loại, nơi nào có

xưởng dệt, nơi nào có nhà máy giấy, da, nơi nào là trung tâm sản xuất đồ hộp... Xen vào những câu chuyện thân mật đó chàng hỏi về quân số, về tên người chỉ huy, tổng số súng lớn nhỏ có trong đồn và số đã bị phá hủy. Tài liệu khẩu cung tù binh của chàng vì vậy bao giờ cũng dồi dào đầy đủ và chính xác. Đó là tự nhiên như vậy, chàng không hề cố tâm dùng phương pháp đó làm thủ đoạn. Một tù binh Đức có cùng Kha đem vấn đề phong trào lãng mạn Đức ra thảo luận. Đây là một vấn đề rộng lớn mà một số tác giả nổi danh đã viết thành tập bài khảo luận, in dưới nhan đề “Le romantisme allemande”. Kha đọc rất kỹ quyển này ở cơ quan (cuốn sách này tịch thu được cùng với các tài liệu khác trong chiến dịch Cao Bắc Lạng). Người tù binh biết lãng mạn Đức có một điều khác căn bản với phái lãng mạn Pháp. Phái lãng mạn

Pháp phản đối phái cổ điển và lý tưởng thơ của họ, ở Đức trái lại, Lãng mạn và Cổ điển sát cánh nhau để phỉ báng cái ngạo mạn của thứ duy lý ngỡ mình là vạn năng. Lãng mạn không phủ nhận những thành công của duy lý, họ chỉ có tham vọng tiếp tục công việc của duy lý với một phương pháp hoàn bị hơn, còn cổ điển của Goethe chính là một tham vọng vĩ đại muốn hòa hợp cân đối tất cả những yếu tố tinh thần con người.

Câu chuyện với người tù binh Áo nhẹ nhàng hơn. Kha nói Kha mến tâm hồn nghệ sĩ của người Áo. Kha nhắc đến tấm ảnh bìa của tờ Paris Match thì phải, bà mẹ Áo giơ tay ra đón đứa con tù binh trở về.

Người con hỏi: “Vienne hiện nay ra sao hở mẹ?” Và người mẹ trả lời: “Vienne vẫn khiêu vũ như bao giờ con ạ!”

Kha nhắc đến bữa ăn điểm tâm ở Vienne với chiếc bánh sữa tròn như trái cam lớn, tách cà phê sữa cũng tròn bằng sứ trắng và dày, một đĩa nhỏ mại kền trên có miếng bơ xinh, và một ly pha lê nước lạnh trong veo.

Kha nói bằng một giọng say mê hấp dẫn, chính những người đã từng qua thăm Vienne chưa chắc đã hiểu Vienne bằng Kha. Có lẽ chính anh tù binh người Áo tới lúc đó càng cảm thấy yêu quê hương xứ sở, anh thần người giây lâu rồi mới nói: “Thiếu úy đi nhiều lắm nhỉ?” Sự thực Kha chỉ tả theo những bức ảnh, nhưng chàng không cải chính.

Bên những chiến công của người Việt chàng muốn hoàn toàn chinh phục tù binh bằng tinh thần hiểu biết cởi mở của mình. Chàng không cho là mình đã nói dối bởi chàng yêu Vienne như

thế thật. Chàng yêu Vienne ở chỗ mỗi một đường phố – như lời chỉ dẫn bên dưới tấm ảnh – là một công trình nghệ thuật; nhưng chàng yêu Vienne nhất ở chỗ cứ nhìn vào tấm hình thì người bồi bàn cũng có vẻ trí thức và giữ được nhân phẩm riêng của họ. Lúc đó – lúc nói chuyện với người tù binh Áo – chàng mong sao kháng chiến sớm thành công để mọi người nỗ lực gây dựng kiến thức cho nhau, gây dựng nhân phẩm cho nhau, tôn trọng nhân phẩm của nhau. Nhân phẩm theo Kha, là một cái gì tự trong tỏa ra chứ không phải tự ngoài đắp vào. Kha lại nghĩ chàng bắt đầu xây dựng nhân phẩm của chàng bằng cách tôn trọng nhân phẩm của kẻ khác (của tù binh chẳng hạn). Sau này chàng còn nghĩ rộng: mọi chính thể chỉ có một con đường duy nhất là minh chứng sự hiện diện của mình bằng hành động gây

dựng và tôn trọng nhân phẩm của toàn dân. Hành động ngược lại thì dù lời hoa ý gấm đắp vào thân thể cũng không che nổi sự nghèo nàn của tâm hồn, nghèo nàn vì trước đối mình sau đối người, đã tự dối mình, tự phủ nhận mình như vậy, làm sao tìm nổi chân lý?

Sau đó Kha cùng Hiền bàn mưu rời khỏi Phụng Minh Thôn (bên Tàu) về nước, cương quyết bỏ vùng kháng chiến sang vùng quốc gia chính vì chàng hoàn toàn hết tin tưởng ở chính sách gây dựng nhân phẩm của già Hồ.

Tay chống then cửa, dưới căn phòng sáng trưng, bên ngoài có lẽ trời đã sắp sáng, con chuột chù vẫn nín thin thít dưới gầm “an toàn khu” cả một khối dĩ vãng ủa về với những kỷ niệm về tù binh, như vậy có liên lạc gì với hiện tại? Kha hiểu ngay: liên lạc ở chỗ chàng

không sung sướng gì trước cảnh những người hay những vật gặp bước đường cùng. Chàng chạy lại kéo chiếc sập ra một chút nữa: tấn bi kịch giữa người và vật cần kết liễu sớm, nhẹ cho con chuột, nhẹ cho chàng. Bông con chuột thở hỗn hển ở góc trong cùng kia bây giờ trông khá rõ. Kha trèo lên tường phòng đầu gậy xuống. Tuy không trúng nhưng con chuột cũng kêu lên một tiếng thất thanh và chạy ra phía cửa ra vào. Lông nó xơ xác lắm rồi, dáng bò khật khuỡng lặt đặt, nó quay đi quay lại trước cửa ra vào, nhảy lên mấy cái vô cùng tuyệt vọng, Kha đã nhảy xuống đập được một gậy và đè trúng ngang lưng, con vật khốn nạn cố vùng vẫy thành nằm lặt ngửa, Kha ép mạnh chiếc gậy, nó chỉ kêu được một tiếng nhỏ nữa rồi mồm há và ọc ra một ngụm máu, hai chân trước bị chặn dưới gậy, hai chân sau tiếp tục giãy. Nó nằm

tên hểnh, Kha nhận ra đó là con chuột cái. Nhịp giãy của hai chân thừa dần, nó ngáp, miệng tiếp tục rõ thêm mấy giọt máu đen quánh: sự sống đang tan rã trong nó. Sau cùng nó thôi giãy, hai chân buông ngật ra, đồng thời nới hạ thể dềnh lên một chút nước lấp lánh dưới ánh đèn. Người ta thường bảo những người bất đắc kỳ tử trong khi cố giãy dựa với cái chết, sau cùng thường xuất tinh khí, con chuột này cùng một trường hợp đó chẳng? Thế là sau một tiếng đồng hồ săn đuổi, Kha đã đoạt được sự sống của con vật. Hối chuông nhất vang lên tự nhà thờ gần đây (vào lúc bốn giờ rưỡi sáng) nghe như báo khúc tang ai.

Kha dùng chiếc kìm cặp đuôi con vật mang ra bỏ vào thùng rác trước cửa, dùng guốc xoa khoảng máu nhỏ để lại, rồi chẳng buồn kê lại giường, chàng mở

cửa trong tắt đèn chui vào màn ngủ.

Khi chuông đồng hồ hàng xóm gõ năm giờ, chàng sức dậy tưởng như có nghe tiếng động dưới giường. Chàng nghĩ thầm nếu quả có con chuột khác xuất hiện thì lần này với kinh nghiệm sốt dẻo chàng có thể thanh toán nó xong ngay. Nhưng không phải.

Sáng dậy Miên tự phòng trong ra hỏi:

– Anh đánh chết được con chuột rồi?

Kha gật đầu đáp:

– Anh đã vất vào thùng rác!

Vệt máu đen trước cửa ra vào, mẩu bánh mì và cục phân nhỏ trước cửa vào buồng trong là những di tích. Hôm đó là thứ bảy. Miên cho rửa nhà. Con bé ở

cho xối nước vào chân thang gác, ba con chuột nhỏ từ bên trong hộp gỗ trôi ra qua lỗ hồng và bị con bé đập chết tức khắc. Kha hiểu tại sao con chuột mẹ định tha mẩu bánh mì vào và tại sao mấy lần nó nhảy chồm lên cao một cách tuyệt vọng trước cửa đó. Lý trí nói: Kha đã thanh toán được cả ổ chuột chủ trong nhà. Bệnh dịch hạch chớm phát ở một tỉnh duyên hải, sự thanh toán đó càng đúng lúc.

Nhưng nhìn đứa trẻ con hàng xóm ngáp, rồi liên tưởng đến con chuột ngáp và ứa máu dưới thanh gỗ chặn ngang ngực, Kha thấy ngậm ngùi và như bị chìm ngập trong một tình cảm tội lỗi.

DOÃN QUỐC SỸ

Vết thương

Tạ Ty

Vũ đi như người đang trí, từ lúc ra khỏi phòng khám bệnh. Những bước chân hồ hững, đập không vững trên mặt hè phản ánh chiều vàng hoe trải rộng theo từng ô vuông đuổi nhau nối tiếp. Những ô gạch vuông cam nín của một đại lộ bình yên chạy dài theo gờ tường cao ngất. Có những đại lộ không bao giờ bị xáo trộn bởi tiếng động. Sinh lực của đại lộ nằm kín sau những chiếc cổng sắt, sau những khuôn cửa thăm

thăm của những tòa biệt thự sống biệt lập, như giam cầm con người vào sự an lạc, tưởng như muôn đời không thay đổi.

Vũ đi quên cả những ngã tư, và cũng chẳng định cho một chiều đi nhất định. Hình ảnh của buổi chiều phai dần trên mái tóc bông theo gió. Hắn nhìn lên, hay cúi xuống, thì trước mắt lúc nào cũng mở ra một chiếc vực sâu thẳm, ở trong chiếc vực đó có những màng trắng nổi lên. nổi lên dần dần và sau cùng giăng kín như mạng nhện. Ở trong chiếc mạng nhện khổng lồ đó, Vũ nhìn thấy mình đang quẩn quại giãy giụa và sau cùng, những mắt lưới rách tung!...

Hắn thấy hối hận tại sao lại đi khám bệnh? Có những sự thật mà chính mình không bao giờ nên tìm hiểu. Hãy cứ để nguyên cho tới khi nào nhắm mắt, ta tìm ra cũng chưa muộn. Trong một lúc quá

lo lắng, hần quên mất một phương pháp để sống. Phương pháp ấy thật giản dị đến tiêu cực, nghĩa là sống đến đâu hay đến đó, ai mà chẳng chết, cứ gì phải mang bệnh. Những cái chết bất ngờ cũng như cái chết dần dần đều đi vào một kết thúc là thua hết cả.

Nhưng bốn phận của Vũ không cho phép hần được nghĩ như vậy. Dù trong một thoáng hần cảm thấy từ phút ở phòng khám bệnh đi ra, rằng cuộc đời của mình đã rẽ sang một ngã khác.

Lần này là lần đầu tiên hần đi khám bệnh tại một phòng khám bệnh chuyên môn về phổi. Rồi đây, làm sao hần quên được hình ảnh của chiếc phổi in nhàn nhạt sau những chiếc xương trắng mờ mờ chạy vòng cung vút ra ngoài miếng phim đen có in tên Vũ trên góc trái và ngày tháng chiếu điện. Những vết trắng

loang lỗ nhấp nháy in trên tấm phim còn ướt nước đã nói cho Vũ thấy sự thật do khoa học tìm ra. Hắn quên làm sao được giọng nói trầm trầm của vị bác sĩ, nửa như an ủi nửa như phũ phàng, khi ông ta cho Vũ biết tình trạng của hai lá phổi đã nát một bên.

Vũ tần ngần nhìn tấm phim treo lơ lửng trên chiếc khung kính trắng đục, có đèn rọi sáng bên trong làm cho trông rõ hết hình ảnh ghê sợ mà Vũ muốn không phải là sự thật. Vũ quay mặt sang chỗ khác như trốn tránh một hình phạt, vô tình hắn bắt gặp đôi mắt của cô nữ y tá nhìn hắn với sự lạnh nhạt, coi như kẻ bệnh đứng đây không có nghĩa là đau đớn, tủi nhục. Có lẽ nghề nghiệp đã làm cho rung động của cô gái khô lại, vì hàng ngày có biết bao bộ ngực đã được soi lên ánh đèn để tìm thất vọng hơn là hy vọng.

Nếu quả thực như thế, đáng thương biết bao nhiêu! Vũ cũng không đọc thấy gì sau gương mặt khắc khổ và khô khan của người bác sĩ, có họa chăng, một dấu hồng thập tự nhỏ xíu tượng trưng cho tình thương được gắn lạc lõng trên chòm mũ trắng tinh. Vũ thấy ở đây người ta quá quen cùng bệnh tật, sự đau đớn tiếp diễn hàng ngày làm cho không còn xúc động.

Nhưng tâm trạng của người bệnh lại khác. Họ cần một chút an ủi, một chút mền yêu để xây dựng trên thất vọng, một tia sáng mong manh của hy vọng, dù là tia sáng do tưởng tượng, nhưng rất cần cho những kẻ như Vũ.

Từ lo sợ đến bức tức Vũ không thể chịu nổi không khí của phòng khám bệnh với chiếc máy chụp đen sì đứng sừng sững ở cuối phòng, mà lúc này Vũ

đã đứng thẳng người, quặt hai tay ra đằng sau, áp ngực vào khuôn gỗ, cảm ghếch lên chiếc then ngang ở phía trên. Những cảm giác là lạ chạy từ gót chân lên óc. Cảm giác ấy rất đơn sơ, nhưng sâu kín, nó làm cho Vũ khắc khoải trong những phút đợi chờ để xem kết quả, Vũ không thể phân tách nổi những ý nghĩ hỗn loạn lúc bấy giờ, nó như những đợt sóng nhẹ nhưng dồn dập xô vào bờ cát. Từng hạt cát lăn đi, cọ sát vào nhau mà âm thanh tuy không rõ nhưng sắc bén lạ lùng, có thể làm rớm máu.

Bị vây bọc bởi những lạnh lùng của nghề nghiệp, Vũ phải tự mình tìm lấy một niềm an ủi. Niềm an ủi ấy tuy tàn nhẫn, nhưng biết làm sao, khi người ta cần nó để níu cuộc sống. Niềm an ủi ấy chẳng có nghĩa gì, nhưng với Vũ nó có một giá trị, ấy là hẳn không phải kẻ

mắc bệnh lao cô độc. Vì hẳn biết rằng ở phòng đợi phía ngoài kia, còn vô số những bộ ngực chờ đến lượt mình. Vũ nhìn thấy có bộ ngực căng lên đầy nhựa sống và có cả bộ ngực lép kẹp dầu sau những mầu áo rộng. Những kẻ đến đây đều mang theo nghi ngờ cho nên họ hiểu nhau qua. những cặp mắt buồn như lá rụng. Họ bi quan, sớm nghĩ đến đoạn chót của cõi đời sắp được phơi bày trên miếng phim đen thẳm. Hơn nữa, còn có kẻ coi lẽ sống của mình bắt đầu bằng những lo sợ. Mà họ lo sợ là phải, một khi vi trùng lao đã đột nhập và tàn phá sự sống làm cho mỏng đi chuỗi thời gian góp mặt.

Bị ám ảnh bởi những hình ảnh hấp hối của ngày mai, Vũ quên cả khoảng thời gian mình đang sống. Vũ chẳng biết mình sẽ đi đâu, đến đâu? Những bước

chân thất thần lê dài trên những vĩa hè của nhiều đại lộ đã thấp thoáng biến dần trước khung trời màu thép rỉ.

Một cơn gió mạnh thổi hất vào người Vũ làm hấn ghê ghê da thịt. Sự cọ xát của làn vải mỏng dán vào ngực, rung phần phật theo hơi gió làm cho Vũ chợt nhớ rằng mình đang tiến dần ra phía bờ sông. Những chiếc cột buồm màu xám nhạt nhô vút lên cao sau hàng cây ngả nghiêng như say rượu. Một vài đốm sáng nhấp nháy lác lõng trong lòng trời khép lại.

Đây là một buổi chiều rất đẹp trong những buổi chiều của thành phố. Những vạt sóng màu run rẩy quấn lấy nhau, dìu nhau vào tuổi mộng hoa niên. Vũ thấy yêu đời lạ lùng. Vũ níu lấy sự sống hồn nhiên như một kẻ vừa đi qua sa mạc mà không chết khát. Không khí dịu dịu

theo từng đợt gió liên tiếp làm cho Vũ dễ thở. Vũ đi thẳng đến phía công viên với những bồn cỏ xanh mượt tưởng như có thể nằm xuống một cách êm ái, để ngửa mặt lên nhìn giải Ngân Hà đọng lại như dòng sữa loãng trên tấm nhung tím sẫm. Nhưng lúc này Vũ thấy muốn tìm một chỗ vui vui để quên mình. Sự cô độc làm cho Vũ ghê sợ. Nói trắng ra, Vũ muốn quên hiện tại, vì hiện tại đối với Vũ lúc này là hình ảnh gặm nhấm từng giờ, từng phút mảnh đời của Vũ. Viễn ảnh của năm mồi của một bên phổi đã nám, của muôn triệu con vi trùng nhỏ xíu đang đến gần hần quá. Hần yếu đuối không đủ can đảm tranh đấu cùng bệnh tật. Có lẽ, mặc cảm tiêu cực đã đến với Vũ hơi sớm và không được sửa soạn trước, như một người lính đột nhiên phải chiến đấu mà trong tay không có vũ khí để tự vệ.

Vũ ngồi xuống chiếc ghế đặt gần mé sông. Giờ này là giờ ăn cho nên bờ sông Sài Gòn đã vắng bớt. Hai tay khoanh trước ngực, Vũ đắm đắm nhìn dòng nước chảy lờ đờ bên mạn chiếc tàu chiến. Những họng súng đen ngòm hếch mũi lên vòm trời thách đố. Những chàng thủy thủ quần áo trắng bộp đang nhớn nhơ đi, lại trên boong. Một vài gã nhìn lên bờ, chỗ có bóng đàn bà, ngần ngơ như thèm khát, vì hình như chán cảnh trời có cao nước có rộng nhưng thiếu yêu thương. Trái lại con tàu được xả hơi, phun khói phì phì, hục hặc như bất mãn với tấm thân ngàn thước quen vùng vẫy với sóng cao, gió cả mà giờ này nằm đây giam hãm giữa hai bờ chật hẹp. Những hình ảnh trái ngược cứ nối tiếp nhau in hằn trong óc Vũ làm cho hẳn suy nghĩ không biết rằng nên làm con tàu hay người lính thủy? Sự suy nghĩ

đó không có lối thoát vì bản chất của Vũ không phải là phản ánh của những hình ảnh trên, và cuộc đời Vũ là những đợt sóng ngầm, ở dưới gầm tàu kia, tuy nó không mãnh liệt nhưng dai dẳng và làm cho chiếc tàu cùng anh thủy thủ lay động không ngừng. Rất có thể nó biến thành những phiến mây bay lang thang khắp bốn trời để tan vào hư vô một phút nào không định trước.

Vũ cứ ngồi giăng co với chính mình bởi những sự kiện không tưởng, quên cả đói mệt, và ám ảnh của bệnh tật. Ánh đèn sáng bùng lên xung quanh Vũ lúc nào hẵn cũng không biết. Màu trời và dòng sông lúc này hình như hẹp lại. Dăm ánh lửa chài thấp thoáng phía bờ bên kia lưu động như những đốm ma trôi. Vũ thấy trong người dễ chịu nhẹ nhõm. Hẳn nghĩ rằng, nếu chiều chiều

ra đây hứng gió sau những giờ làm việc có lẽ phổi hẳn không đến nỗi mất một bên. Vũ nghĩ nhiều, nhiều lắm. Nhưng cuối cùng hẳn cho là định mệnh, tất cả do sự định đoạt tối cao đã an bài.

Vũ rùng mình khi tưởng tới thái độ của bè bạn, của những người xung quanh nếu họ biết Vũ đã mắc bệnh lao. Họ sẽ có một thái độ nào đối với Vũ? Chắc chắn là họ sẽ đề phòng và xa lánh dần vì sợ di lục bởi thứ bệnh truyền nhiễm ghê gớm đó. Cả cô gái có bộ tóc mun ở đầu ngõ nữa, liệu cô ta có còn nhìn Vũ với những ánh mắt đắm đuối mỗi khi Vũ đi qua. Chẳng may vì sự tình cờ cô ta biết Vũ đã nuôi vi trùng lao trong ngực? Tất cả mọi người sẽ tránh Vũ. Có chăng chỉ còn lại người Mẹ già lắm cảm đang chong đèn chờ Vũ về ăn cơm chiều là không bao giờ bỏ Vũ. Nghĩ đến Mẹ lòng Vũ quặn

đau. Người đàn bà không may suốt cả một đời vì góa bụa giữa tuổi thanh xuân, soi gương nhìn cặp mắt sâu dần theo từng đêm mất ngủ. Màu má sạm đen vì nắng gió. Mười ngón tay héo dần, nổi gân chằng chịt vì làm lụng quá vất vả để nuôi con, đứa con độc nhất, với bao nhiêu hy vọng của ngày mai. Ngay mai, chao ôi! Vũ đã lớn khôn rồi, và người mẹ vẫn phải lê chuỗi ngày chẳng lấy gì làm tốt đẹp vì đứa con lại theo đuổi cái nghiệp văn chương. Và đau đớn biết bao nhiêu, một khi được biết nguồn hy vọng cuối cùng của cuộc đời là Vũ, nhựa sống đang teo dần lại.

Mảnh trăng hạ tuần nhô lên khỏi rặng cây phía bên kia bờ sông. Màu trắng xanh như mặt ngọc. Gió thổi nhiều hơn, làm cho Vũ thấy lạnh. Nghĩ đến Mẹ già đang chờ đợi bữa ăn chiều, Vũ đứng dậy

đi về. Hai tay thọc vào túi quần, Vũ lững thững, nhìn vắn vơ trên đầu những cột buồm phản chiếu ánh trăng, trắng toát. Đài quan sát của chiếc tàu chiến với những đường cong của chiếc lan can mờ mờ in lên màn đêm làm cho Vũ có cảm tưởng như những chiếc xương ngực chạy vòng cung trong tấm phim chiếu phổ. Để tránh ám ảnh, Vũ không dám nhìn lên. Giờ này bờ sông lại bắt đầu vui trở lại. Từng đôi một, dắt tay nhau đi dạo mát giữa mùa ân tình đang lên theo gió. Ở trong những lùm cây thấp, Vũ nhìn thấy người ta đang trao đổi yêu thương. Một cảm giác sượng sùng đột nhiên len vào tâm trí Vũ rằng, biết đâu họ chẳng tặng cho nhau từng khối vì trùng lao để làm kỷ niệm! Bất giác Vũ cười thật to.

Ánh trăng trôi dần lên đỉnh trời bát ngát.

Về đến nhà Vũ thấy Mẹ đang ngồi chờ ở bậc cửa. Ngọn đèn bốn mươi nến đỏ quanh làm cho căn nhà chật hẹp càng oi bức. Bao nhiêu gió của trời đã bị những dãy nhà cao bốn phía nhốt lại cả rồi. Vũ thấy trong người nóng nực lạ thường.

– Vũ đã về đấy con? Bà cụ vừa hỏi vừa lấy hai tay chống vào gối để đứng dậy.

– Thưa Mẹ vâng ạ! Vũ trả lời xong, bước vội vào nhà.

Mâm cơm nằm tênh hênh trên mặt phản làm cho Vũ không muốn ăn. Cả người Vũ mỏi rã rời, Vũ muốn nằm nghỉ hơn là ăn lúc này.

– Con thay quần áo tắm rửa rồi ăn cơm. Trời hôm nay oi quá.

Bà cụ nói câu sau để cảm thông với sự vất vả của đứa con kiếm tiền nuôi Mẹ già với tất cả lòng hiếu thảo. Mà thật thế, Vũ là một người con rất có hiếu. Không bao giờ Vũ làm cho Mẹ già phải buồn, trừ một việc là bà cụ bắt Vũ lấy vợ. Lấy vợ, Vũ đã nghĩ nhiều về hai chữ đó. Vũ đã hiểu tất những lệ thuộc và trói buộc của một bốn phận nữa, trong lúc mà bốn phận làm con Vũ chưa lo xong. Vũ thấy xấu hổ khi tưởng đến nỗi cơ cực của Mẹ già, đến lúc này mà vẫn đeo chuỗi ngày tàn lênh đênh theo sự chìm nổi của đứa con chưa thành người. Buổi chiều nay Vũ càng thấy thấm thía hơn. Niềm tủi cực mệnh mông dâng lên, dâng lên như muốn chìm hẳn đời Vũ vào đáy vực.

Vũ gieo mạnh người xuống chiếc ghế xích đu, thở nặng nhọc. Vũ cảm thấy ở trên ngực mình có ai đặt lên tảng đá.

– Chiều nay, con mệt quá. Mẹ cứ ăn cơm trước đi, con chưa thấy đói! Vũ nói câu đó giữa lúc bà cụ đang xới cơm vào bát.

-Sao thế con, Mẹ chờ con vậy. Mẹ cũng chưa thấy đói.

Bà cụ nhìn Vũ với tình thương yêu vô bờ bến. Cái nhìn ấy chỉ có thể có ở những bậc từ mẫu. Vũ biết rằng nếu mình chưa ăn Mẹ cũng không nỡ ăn trước dù Mẹ có đói. Đã từ lâu lắm hai chiếc bóng cứ sống xập xệ ở khắp các ngoại ô để thương mến và đùm bọc nhau cho tới khi nào một kẻ nhắm mắt. Vũ đành chiều ý Mẹ đứng dậy đi về phía mâm cơm. Nâng bát cơm đưa lên môi

Vũ đã có cảm tưởng là không thể nuốt được. Vũ ăn cơm mà tưởng như mình nhai trấu. Trong lúc ấy bà cụ hình như cũng cố ăn cho xong bữa. Những ngọn rau xanh rờn lòng thòng, run rẩy ở hai đầu đũa như muốn rơi xuống.

– Chiều nay có ai tìm con không, Mẹ?

Vũ hỏi để làm nhẹ bớt không khí nặng nề, oi ả bất thường của một buổi chiều đã tắt trong lòng Vũ trước giờ mặt trời lặn.

– À, có cậu Hà lại tìm con. Thấy con đi vắng, cậu ấy viết giấy lại, mẹ để ở bàn của con kia!

Bà cụ và nốt miếng cơm rồi nói tiếp:

– Hôm nay cậu Hà tới với hai người con gái mà mẹ chưa thấy lại thăm con

bao giờ. Gớm hai cô gái ăn mặc sang quá chừng, nước hoa thơm phức. Mẹ nghe thấy một cô hỏi cậu Hà rằng, đây là nhà Vũ vẫn viết trên báo của anh phải không? Cậu Hà bảo phải. Cô gái ấy cười ngất và chê căn phòng làm việc của văn sĩ gì mà bẩn như cái bếp. Mẹ chắc cậu Hà ngượng, vội chào to mẹ rồi kéo nhau đi. Khi họ đi rồi. Mẹ thấy tức quá, định hôm nào cậu Hà xuống đây, mẹ sẽ bảo cho cậu ta biết và cấm cửa cô ấy. Rõ cái đồ con gái!....

Bà cụ nói đến chữ gái thì trề môi ra như tỏ ý khinh bỉ, và trong thâm tâm bà cụ muốn dùng một câu khác nặng hơn có thể là « rõ cái đồ con đĩ ». Nghe mẹ nói, Vũ thấy lòng thất lại. Vũ đứng dậy đi ra phía bàn viết. Mảnh giấy con con của Hà viết cho Vũ được chặn bởi chiếc

gạt tàn thuốc lá. Vũ cầm lên, đây là mấy lời ngắn ngủi của Hà viết:

Vũ thân,

Nhà in đang chờ bài của cậu cho số báo này. Sáng mai có người xuống lấy – Hà.

Vũ vò nát mảnh giấy trong lòng tay. Môi Vũ mím chặt lại, mắt nhìn trừng trừng vào tập bản thảo đang viết dở. Vũ nghĩ đến người con gái, nghĩ đến Hà, người bạn thưở nào cùng đôi rách như nhau và cùng theo đuổi cái nghiệp chướng này. Hà đã từng biết thế nào là nỗi đau sáng tạo, Hà đã hiểu thế nào là giá trị của một dấu chấm câu. Hà đã nguyên rửa sự bóc lột trí não văn nghệ sĩ. Nói tóm lại, Hà đã căm thù những cái gì đáng căm thù và đã yêu những cái gì đáng mến. Hà là một người bạn

hoàn toàn, ngoài cái giá trị văn chương thiên phú. Vì một hoàn cảnh may mắn Hà được một người quen giao cho phụ trách tờ báo, Hà vội nghĩ đến Vũ và nhờ Vũ cộng tác. Vũ đã say mê, nếu không nói là hy sinh để làm việc với số tiền nhuận bút quá ít ỏi. Nhưng để bù lại, Vũ nhìn thấy một tương lai đang từ từ lộ ra những sắc màu diễm tuyệt. Vì sự hy sinh và ham mê nghề nghiệp mà kết quả là sự thật của hôm nay đây. Niềm hối hận mong manh thoáng qua trong tâm trí Vũ. Vũ đã phung phí quá nhiều sức khỏe trong những đêm trắng vì say mê nghệ thuật, say mê một viễn tượng quá đẹp. Vũ sáng tác quên cả cái kiếp nghèo đang dày vò hai thể xác. Bóng Vũ đen ngòm in hằn lên gờ tường như một vết mực loang. Mồ hôi vã ra. Một tiếng ho khan bật lên, Vũ lao đảo đi về phía cửa sổ có kê chiếc đi-vàng cũ. Vũ nằm

vật xuống, đè lên cả những tập sách báo ngoại quốc. Vũ sức nhớ lại những cơn sốt nhẹ mỗi buổi chiều, và đêm đêm đổ mồ hôi trộm. Ít lâu nay Vũ thấy người mệt mỏi, ăn không được, và sức làm việc tự nhiên sút kém. Lúc đầu, Vũ coi thường, và yên trí nghỉ làm việc ít hôm thì lại khỏe ngay. Nhưng nào Vũ có nghỉ được, vì công việc đã trót hứa với Hà. Cho tới chiều nay, Vũ đã tìm thấy sự thực qua tấm phim. Một sự thực tàn nhẫn mà không bao giờ Vũ có thể ngờ rằng mình bị lao. Thế là hết. Bao nhiêu khao khát về tương lai, bao nhiêu hy vọng của Mẹ già mong nhìn thấy sự thành công của đứa con yêu quý. Vũ nhìn lại chỉ thấy cay đắng. Mái tóc của mẹ hiền đã bạc phơ theo tuổi thời gian mà sự chua cay vẫn chưa buông tha một kiếp người. Vũ uất hận vì đã thua cuộc đời quá sớm.

Tiếng chuông đồng hồ nhà bên lạnh lùng đổ hai tiếng rời rạc. Vũ trần trọc trở mình. Hắn muốn ngủ để quên thất lạc và lo sợ vẫn vợ nhưng nào có ngủ được. Vũ mở to mắt nhìn lên đỉnh màn. Trên nền trắng nhờ nhờ của màu vải Vũ thấy hiện dần lên những vết đen cong cong của từng chiếc xương sườn và chập chờn loang lổ như những vết thủng do sự tưởng tượng tạo nên. Vũ nhồm người ngồi dậy.

Thế nào, giờ này mà con chưa ngủ hả Vũ? Bà Mẹ trở mình hỏi se sẽ kèm theo tiếng thở dài nhẹ nhàng.

-Thưa Mẹ chưa, sao đêm nay con khó ngủ quá.

-Cố ngủ đi con để lấy sức, độ này Mẹ thấy con gầy rạc hẳn đi. Làm việc in ít thôi!

Tuy bà cụ khuyên con như thế, nhưng bà cụ cũng hiểu rằng Vũ làm việc nhiều mà mẹ con còn vất vả thế này, nếu Vũ làm việc ít thì sẽ ra sao?

Vũ chui ra khỏi màn đi về phía bàn viết cho tay bật đèn. Bà cụ cũng dậy theo, ngồi nhìn con mình với đôi mắt xót thương.

-Thôi Mẹ cứ đi ngủ đi, đêm nay con phải viết nốt cho xong bài để mai đưa cho kịp in.

Bà cụ không nói gì nhưng Vũ đoán Mẹ không bằng lòng mình vì sự quá phung phí sức khỏe, chứ bà cụ có hay đâu tâm trạng của Vũ lúc này? Tập bản

thảo mới viết tới trang thứ 9, mặt giấy bị đập xóa nhiều chỗ như những vết dao đâm. Vũ nhìn xuống mặt giấy và có cảm tưởng những nét mực đậm kia là những vết thương của lá phổi mình. Vũ cầm lấy bút, mắt sáng quắc lên, từng dòng chữ chạy loang loáng nhấp nhánh dưới ánh đèn. Kể từ khi biết làm cái chuyện văn chương chưa bao giờ Vũ thấy mình viết lại thanh thoát như lúc này. Vũ cho rằng nếu mình không viết được chắc là phải chết quá. Vũ vừa viết vừa nhìn thấy nét mặt của Hà, sáng mai sẽ tươi cười đón lấy tập bản thảo một cách vô tư và cho rằng đó là bốn phận của Vũ! Cái bốn phận mĩa mai và cay đắng!

Tiếng quạt phành phạch đuổi muỗi của Mẹ làm Vũ mất cảm hứng. Vũ quay sang để van xin Mẹ đi ngủ, nhưng bà cụ không nghe cứ ngồi nhìn con mình

đang tự giết cuộc sống. Bà cụ không nói một lời nào. Vũ thấy lòng thương của Mẹ có đôi lúc làm cho hẩn khổ. Hẩn lại cúi đầu xuống bàn viết. Ngòi bút kéo lê trên mặt giấy xào xạo. Không khí mát rượi và vắng lặng ở bên ngoài. Ánh đèn đỏ quanh chiếu chếch vào mặt hẩn làm nổi lên những chỗ lồi lõm của gò má gầy guộc. Những chiếc gân cổ nổi lên to bằng chiếc đũa kéo dài ra như muốn đứt. Lúc này Vũ đã bị những tư tưởng lôi cuốn, hẩn quên hết, và tất cả chỉ còn lại những dòng chữ cào vào mặt giấy. Nếu có ai để ngay chiếc gương trước mặt Vũ cho hẩn nhìn thấy nét mặt, thì có lẽ hẩn phát sợ và không tin người trong gương là mình. Nhưng Vũ nào có hay sự suy sụp của thể xác mình như một chiếc lá héo dần để rồi một buổi nào có gió hanh về là rụng xuống.

Đã bao nhiêu lâu rồi đêm nay Vũ mới tìm thấy sự giải thoát trong sáng tác. Cảm hứng tràn đầy trút xuống như dòng thác lũ. Xấp giấy cứ dày dần lên. Hắn nở nụ cười méo xệch mỗi khi đắc ý, đôi mày cau rúm lại mỗi khi ngòi bút dừng lại. Vũ làm việc quên cả đêm sâu và quên cả sự buồn rầu của Mẹ hiện đang đếm thời gian trong tiếng gà gáy xa xa để tìm lại những niềm vui đã mất.

Vũ quên hết cả bệnh tật, cả những ám ảnh của buổi chiều. Hình ảnh người bác sĩ cũng như cô nữ y tá nếu có hiện ra lúc này chỉ làm cho Vũ coi thường, và vì tròng lao chẳng có giá trị gì với sức sống của con người văn nghệ không cần khoa học.

Vũ viết, mê mải viết vào đoạn kết của câu truyện. Sự thất, mở của bố cục làm cho Vũ gục đầu tìm lối thoát cho nhân

vật điển hình, tìm một hướng đi lên cho tư tưởng triều đại. Năm đầu ngón tay của Vũ đã cứng lại vì viết quá nhiều. Vũ dần mạnh bút xuống mặt giấy, viết nốt câu cuối và khi dấu chấm câu đặt xong thì ánh sáng cũng vừa mờ mờ qua ô cửa. Vũ thấy mệt mỏi. Hắn gục đầu lên tập bản thảo, mắt nhắm lại. Một cơn ho bất chợt nổi lên. Vũ đưa tay ôm ngực. Hắn thấy cổ ngứa ngáy như buồn nôn. Mệt mỏi đã làm cho hắn rã rượi như con chim bị thương. Hắn lại gục đầu vào tập bản thảo và cơ hồ như không đủ sức nhìn lên. Một hơi gió sớm nhẹ nhàng lùa vào. Một tiếng ho bật lên to, Vũ choàng dậy mở to đôi mắt.

Tập bản thảo của Vũ đỏ lòm, nhòe nhoẹt dưới ánh đèn nhạt bóng đêm.

Bến đò

Thanh Nam

Trận mưa phùn trắng xóa bồi nhòa khoảng sông trước mặt. Huyền chụp chiếc mũ dạ lên đầu sửa soạn lại hành lý, hồi hộp đợi giờ xuống bến. Tiếng hành khách lao xao. Một hồi còi rền rĩ. Những vệt sáng từ những quán cơm trên bến hiện ra. Huyền mừng tượng ra trước bộ mặt quen thuộc của bến tàu, hình ảnh thân mật nhất mà chàng đã giữ của thành phố Nam Định suốt trong bảy năm qua. Nhà máy tơ,

nhà máy sợi với những ống khói đen sạm, khu vườn hoa gần chợ, những hình ảnh đó chìm xuống để cho hình ảnh những căn nhà ven bến tàu, con đường dọc theo bờ sông trải những lớp dăm than đã hiện ra đậm thắm trong trí nhớ của Huyền. Chàng khoác chiếc áo mưa lên người và lách qua những đông hành lý ngổn ngang trên sàn, tiến về phía cầu thang dẫn xuống cửa tàu. Mùi lá bánh giò, mùi than tàu và những mùi gà vịt bốc lên nồng nặc. Huyền đứng chen vào giữa đám đông, nhướn mắt nhìn lên bờ. Chiếc cầu gỗ dài vừa bắc xong, Huyền đã hấp tấp bước xuống. Từ trên bờ, Tiếp co ro trong chiếc áo da nhà binh oang oang cất tiếng gọi Huyền. Chàng đi nhanh lại phía người anh họ và định reo lên hoặc là tỏ một cử chỉ gì biểu lộ sự cảm động, niềm vui ghen ngào của buổi gặp gỡ, nhưng chỉ nói được vồn vện một câu:

– Anh đợi có lâu không?

– Không. Tôi vừa mới ra đây thôi. Bữa nay lạnh quá. Chú đưa chiếc va-li cho tôi mang đỡ.

Vừa nói, Tiếp vừa giằng lấy chiếc va-ly trên tay Huyền. Hai anh em xa nhau đã bốn năm trời nhưng Huyền vẫn không thấy Tiếp thay đổi chút nào. Giọng nói láu táu, dáng đi nghiêng ngả như một gã say, Tiếp nói chuyện luôn miệng.

– Đạo này, chú có dễ chịu không? Công việc làm ăn trên ấy ra sao?

Huyền vừa định trả lời thì Tiếp lại nói luôn:

– Nhà tôi vừa ở cũ cháu gái, chắc chú chưa biết. Thử trước, tôi quên không báo cho chú biết tin.

Ngang qua một tiệm cơm, nhìn thấy chiếc bếp than rừng rực hồng, Huyền dừng lại.

Ta vào đây uống cái gì đã.

Tiếng mỡ xèo xèo từ chiếc chảo lớn tỏa khói dễ chịu. Người chủ quán chạy ra chào Tiệp. Hai anh em ngồi xuống ghế, gần ngay chỗ bếp than. Tiệp giới thiệu Huyền với người chủ quán và hỏi chàng:

– Chú uống gì? Ở đây chỉ có bia với rượu ngang thôi.

– Tùy anh. Tôi sao cũng được.

Tiệp hất hàm nói với người chủ quán:

– Cho tôi hai chai bia. Một gói Co-tab nữa.

Những hạt mưa lăn tăn phủ vào mặt Huyền. Chàng ngồi quay lưng lại quán cơm nhìn ra bến tàu. Khoảng sông trước mặt trải rộng ra, những cánh bèo Nhật Bản nổi tiếp nhau thông thả trôi. Dãy phố bên kia sông bị lớp mưa dày che phủ, Huyền chỉ còn nhận được một vài ánh đèn nhỏ chập chờn. Chàng cố nhớ lại. Con đường đi về phía Cổ Lễ, Đồng Phú. Cái tháp chuông cao đầy quyến rũ giấc mơ của Huyền hồi nhỏ. Những đỉnh bàng xanh rờn một dãy phố hẹp. Huyền bỗng nhớ tới một kỷ niệm cũ, thời còn theo học ở Trường Cửa Bắc. Những ngày không thuộc bài, chàng không dám vào lớp, bỏ đi lang thang ở ven bờ sông rồi mệt mỏi ngồi xuống những trụ đá, nhìn sang dãy phố nhỏ bên kia, ngắm những con đò ngang bơi qua, bơi lại. Có lần Huyền rủ Tiếp cùng trốn học. Hai anh em kéo nhau đi xuôi mãi xuống mạn

cuối sông, qua những con đường goòng nhà máy sợi, nhìn những con thuyền đình đồ sộ đứng rũ buồm trong buổi chiều và mỉm cười đùa với những đứa trẻ sống trong thuyền. Hồi ấy, Huyền thường mơ ước sau này sẽ trở nên một họa sĩ. Bao giờ chàng cũng mang theo trong cặp một hộp bút chì màu. Chàng hí hoáy ghi lại những nét vẽ vụng dại trên cuốn vở học, hình ảnh những con thuyền đó. Trong khi ấy Tiếp lại ao ước một cuộc sống giang hồ nay đây mai đó và nhìn con thuyền vững chãi kia với những người sống trên đó bằng cặp mắt thèm khát. Tiếp thường bảo Huyền:

-Tao chán ghét thành phố chật hẹp. Lớn lên, tao sẽ vào lính thủy.

Và Tiếp để dành hết thời giờ vào việc tập bơi. Hơn Huyền có một tuổi nhưng Tiếp trông khỏe mạnh, cao lớn hơn

Huyền nhiều. Tiếp bơi rất giỏi. Một bữa, Tiếp đã nhận đánh cuộc với một số bạn bơi qua khúc sông này. Anh thắng cuộc trước bao nhiêu cặp mắt khâm phục của bè bạn. Cả hai cùng trưởng thành vào lúc thành phố Nam Định nổ súng. Quân Pháp bị vây trong khu vực nhà băng và nhà ga xe lửa. Huyền theo gia đình tản cư lên Bến Suôi để rồi sau đó hồi cư về Hà Nội rất sớm. Còn Tiếp có mặt trong đám thanh niên tự vệ thành từ phút đầu khói lửa. Hai người xa nhau từ lúc đó. Thỉnh thoảng ở Hà Nội, Huyền cũng có nghe thấy một vài người quen nhắc đến Tiếp. Người ta nói chính Tiếp đã tham dự vào trận vây Pháp ở khu ga và sau khi rút khỏi thành phố anh đã nhiều lần một mình bơi qua sông để do thám tàu địch, Huyền mang nặng mối khâm phục kính trọng Tiếp cho đến khi được tin anh trở về thành và đã lấy vợ. Tiếp lại vận động

xin vào làm việc ở chỗ cũ: nhà máy sợi. Về thành phố được ba tháng Tiếp viết thư lên Hà Nội nhắn Huyền về chơi. Lần nữa mãi gần một năm trời, Huyền mới thu xếp để về thăm Tiếp. Chuyển đi này Huyền cũng muốn về thăm lại thành phố cũ luôn thể. Chàng quay lại nhìn Tiếp lúc ấy đã uống hết nửa chai bia và đang xoè tay che gió để đánh điểm châm thuốc. Nét mặt Tiếp nhăn lại bực bội. Bấy giờ Huyền mới để ý thấy anh già hơn trước nhiều quá. Chiếc khăn len quần cô xoa xuống để lộ một vết sẹo chạy dài sau gáy Tiếp. Huyền ái ngại nhắc chiếc mũ dạ trên đầu xuống che gió cho Tiếp. Hút xong hơi thuốc đầu tiên, Tiếp bắt đầu hỏi Huyền về những chuyện làm ăn trên Hà Nội. Tiếp ngỏ ý muốn rời bỏ Nam Định để lên Hà Nội kiếm việc làm. Huyền hứa sẽ để ý tới chuyện đó và hỏi Tiếp về những người bạn học cũ của

hai người hồi trước. Tiếp chán nản nhìn khói thuốc rồi thở dài:

– Về đây tôi chỉ mới gặp được có hai, ba người. Họ cũng lãng nhãng sống như tôi cả. Để mai rồi, tôi đưa chú lại chơi thăm mấy người đó...

Huyền chợt nhớ đến một người bạn thân nhất học cùng lớp với hai người hồi trước:

– Còn thằng Hào ở phố hàng Tiệm?

Tiếp ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi lại:

– Chú định nói thằng Hào ngày xưa giữ gôn cho lớp mình phải không?

Huyền gật đầu. Tiếp uống cạn ngụm bia cuối cùng trong ly rồi thấp giọng:

– Nó về rồi, về trước tôi hai năm.

– Hiện giờ nó làm gì?

– Trong quân đội Pháp. Tôi cũng ít gặp nó lắm.

Và, Tiếp đứng dậy gọi nhà hàng tính tiền:

– Thôi, chúng mình về.

Hai anh em đội mưa, lững thững rời khỏi bến tàu.

Con đường dẫn về thành phố buồn nản, ánh đèn trắng một lượt sáng mỏng lên mặt nhựa trơn ướt.

Những ý nghĩ về Nam Định mà Huyền đã ôm ấp, ủ kín trong lòng từ bốn năm xa cách, chợt tan biến dần trong cảnh đêm buồn tỉnh nhỏ. Huyền không còn nhận được ra Nam Định của mình hồi nào nữa. Bộ mặt thành phố, sau cơn

tàn phá của chiến tranh, đã thay đổi hoàn toàn.

Nhịp chân của những gã lính Com-mando say rượu khua vang đầu phố. Một vài tiếng chửi rủa của mấy ả gái điếm vụt theo. Tiếp rùng mình đi sát vào Huyền. Bất chợt cả hai người cùng ngược mắt nhìn nhau.

Dãy phố chợ Năng Tĩnh đã hiện ra, nhộp nhúa, lầy lội. Tiếp trở một căn nhà cuối đường:

– Đã tới rồi.

★

Huyền phải cúi đầu mới chui nổi vào cái tổ gia đình của Tiếp. Mùi ẩm thấp xông tên tự nền đất nện. Ngọn đèn dầu Hoa kỳ đặt trên chiếc bàn gỗ mộc cạnh chiếc giường thuốc lá được vắn to hơn

nhưng vẫn không đủ sáng. Tiếp vào nhà trong để cất chiếc va-li cho Huyền và có lẽ cũng để xem qua cơm nước. Một lát anh trở ra:

– Tôi hãy còn nhớ ngày xưa chú thích ăn món canh rau cần nấu với cá. Hôm nay, tôi dặn nhà tôi thế nào cũng phải làm món đó.

Từ buồng trong có tiếng trẻ khóc. Tiếp bỏ ngang câu chuyện trở vào phòng trong và ẵm đứa trẻ nhỏ đi ra. Đứa trẻ khóc lớn thêm trong khi Tiếp chìa nó ra trước mặt Huyền, nói trong nụ cười sung sướng:

– Được gần hai tháng rồi đây. Mấy bữa nay trở giới thành ra nó quấy quá, mọi khi cả ngày không nghe thấy một tiếng khóc, hiền như thóc ấy.

Huyền đưa hai ngón tay vuốt khẽ cặp má đỏ ửng của đứa trẻ:

– Anh đặt tên cháu là gì?

– Tĩnh.

Huyền phì cười:

– Con gái gì mà lại tên là Tĩnh?

– Đặt thế cho nó tiện. Để ở đây thì lấy luôn tên phố này đặt cho nó và lại cùng vần với tên mẹ nó.

Như chợt nhớ ra, Tiếp mỉm cười:

– À mà chú chưa biết nhà tôi đây nhỉ? Máy lần tôi bảo nó đi chụp ảnh để gửi lên cho chú coi mà nó không chịu.

Vừa lúc đó, Huyền nghe thấy tiếng guốc nhè nhẹ từ buồng trong bước ra. Cả hai cùng quay lại. Tiếp hít mũi liên mấy cái rồi reo khẽ:

– Lại có cả nem rán nữa. Tuyệt!

Huyền không chú ý tới Tiệp nữa mà bắt đầu để ý tới người đàn bà sắp bước ra. Trong những lá thư Tiệp gửi cho chàng, ít khi Tiệp nói đến vợ mình. Huyền vẫn thường tự hỏi không hiểu vợ Tiệp ra sao và lúc này chàng thấy thích thú như một đứa trẻ tò mò sắp được thỏa mãn, khi tấm màn cửa hé mở. Một khuôn mặt đàn bà xanh nhợt hiện ra dưới ánh đèn dầu, ngược đôi mắt lo lắng nhìn lên. Tiệp chạy lại vén bức màn cửa để cho vợ bùng mâm cơm bước ra rồi nói:

– Chú Huyền đấy.

Chàng bước lại gần ánh đèn, cúi chào vợ Tiệp. Người đàn bà vẫn cúi xuống mâm cơm, ngón tay bối rối thu gọn lại mấy chiếc đĩa và đáp khẽ:

– Không dám....

Huyền nhìn sang phía Tiếp. Anh đang ậm ừ ru nhỏ đứa con cho nó ngủ hẳn nên không để ý tới cái nhìn đó. Sau khi đã bày gọn mâm cơm trên bàn, vợ Tiếp bước lại gần chồng:

– Mình để tôi ẵm con cho nó đi ngủ.

Huyền trao con cho vợ rồi xoa hai tay vào nhau nhìn mâm cơm và bảo Huyền:

– Bữa nay chúng mình phải uống thật say mới được. Mai tôi được nghỉ buổi sáng.

Hai người ngồi vào bàn ăn. Huyền đưa mắt nhìn vào nhà trong nói khẽ:

– Mời chị ra đây ăn cả cho vui.

Tiếp xua tay:

– Nhà tôi chắc đã ăn trước rồi.

Và anh mở nút chai rượu trắng:

– Chú uống rượu? Rượu này người làng mình cất đấy. Chú còn nhớ bà cụ Kép ở xóm Trại không?

– Có. Rượu của bà cụ ấy đây à?

Tiếp rót rượu ra ly, cười:

– Ngày xưa mỗi lần nhà mình có giỗ, tôi với chú không lần nào thoát khỏi cái nạn vào xóm Trại mua rượu. Hồi ấy thằng nào cũng sợ chó mà nhà bà cụ Kép thì nuôi những bốn con chó, con nào cũng dữ như hùm cả. Hồi mới nổ súng, anh em đề nghị giết chó, tôi xung phong đến thịt mấy con chó ấy trước nhất. Trả thù mà!

Huyền ngạc nhiên vì tửu lượng của

Tiếp. Anh uống rượu như uống nước lã và càng uống càng nói nhiều. Nói tới chuyện làm ăn rồi nói tới những kỷ niệm hồi khói lửa. Nhưng tuyệt nhiên Huyền không thấy anh đả động gì đến chuyện vợ, con. Sau cùng, chính Huyền phải khơi ra trước:

– Chị có buôn bán gì không?

Nét mặt Tiếp bỗng tối lại trong khoảnh khắc. Anh tợp liền một lúc hai ngụm rượu rồi chậm rãi:

– Có. Phải làm thêm mới đủ tiêu chú, cứ trông vào lương tôi thì không làm sao mà đủ được. Chú tính...

Tiếp kể lể một hồi những khoản chi tiêu trong gia đình cho Huyền nghe rồi kết luận:

– Nhà tôi chung nhau với mấy người

bạn đi buôn các thức rau củ ở ngoài kia về bán lại cho mấy bà ở trong chợ. Lãi khá nhưng nguy hiểm lắm. Mấy lần chết hụt đấy. Mình biết vậy mà chẳng làm thế nào hơn được. Cũng may, dạo này bớt vất vả rồi. Các bà ấy mang hàng về để ở bên kia sông, nhà tôi chỉ việc chở đò qua đem về là xong. Một ngày...

Thấy Tiếp cứ lan man nói mãi về công việc buôn bán của vợ, Huyền sợ câu chuyện sẽ lại đi sang những vấn đề khác, chàng ngắt ngang lời Tiếp:

– Anh gặp chị hồi còn ở ngoài đó?

Tiếp gật đầu, nhưng không nói gì thêm nữa về chuyện vợ con và lại tiếp tục uống rượu rồi nói lan man sang những chuyện khác. Huyền thấy hình như Tiếp cố ý lảng tránh những chuyện có liên can tới người vợ của anh, nên cũng khô-

ng hỏi thêm.

Tới chín giờ thì tàn bữa rượu, Huyền rủ anh đi dạo một vòng trước khi về ngủ nhưng Tiếp từ chối, lấy cớ là đã say. Huyền mặc quần áo ra khỏi nhà. Chàng đi lang thang trong những khu phố tối và ngửi thấy mùi hoa dạ hương quen thuộc hồi nhỏ.

✱

Khi Huyền đứng ở giữa con đường. Paul-Bert thì chàng cảm thấy mỗi mệt. Ánh đèn sáng từ một tiệm cà-phê hắt ra xui Huyền có ý nghĩ bước vào đó. Chàng chọn một chỗ ngồi gần ngay cửa ra vào và gọi một ly cà-phê. Một vài bộ mặt quen thuộc thấp thoáng trong quán nhưng Huyền không nhận rõ được ai. Câu

chuyện trao đổi giữa những gã thanh niên tỉnh nhỏ lọt vào tai Huyền. Chàng mỉm cười, lơ đãng ngó về phía quầy hàng. Cô caissière đang lảng lơ cười với mấy gã quân nhân ngoại quốc, cặp mắt đông đưa mời đón. Bỗng Huyền để ý tới một người đàn ông mới vào và đang đi thẳng lại phía caisse. Chàng đứng dậy, kêu khẽ:

– Hào.

Đúng là Hào rồi. Huyền sung sướng reo lên. Hào quay lại, nhận ra Huyền ngay sau đó và chạy vội lại:

– Về bao giờ?

– Tôi mới tới đây hồi chiều.

– Ở đâu?

– Ở nhà Tiếp.

Huyền trả lời rồi ngẩng Hào. Khác hẳn Tiếp, Hào đã thay đổi nhiều. Cả từ dáng người đến giọng nói, điệu bộ. Huyền chỉ chiếc ghế trước mặt. Hào ngáp ngừng nhìn về phía caisse rồi ngồi xuống. Tuy đã được Tiếp cho biết là Hào đang ở trong quân đội Pháp nhưng Huyền vẫn hỏi:

- Bây giờ cậu làm gì?
- Nhà binh. Còn cậu?
- Buôn bán lông nhặng ở Hà Nội.

Cặp mắt cô caissière hướng về phía Hào tìm kiếm. Hào đứng dậy:

- Ngồi đây, đừng về vội. Tôi ra ngay.

Và y đi thẳng lại chỗ caisse. Huyền lặng ngẩng Hào và hiểu ngay tại sao Tiếp không muốn nhắc đến chuyện Hào lúc

còn ở bến tàu. Chàng đã định gọi trả tiền rồi vào tù già Hào nhưng Hào đã quay ra cười tươi tắn:

– Hôm nay cậu phải đi chơi với tôi. Đập phá một đêm rồi ra sao sẽ hay. Cấm không được từ chối.

Huyền lắc đầu:

– Tôi phải về nhà Tiếp kéo hẩn đợi cửa.

– Mặc! - Hào ngồi xuống ghế và đưa thuốc mời Huyền – Đêm nay nhất định tôi phải bắt cóc cậu. Sẵn xe đây lát nữa tạt qua nhà Tiếp bảo hẩn là cậu ngủ ở đằng tôi. Nghe không?

Huyền chưa biết trả lời ra sao thì Hào lại nói luôn:

– Tôi sẽ cho cậu thưởng thức hương vị đặc biệt của thành Nam.

Và Hào nháy mắt trở tay về phía cô caissière đang cười tí mắt nhìn lại.

✱

Huyền ở Nam Định ba ngày thì trở về Hà Nội. Lần này, Hào cũng về Hà Nội và đi cùng một chuyến tàu với Huyền. Vợ chồng Tiếp vì bận công việc nên không thể ra tiễn chân Huyền được. Mà chính Huyền cũng không muốn có sự đưa tiễn đó.

Hào rủ chàng ra đứng ở phía cuối tàu, Hôi còi cuối cùng của con tàu đẩy lùi thành phố Nam Định lại phía sau. Hào trở tay cho Huyền nhìn về phía bến Đò Quan. Những chiếc thuyền nhỏ bé chật ních những khách cũng đang từ từ rời bến. Hào nói:

– Trong số ấy có vợ Tiệp. Mới đẻ được ít bữa đã phải đi làm rồi.

Huyền búng mẩu thuốc cháy gần hết xuống dòng sông, chợt nhớ lại câu chuyện về vợ chồng Tiệp do Hào kể lại hai bữa trước. Hình ảnh người đàn bà xanh xao cong mình đẩy mạnh mái chèo trên sông hiện ra: vợ Tiệp. Huyền không hiểu sao Tiệp lại giấu chàng chuyện đó. Cái nghèo nàn đã phơi bày rõ rệt trong gia đình Tiệp qua mấy hôm Huyền về chơi, tiếng nhỏ nhẹ khát nợ của vợ chồng Tiệp, cảnh đóng gạo từng bữa và những bộ quần áo vá nhiều mụn trên người Tiệp. Giọng nói của Hào vẫn còn như vẳng bên tai Huyền:

– Hấn khái một cách vô lý. Tôi đã xin cho hấn một vài chỗ làm dễ chịu mà hấn vẫn không thuận. Hấn tỏ vẻ nhặt nhẻo với sự ản cần của tôi trong khi vợ hấn

chứa gần đến ngày đẻ mà vẫn phải đi chở đó, con hăn ốm mà trong nhà không có nổi lấy một trăm bạc để mua thuốc. Tại sao có sự vô lý đó? Tôi biết. Hăn thủ tất cả những thằng như tôi: đi lính cho Pháp...

Huyền thở dài nhìn về phía bến. Con tàu đã ra gần khỏi khu vực Nam Định. Hình ảnh vợ Tiếp vẫn hiện ra trước mắt chàng. Câu chuyện của Hào như những dòng chữ phụ đề trên một cuốn phim, cùng lúc hiện ra...

– Tiếp lấy vợ ở ngoài đó rồi chẳng hiểu vì chuyện gì, hai vợ chồng dắt nhau về thành. Hồi ấy, tình thế hãy còn nhố nhăng, hỗn loạn. Trong một chuyến về các vùng quê mua rau lên thành phố để bán lại cho các nhà hàng ở chợ, vợ Tiếp đã bị lọt vào tay một thằng lính viễn chinh...

Trận mưa phùn đột ngột đổ xuống. Hào rủ Huyền vào trong bạt vải. Hai người ngồi xuống chiếc ghế dài cạnh đồng hành lý. Huyền đưa thuốc lá mời Hào:

- Câu chuyện ấy có thật?
- Chuyện gì?
- Vợ Tiếp.

Hào châm xong mỗi thuốc, ngồi ngả lưng vào thành tàu, hai chân duỗi thẳng ra đằng trước:

- Nếu bảo rằng cả thành phố Nam Định biết chuyện ấy thì cũng chẳng ngoa chút nào. Bởi vì sau vụ đó, vợ Tiếp mang thai với tên lính kia và đẻ ra một thằng bé mũi lõ, tóc quăn. Tây từ đầu tới cuối. Tiếp bắt vợ đem cho đứa bé ấy đi nhưng

sự thật thì vợ hần vẫn lén lút nuôi đứa bé.

– Tiếp có biết chuyện ấy không?

– Chắc là có nhưng vẫn phải làm bộ như không biết.

Huyền hiểu tại sao Tiếp có ý định rời bỏ Nam Định.

– Bây giờ đứa bé ấy ở đâu?

– Ở một nhà quen của vợ hần. Mỗi tuần lễ vợ hần lại lên thăm đứa bé một lần. Nghĩ cũng tội, dù sao đứa trẻ kia đối với vợ hần cũng là đứa con dút ruột đẻ ra...

Huyền không nghe thấy gì nữa. Chàng nhìn ngoái lại phía cuối tàu. Những rừng còi rậm ngát vươn lên, che khuất hần thành phố. Nam Định khô-

ng còn gì nữa. Trận mưa phùn trắng xóa đã bôi nhòa tất cả những hình ảnh phía sau. Xa lắm, nổi bật lên giữa khung trời xám, Huyền nhìn thấy chiếc mái một giáo đường với cây thập tự cô đơn.

THANH NAM

Nhìn bảy chân trời

Lý Tú – Sĩ Mộc – Huyền Phụng –
Hoài Ngọc

PASTERNAK CHẾT RỒI!

Pasternak chết rồi!

Quả thật, nói đến cái chết thì không cần phải nô nức na mách qué nào hơn là bảo rằng chết. Pasternak chết rồi, chết thật. Hãng thông tấn Tass đã công nhận. Vậy Pasternak đã chết. Tôi ở xa xôi, tuy yêu cái văn tài của Pasternak, nhưng không thể làm cách nào hơn là đi tắt

cánh đồng – như kiểu hơn một trăm người Nga đi đưa xác Pasternak ở Pere-delkino hay các ông bà Việt Nam ngồi xe đến đón đợi đám tang ở các nghĩa trang xa vậy – để hu hu khóc và hận thay cho Pasternak đã chết đi mà không được cái vinh hạnh trông thấy cuốn Bác sĩ Jivago của mình ra đời ở Việt Nam, mặc dầu bao nhiêu giấy mực, huyết hãn và những tờ giấy bạc đã tiêu tan vì cuốn sách béo bở đó.

Các độc giả của tôi tất chưa quên vụ án sôi nổi chung quanh cuốn tiểu thuyết của Pasternak sau khi ông được giải thưởng Nobel về văn chương. Có đến mấy bài báo lớn bênh vực hai nhà dịch văn có tài thần tốc đuổi kịp thời gian và in ra một bản dịch rất gọn của cuốn tiểu thuyết làm nổi danh cho nhiều người kia. Rồi lại có một bản thông cáo rất dài

và rất sát pháp lý của một tổ chức khác đã có tài giao thiệp và nắm chắc trong tay một tờ giấy phép đăng hoàng của nhà xuất bản Ý giữ quyền copyright về cuốn sách đó ở vùng tự do. Trong văn chương làm gì có chuyện tranh thương, thành ra độc giả trước sự sốt sắng như vậy của các nhà xuất bản và dịch văn rất lấy làm hỉ hả và mong đợi. Hỉ hả vì tin chắc rằng ở nước ta, trong khi tòa án đã xử thắng những người không công nhận quyền copyright như vụ SACEM – Đại Nam, mà có người sốt sắng lo xa đã điều đình để lấy bản quyền đăng hoàng, tất bản Việt văn của cuốn tiểu thuyết động trời kia phải ghê gớm lắm, hay ít nhất cũng phải hơn cái bản dịch rất gọn của hai nhà dịch-văn siêu âm-thanh kia.

Độc giả đã chờ, độc giả đã khéo an ủi mình rằng bản dịch dằng hoàng tất

phải lâu vì lẽ không gọn. Nhưng chờ mãi, chờ đến lúc phải hết hy vọng và than rằng: Pasternak chết rồi! Pasternak chết rồi, liệu cuốn Bác sĩ Jivago có nguội luôn không? Độc giả ở Việt Nam vốn xa xôi với văn nghệ quốc tế rất có thể để cho tác phẩm của nhà văn đó cùng nguội đi với xác chết của ông. Ngặt một nỗi là có những người quá sốt sắng với công việc văn chương đã đem hăm cho sôi lên. Sôi lên rồi để nguội! Pasternak chết rồi! Than ôi! Âu cũng là một bài học cho chúng ta.

LÝ TƯ

VĂN NGHỆ CÓ CỘC

Người ta nhận thấy có một sự trù mật khác thường giữa xã hội những

người lấy việc phụng sự mọi ngành nghề thuật làm lẽ sống chính. Đó là một triệu chứng đáng mừng. Mừng vì có sự đông vui, luật đào thải tự nhiên sẽ tác động được trong những kích thước rộng rãi. Sự gạn lọc do đó sẽ đề ra nhiều tài năng mới. Hơn nữa, có đông bạn đồng hành những tài năng cũ sẽ không tự mãn trên chiếc chiếu của mình và hăng hái đi xa mãi không biết mỏi.

Trong khi chờ đợi điều mong ước hôm nay trở thành sự kiện thực tế, ta thử quan sát cuộc đông vui trước mắt. Sự hứa hẹn quả thực có xứng với lòng mong ước hay không?

Ta hãy tạm hạn định cuộc quan sát trong hai khu vực: văn thơ và họa, tương đối hiện phần thịnh hơn hết. Nói đến phần thịnh phải kể trước nhất là thơ. Chưa bao giờ ta thấy thơ xuất

hiện nhiều trên mặt báo chí như hiện nay. Điều kiện khách quan giúp cho sự nảy nở của thơ phải kể những mục “hội thơ” mở trên những tuần báo và tạp chí chuyên môn và cả trên một số nhật báo nữa; đồng thời, số lượng những ấn phẩm có định kỳ cũng giúp cho các tác giả có nhiều dịp đăng thơ. Căn cứ vào trình độ những thơ được đăng toàn bài hay được trích từng đoạn dài, ta thấy hầu hết là những sản phẩm của thời kỳ tập tành do những tác giả trẻ tuổi. Thường thường, đáp lại tiếng gọi của nghệ thuật, những xúc động đầu tiên đều thể hiện trên giấy bằng thể văn vần. Trước kia – hay ở những phương trời khác – những tiếng nói non nớt vẫn được đem trao đổi giữa một số nhỏ người thân, hay người yêu. Sẵn có điều kiện khách quan dễ dãi, người ta đánh bạo đem chất chính cùng dư luận đông đảo. Đó là một sự thường

tình. Thời gian sẽ làm một cuộc gạn lọc lớn vậy. Tuy nhiên, điều kiện khách quan dễ dãi cũng đem lại một mối nguy cho chính những người đang tập làm thơ. Được năm ba bài thơ đăng trên báo, có những tác giả vội quên những mực thước gắt gao của công cuộc phụng sự nghệ thuật và hấp tấp thu góp những bước chập chững thành tập và đem in. Vội bằng lòng với chính mình như vậy tức là đang tay hạn chế tầm hoạt động nghệ thuật của mình ở một trình độ nhỏ nhoi.

Trên bình diện văn hay họa cũng vậy, những điều kiện khách quan quá dễ dãi cũng đưa tới một tình trạng nhìn nhận sự tập tành như một công việc đã hoàn thiện. Về văn, có thể có những ông bà chủ báo sẵn sàng đặt giá cho những bài văn hợp thị hiếu và có những tác giả sẵn

sàng không đặt một giá nào cho những trang mình viết ra. Đó là những trường hợp ngoại lệ. Phê phán trình độ văn chương chung qua những trường hợp ngoại lệ là một sự bất công. Về họa, tình trạng đáng ngại hơn vì thành thật mà nói rất ít người mua tranh vì thị hiếu. Tương đối các họa sĩ đứng trước những điều kiện khách quan gay go hơn, và có lợi hơn cho công cuộc phụng sự nghệ thuật. Tuy vậy, nguy cơ không hẳn không có. Những cuộc triển lãm liên tiếp được tổ chức cho ta cảm tưởng có một tâm lý chung chỉ vụ có một mục đích: đa đa ích thiện, càng nhiều càng tốt, càng tỏ ra có hoạt động. Tình trạng này có thể xảy ra, và còn dám tồn tại, vì một lẽ dễ hiểu: ở ta chưa có một thẩm quyền nào khả dĩ đáng kể về phương diện thẩm mỹ. Những người đứng ra tổ chức triển lãm, nếu thành thực ngó mình trong gương

mà tự hỏi, hoàn toàn không đủ khả năng để cân nhắc tài năng, giá trị. Hoặc giả, họ chờ đợi những lời phê bình, sau triển lãm, của một vài ngòi bút ngoại quốc ở đây, và yên tâm rằng đã làm phải. Khốn nỗi, không ai có đôi chút suy xét không nhận thấy tính cách xu thời của những ngòi bút đó, tội vạ gì mà họ gây ác cảm, hay là họ cũng coi thường cả dư luận bốn xứ nữa, miễn là có khen những hoạt động nói chung.

Quang cảnh trù mật mà đáng lo ngại đó, những điều kiện khách quan quá dễ dãi đó, được khuyến khích do một số người mà ta tạm gọi là loại văn nghệ có cọc. Hình ảnh lấy ở vế câu đối danh tiếng tả cái cảnh những con ốc bám ở hai cọc cầu ao. Con ốc bám ở cọc cầu ao mà nhìn ra mệnh mông trời nước, trong cái ao hoản, ở bên này lũy tre, mà tức

cảnh sinh tình tất nhiên phải nặng lòng với văn nghệ lắm! Bởi thế cho nên, trong khi mài miết ôm chắc lấy cọc, ốc ta cũng lo làm công việc sáng tạo và hoàn thành những tác phẩm. Có sáng tạo, và có cả tác phẩm nữa, tới giai đoạn cần lưu danh thiên cổ.

Bình thường ra, ở đây cũng như ở khắp nơi, một người văn nghệ, sau khi đem hết chân thành để phụng sự nghệ thuật, đều nhọc công đi tìm cánh cửa chính để bước vào đời. Cánh cửa chính thực ra ở ngay tầm tay của hết thảy mọi người, cái khó ở chỗ dám tiến thẳng, mặc dầu những hào quang chói lòa. Hào quang của con ốc không phải là không thể có nếu ốc dám lao mình xuống ao và thành tâm tìm hiểu thân phận đau thương của con ốc trong ao tù. Trái lại, ốc ta vẫn khư khư với cái cọc, kiêu hãnh

vì cái cọc, để mà nói chuyện trời mây. Bối thiếu thành thật cho nên sợ ánh sáng, phải len lỏi qua những kẽ ngách, đột nhập thế giới hào quang nhờ uy tín của kẻ khác. Những nghệ sĩ thường biết thương con ốc cả, và để rộng lượng cho ốc len lách. Nhưng len lách qua rồi, con ốc sẽ làm đem cái bình sinh của ốc ra làm kích thước và mưu đồ xây dựng văn nghệ. Bảo rằng làm văn nghệ khổ, ốc sẽ ôm chặt lấy cầu ao và bãi: làm văn nghệ sướng lắm chứ. Bảo rằng điều kiện khách quan quá gay go đối với những người văn nghệ yêu con đường của mình, ốc sẽ cười xòa và, hạ thấp giọng, khẽ nói: hãy làm một khúc quanh đi, như ốc. Rồi ốc sẽ nhìn vào sinh hoạt văn nghệ chung và phê phán: thiếu đề tài, bận trác táng, nhiều óc tự vệ.... Qua con mắt có hạn định của ốc, đề tài không thể là nông nổi chật hẹp của vũng hoắm trước mắt ốc.

Lao mình xuống ngay vũng hoản đó mà tìm hiểu thân phận ốc thì ốc lại cho là tự hủy hoại, là trác táng. Còn bảo nhiều ốc tự vệ thì nguyên do không ngoài sự có mặt của những thứ như ốc vậy.

Với một tầm nhận định không quá lũy tre xanh, lấy một quan niệm nông cạn cho rằng hoạt động văn nghệ cần một đường lối phục vụ “thiết thực”, loại văn nghệ có cọc không mong gì hơn có nhiều ốc cùng bám quanh mấy cái cọc cầu ao, trong khi những chân trời rộng mở cho mọi ngành nghệ thuật trên thế giới họ không cần biết đến. Những đặc thể của loại văn nghệ ốc nguy hại ở chỗ khiến cho nhiều bạn trẻ bỏ ngỡ tự hạn định ở chỗ vội vàng kiếm một chiếu ngồi. Nhưng không ai quên rằng, đối với những người phụng sự văn nghệ chân

chính, mấy con ốc giỏi lắm chỉ đủ làm một bữa đánh chén trông trăng.

SĨ MỘC

ĐỌC NHỮNG VÌ SAO LẠC của NHẬT TIẾN

Phương Giang xuất bản

Hồi này hiếm có những sáng tác phẩm của những cây bút trẻ không mắc những bệnh dịch tại hại những khuôn sáo thời đại: nhầy nhụa, nhơ nhớp, bình hoạn, chán chường, “buồn nôn”... Các tòa soạn không ngày nào ngớt nhận được những bao thư của những bạn trẻ yêu văn nghệ với một lá thư bày tỏ sự

tha thiết với sáng tác kèm theo vài ba bài thơ, nhiều nhất là thơ. Những người có trách nhiệm ở các tòa soạn nếu chỉ đọc những lá thư rất giàu nhiệt thành đó sẽ có một ý niệm hết sức lạc quan về tiền đồ văn nghệ. Nhưng xét tới những tác phẩm gửi kèm họ sẽ vội thất vọng.

Bao lâu nay người ta chờ đợi một luồng sinh khí mới trong văn chương. Người ta ước ao, thèm thuồng được nghe tiếng nói trong trẻo, hồn nhiên, thiết tha hay đả đàng cay của những tâm hồn trẻ đang yêu, yêu với đúng cái nhịp mà không ai có thể tìm được khi quá tuổi hai-mươi. Thèm thuồng vô ích vì những nhà văn, nhà thơ trẻ tuổi đã không trẻ tuổi chút nào. Một nạn dịch bắt chước lỏm lan tràn rộng rãi và được nhen nhóm thêm do một vài ông cụ-nhà-văn hết thời nhưng không hết tham

vọng cá nhân. Những tư tưởng đang tác động sâu xa trong văn nghệ giới quốc tế, mà chính những người tự coi như lão thành đó chưa chắc đã nghiền ngẫm xuôi, đều được đem ra gieo rắc cho các đồ đệ trẻ, dưới hình thức truyền khẩu. Cái học vội, học tắt đem truyền thụ một cách còn vội, còn tắt hơn nữa và kết quả gây nên tình trạng mà hơn mười năm trước đây E. Mounier, khi bàn về triết thuyết hiện sinh, đã mệnh danh là một thứ “escroquerie d’étiquette”. Chỉ cần đả động tới một vài khuôn sáo mòn là đủ đúng một thời đại và được bề trên xưng tụng và ghi tên trong chiến tuyến những rường cột tương lai của văn nghệ nước nhà! Mở cửa để dẫn dắt nhau vào một trường học nguy nga, tráng lệ là một việc; còn mở cửa để đẩy những bạn trẻ xuống lặn ngụp dưới một vũng ao tù và có giới ngoi tới đâu đi nữa cũng sẽ không

thể quá đầu ông chủ ao lại là một chuyện khác hẳn.

Trong một tình trạng lạc lõng và đầu cơ như vậy, được đọc cuốn Những vì sao lạc có thể coi như là một hạnh phúc. Hạnh phúc, chỉ vì nhà văn trẻ Nhật Tiến, trong cuốn chuyện dài thứ hai này, không mắc cái bệnh dịch thời đại, hay thần hoặc chỉ lay đôi chút thôi, chẳng hạn những đoạn lý luận về thân phận những kẻ bơ vơ chen lẫn giữa những đoạn cần thiết cho câu chuyện kể. Giữ được bản chất của mình ở giữa cuộc hỗn mang ngày nay phải kể là một đức tính nhiều hứa hẹn.

Nhật Tiến còn đáng khen hơn nữa ở chỗ đi vào một khía cạnh thời đại – nông nổi những cuộc đời tan vỡ vì hoàn cảnh hậu chiến – mà không rơi vào những khuôn sáo mòn. Suốt 165 trang truyện, không một lần nào tác giả lộ diện trường

một tấm bảng tư tưởng mượn. Cậu bé Khánh kể câu chuyện đời mình với một giọng chân thành, với một niềm yêu đời chưa hề sút mẻ mặc dầu bao phen đắng cay. Nếu dùng một khuôn sáo đang thời, ta có thể nói Những vì sao lạc là một văn phẩm đượm rất nhiều tính chất “đi lên”.

Bởi Nhật Tiến là một cây bút trẻ, tưởng cũng cần nêu lên một điểm thiếu sót về phương diện kỹ thuật. Nhật Tiến đứng quá gọn trong ranh giới những truyền thống các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn. Dáng điệu của Những vì sao lạc đẩy người đọc lùi trở lại với những cảm tưởng khi ngày xưa đọc Nửa chừng xuân, Đoạn tuyệt, chẳng hạn. Cố viết cho được giống như những nhà văn tiền bối, thật ra không phải là một đức tính của một cây bút trẻ vậy.

HUYỀN PHỤNG

MÙA CỔ ĐIỂN CỦA QUÁCH TẤN

Tân Việt xuất bản lần thứ hai

Mùa Cổ Điển là một tập thơ tái bản. Lần thứ nhất, 1941, khi. mới ra mắt cuộc đời, “Mùa Cổ Điển cũng đã đóng vai một món đồ cổ, với cái tính chất “làm mới lại một cái gì xưa cũ”, tự ngàn đời – không khí Tống, Đường – giữa làng thơ mệnh danh là Mới của thời tiền chiến. Thời đó, cách đây 19 năm, người viết tựa cho Mùa Cổ Điển (Chế Lan Viên) đã phải rào đón: “... Ai ngờ rằng cái thế kỷ hai mươi nhận nhịp với những thi sĩ dâm loạn, điên cuồng, gian trá (?), độc ác (?) của nó, lại còn giữ nguyên vẹn, đâu đây, cả một bầu không khí Tống, Đường...”

[Chúng tôi đặt mấy dấu hỏi ở đây bởi vì không hiểu Chế Lan Viên nhằm vào đối tượng nào để mà bảo rằng “cái thể kỷ hai mươi nhộn nhịp này” sản ra được cả những thứ “thi sĩ gian trá, độc ác”? Và đã gian trá, độc ác, liệu còn xứng đáng gọi là “thi sĩ” nữa chăng?]

Dẫu sao, “cái phong vận tao ông, mặc khách” của Quách Tấn cũng đã có một thời được xác nhận. Và đó là một thời đã qua.

Suốt 19 năm, Quách Tấn hầu như im hơi lặng tiếng. Chính vì thế, cái phong vận mặc khách của tác giả Mùa Cổ Điển vẫn không suy giảm. Sự hiện diện của Quách Tấn không đậm đà, nồng nhiệt, chỉ thấp thoáng nghi dung. Chúng ta không quên Quách Tấn, nhưng cũng không thiết tha mong đợi. Chính vì thế, lĩnh vực của Quách Tấn không bị xâm phạm. Không khí bình yên vô sự của

Mùa Cổ Điển không bị xáo trộn bởi những nỗi niềm hoang mang của thời dai. Và thời đại hôm nay nhớ đến Quách Tấn cũng dễ dàng giữ được cảm tình thoang thoảng thơm lâu, như nhớ tới một cái bóng tao nhân mặc khách của Quách Khứ, một vạt áo xanh Tư Mã, đôi gót văn hài “lượn sóng cỏ vương tôn...”

Nhưng gần đây, từ quá khứ hiện về, Quách Tấn tuyên bố: sẽ cho ra đời “Lá Mã Tiền”, một thi phẩm mới – ít nhất cũng mới hơn “Mùa Cổ Điển”.

Thế rồi bây giờ, người ta thấy Quách Tấn cho tái bản Mùa Cổ Điển, với lời giải thích:... “Trước khi cho xuất bản Lá Mã Tiền, theo lời khuyên các thân hữu, tôi cho tái bản Mùa Cổ Điển. Mùa Cổ Điển cũ gồm đại đa số thất ngôn bát cú. một số ít thất ngôn tứ tuyệt, và vài bài lục bát. Tập này có đôi chỗ khác trước: – Những

bài thất tuyệt và lục bát bỏ ngoại, để đem sang Lá Mã Tiền và các tập sau. – Có đưa thêm vào một số thất ngôn bát cú: một ít trích ở Một Tấm Lòng, và vài mươi bài trích trong các văn thơ làm vào khoảng 1945-55 mà tính chất tương tự với Mùa Cổ Điển. Như thế để cho thể thơ được thuần nhất và tình thơ có trước sau...”

Mặc dầu có sự giải thích đó, làng thơ hôm nay vẫn không khỏi thất vọng. Vừa mới kỳ Hiện Đại số 2, trong mục Nhìn Bảy Chân Trời, anh bạn Sĩ Mộc đã viết về vấn đề tái bản sách: “Sự kiện gần đây có mấy nhà thơ đem tái bản tác phẩm đã xuất bản từ thời tiền chiến là một triệu chứng đáng buồn trong văn chương cũng như trong ngành xuất bản.” Đáng buồn, vì... “đem tung vào thị trường một số ấn phẩm vào loại bốn cũ soạn lại tức

là chứng minh hùng hồn tình trạng nghèo nàn của mình...”

Kẻ viết bài điểm sách nhỏ này không có dụng ý nổi lời Sĩ Mộc để lại đặt vấn đề tái bản sách lên thảm xanh, và để dồn Quách Tấn vào chung tình trạng với những người soạn lại bốn cũ. Sự thực, kẻ viết bài này muốn tìm một “trường hợp giảm khinh” khả dĩ bào chữa được cho cái việc tái bản “Mùa Cổ Điển” của Quách Tấn. Những người có cảm tình với Quách Tấn hẳn không muốn nghĩ rằng ông đã cùn đến độ chỉ sao tằm lại được những tác phẩm cũ mà thôi.

Ông không cùn, nhưng ông đã khiến chúng ta hơi thất vọng, chính vì chúng ta đã đặt phần nào hy vọng vào ông. Cách đây 19 năm, Mùa Cổ Điển xuất hiện lần thứ nhất đã là một cái gì cổ điển đối với

trào lưu thi ca tiền chiến. Ngày nay, cả cái trào lưu thơ gọi là Mới thời đó cũng đã trở nên cũ kỹ. Nhiều thi phẩm hồi đó được thời nhân hâm mộ giờ đây chỉ còn cái giá trị của những tài liệu trong viện tàng cổ. Thế mà ngày nay, Quách Tấn lại chỉ làm được mỗi cái việc tái bản Mùa Cổ Điển, nghĩa là cố ý làm mới lại một tác phẩm đã hai lần cổ điển! Ông cũng giống như một vài nhà thơ tiền chiến khác thích tái bản tác phẩm không phải vì sự đòi hỏi của độc giả, nhưng vì quá nặng lòng tiếc thương cái danh vị cũ của mình, nên tiếc thương chi chút cả mỗi vần điệu rơi rớt trong dĩ vãng.

Qua lời nói đầu, ông đã trình bày lý do: “Theo lời khuyên các thân hữu, tôi cho tái bản Mùa Cổ Điển... Vậy lý do thứ nhất không phải là một lý do hợp lý

mà chỉ hợp tình – hợp với tình riêng của ông.

Còn một lẽ nữa: Tái bản Mùa Cổ Điển, tác giả muốn dàn bày, sắp đặt lại thi phẩm đó cho “thể thơ được thuần nhất và tình thơ có trước sau”... Thực là cẩn thận, chu đáo. Nhưng cũng trật tự chi li quá! Tất cả năng lực cùng triển vọng sáng tạo không ngừng của người văn nghệ trong 19 năm trời chẳng lẽ chỉ đặt vào cái việc thêm bớt quanh quẩn dăm ba thể thơ, tính toán niên kỷ một đôi bài thù tạc, để rồi tuần tự ghi lại năm, tháng phân minh, cho “có trước có sau”, như Quách Tấn đã làm?

Chúng ta nghĩ tới những thi sĩ như Rimbaud, như Lautréamont, mê mải sáng tác đến quên cả đời sống, để rồi tác phẩm bỏ vương vãi cho bạn bè xuất

bản. Cho tới khi danh tiếng nổi cồn lên như sóng giữa Thủ đô văn học, thì một kẻ (Rimbaud) đã giang hồ phiêu bạt tận đâu đâu, còn một kẻ (Lautréamont) thì đã vĩnh biệt hẳn cõi đời. Chẳng cần bận tâm đến sự nghiệp, mà sự nghiệp của họ vẫn cứ “có trước có sau”.

Phải chăng bởi vì ở trên cái hình thái kiến tạo một thời, họ còn có ngọn lửa thiêng của cái Hồn Sống muôn đời chói sáng?

Cái giá trị một thời của Mùa Cổ Điển cũng như của tất cả những tác phẩm thi ca tiên chiến, nếu thực là giá trị vĩnh cửu, thì hôm nay, tác giả của chúng không cần tự lo lấy việc tái bản chúng, ngày mai cuộc đời cũng vẫn nhớ đến chúng.

Trường hợp tái bản Mùa Cổ Điển

của Quách Tấn chỉ có một điểm khiến tác phẩm ngày xưa của ông còn giữ được cảm tình thanh đậm của người đọc hôm nay: Đó là cái tính chất cổ điển của Mùa Cổ Điển. Chính cái tính chất cổ điển đó, cái không khí Tổng Đường nghìn thu đã làm cho thi phẩm Quách Tấn xưa cũ hai lần, và sẽ mãi mãi vẫn chỉ là một cái gì xưa cũ – chính cái văn phong “nhìn trở về”, “quay trở lại” đó khiến cho người đọc không muốn nghĩ rằng Mùa Cổ Điển đã lỗi thời. Bởi vì gọi cái phong khí xa xưa trong sự tiếc thương những cái gì đã cũ, chính là sắc thái riêng biệt của Mùa Cổ Điển, nên quả thực chúng ta cũng không muốn “phân chia bờ cõi Thơ bằng hai chữ Mới. Cũ” chỉ có ý nghĩa tương đối. Cái “hai lần cũ” của Mùa Cổ Điển hình như đã khoác cho thi phẩm đó một tấm áo không phân biệt rõ màu sắc thời gian. Như vậy, không ai còn muốn khe khắt

với Quách Tấn nữa, miễn là ông đừng đặt quá nhiều quan trọng vào cái việc “làm mới lại một tác phẩm cũ”. Khi ông cẩn thận trình làng: “Tuy là một tập thơ tái bản, nhưng khuyết điểm vẫn còn như xưa, vì chưa có thì giờ sửa chữa... Vậy khi gặp những chỗ bất như ý, ngửa mong bạn lòng thế tất cho...” ấy là ông đã lo ngại một điều hơi lẩn thẩn, đối với đứa con đã nhón lộc ngọc 19 tuổi! “Cha mẹ sinh con, trời sinh tính” ông sửa chữa nó kỳ khu quá làm gì, tội nghiệp!

Chủ đích bài này chỉ cốt bày tỏ một thái độ của người đọc hôm nay đối với một tập thơ tái bản như *Mùa Cổ Điển*, chưa phải để phân tách lại một giá trị văn nghệ. Chỗ đáng kể của *Mùa Cổ Điển*, chúng tôi vẫn muốn nhìn thấp thoáng xa xa, qua một làn sương lưu luyến của Dĩ vãng.

Những dấu sao, thi sĩ Quách Tấn vẫn còn là người của hôm nay. Và sau Mùa Cổ Điển, chúng ta vẫn muốn ông cho xuất bản một tập thơ khác với Mùa Cổ Điển, chẳng hạn Lá Mã Tiên, thi phẩm mà ông đã hứa hẹn.

HOÀI NGỌC

HỘP THƯ

Đã nhận được thư, thơ, văn của các bạn:

Trịnh quang Phú - Mặc Linh - Vũ Huyền - Lam Thủy - Bảo Triết - Mai trúc Chi - Thanh - Suối Ngà - Hoang Vu - Vũ dạ Khúc - Trần đình Bé - Thạch Nhân - Mặc phong Thanh - Võ Tư - Đinh văn Quý - Hải Lương - Thủy Tiên - Mặc cơ Hàn -- Nguyễn Văn - Elbé - Nguyễn trọng Hối - Nguyễn văn Hải - Mây đại Dương - Hoàng trúc Linh - Trần văn Thạch - Nguyễn văn Thái - Vũ Lý - Võ phúc Vĩnh - Võ thù Nam - Hồ tấn Phát - Lam Sơn - Trần công Trọng - Vy Thy - Bửu Uyển - Giang - Trần Đại - Hà tử

Lệ - Quỳnh - Y Hy – Dạ Trúc - Hoài sử
Nhân - Trương bá Trạc – Lệ Phi – Tiến
Linh...

Đang xem. Xin cứ gửi tiếp.

Còn rất nhiều bài vở của các bạn khác gửi về nhưng vì khuôn khổ của hộp thư chúng tôi không thể trả lời ngay trong một số. Sẽ tiếp tục trả lời các bạn trong những số tới. Cho

Bạn Trường Duy: “Mây Chiều” sẽ đăng trong số tới. Cho tòa soạn biết địa chỉ và cứ gửi bài về.

Hiện Đại

GIỚI THIỆU CÁC TẠP CHÍ

TẠP CHÍ SÁNG TẠO

Tục bản số 1 – Bộ Mới ra đầu tháng
7-1960.

Bộ biên tập: Doãn quốc Sỹ. Duy Thanh. Mai Thảo. Nguyễn sỹ Tế Thái Tuấn, Thanh tâm Tuyền. Trần thanh Hiệp. Tô thủy Yên - Chủ nhiệm: Mai Thảo – Tòa soạn: 133b, Ký Con – Saigon.

THÔNG TIN CHIẾN SĨ

Tuần báo thông tin của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa phát hành vào ngày thứ hai – Chủ nhiệm: Trung tá Nguyễn văn Châu – Tòa soạn: KBC. 3168

QUÊ HƯƠNG

Nguyệt san Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội – Phát hành ngày 15 mỗi tháng – Tòa soạn: 55 cư xá Kiến Thiết, đường Công Lý Saigon.

VĂN HÓA Á CHÂU

Cơ quan phát huy văn hóa Dân Tộc, nghiên cứu tinh thần Á Châu và dung hợp tư tưởng Đông Tây – Tòa soạn: 201, đường Lê văn Duyệt Saigon.

